SỐ 2

THÁNG 5
1958

ĐẠI HỌC

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU

J. M. NGUYỄN - VĂN - THÍCH	*ĐẠI - HỌC*
TRẦN - VĂN - TOÀN	*XÃ - HỘI LÝ và XÃ - HỘI TÍNH*
LÊ - TUYÊN	*ANDRÉ MALRAUX*
NGUYỄN - VĂN - TRUNG	*VẤN ĐỀ GIẢI-THOÁT CON NGƯỜI TRONG PHẬT - GIÁO VÀ TƯ TƯỞNG J. P. SARTRE*
NGUYỄN - TOẠI	*HÔN - NHÂN TRONG LUẬT XƯA*
LÊ - THANH - CHÂU	*NHỮNG CUỘC CẢI THIỆN XÃ-HỘI TẠI ANH QUỐC*
H. T. L.	*ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ*
LÊ - KHẮC - QUYẾN	*VẤN ĐỀ TRƯỜNG Y - KHOA TRONG ĐẠI - HỌC HUẾ*
BỬU - HỘI	*NHIỆM - VỤ CỦA SINH - VIÊN ĐỐI VỚI TƯƠNG LAI TỔ QUỐC*
ĐINH - VIỆT - THỦY	*LUẬT THƯƠNG - MẠI TOÁT - YẾU*

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
Chủ-trương biên tập :
NGUYỄN - VĂN - TRUNG
36 Lê Lợi, Huế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

MỤC LỤC

		Trang
J.M. NGUYỄN-VĂN-THÍCH	ĐẠI-HỌC	3
TRẦN-VĂN-TOÀN	XÃ-HỘI LÝ và XÃ-HỘI TÍNH .	8
LÊ-TUYÊN	ANDRÉ MALRAUX . . .	22
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	VẤN-ĐỀ GIẢI-THOÁT CON NGƯỜI TRONG PHẬT-GIÁO VÀ TƯ TƯỞNG J. P. SARTRE. . . .	34
NGUYỄN-TOẠI	HÔN NHÂN TRONG LUẬT XƯA.	62
H. T. L.	ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.	77
LÊ-THANH-CHÂU	NHỮNG CÔNG CUỘC CẢI THIỆN XÃ-HỘI TẠI ANH-QUỐC . .	82
LÊ-KHẮC-QUYẾN	VẤN ĐỀ TRƯỜNG Y-KHOA TRONG ĐẠI-HỌC HUẾ. . . .	101
BỬU-HỘI	NHIỆM-VỤ CỦA SINH-VIÊN. .	105
ĐINH-VIỆT-THỦY	LUẬT THƯƠNG-MÃI TOÁT-YẾU của LÊ-TÀI-TRIỂN. . . .	113

★

Thư từ, bài vở gởi về : Ông NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Giao dịch cùng Tòa Báo : Ông NGUYỄN - ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gởi về :
Linh-mục CAO - VĂN - LUẬN
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ
Tòa-soạn và Trị-sự : Số 36, đường Lê-Lợi HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Đại-Học

Đại-học là gì ?

« Đại-học giả đại nhơn chi học dã ».

Theo nghĩa Chu chú, Đại-học là cái học của đại nhơn, người lớn.

Mà đại nhơn là ai ?

Là người đã nhận được nghĩa nhơn vị mà nói : « Vũ trụ nội sự giai ngô nhơn phận nội sự » công việc trong vũ trụ (không gian và thời gian) đều là phần việc ta.

Cứ nghĩa rộng ấy mà bàn về Đại-học ngày nay, thì càng thấy thiết thực vậy.

Xin đọc đoạn đầu truyện Đại-học.

Đại-học chi đạo, tại minh minh đức
tại tân dân
tại chỉ ư chí thiện

Con đường Đại-học, cốt tại làm sáng đức sáng,
tại làm cho dân nên mới
tại dừng lại nơi chí thiện

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Các nho học xưa gọi ba điều ấy là ba cương mục của đại-học.

Đây, chúng tôi xin giải nghĩa thêm.

Đạo

Đã gọi là **đạo**, nghĩa là đường, thì học là tri để mà hành, nghĩa là đi. Như vậy, chữ hành hóa ra chữ hạnh, cùng nghĩa như chữ **đức**, vì cũng nhắm đến chữ **thiện**

I.— Minh minh đức.

Đây là bước đầu trên con đường đại-học.

Muốn cho sáng, cho rõ một vấn đề nào, một hành động nào trước, phải học hỏi để thực hành cho chuyên chí, như sách Trung dung dạy: *Bác học — thẩm vấn — thận tư — minh biện — đốc hành* — nghĩa là học cho rộng — hỏi cho rõ — suy cho kỹ — biện biệt cho rành — thực hành cho chu đáo.

Làm cho sáng đức sáng, có ý nói cái đức bởi tính trời phú cho nguyên là sáng, vì vốn là ***hư linh bất muội,*** như bức gương dầu chưa đưa ra trước mặt trời vốn là trong sạch, không mờ ám. Nhưng hoặc vì tà thuyết làm cho mờ ám trí khôn, hoặc vì vật-dục làm cho nhơ nhớp lòng, nên phải quét sạch mây mù để thấy trời xanh.

Minh đức là của trời cho. Minh minh đức là công việc của người, của bậc đại-học.

II.— Tân dân

Mạnh tử có lời: ***Hiền giả dĩ kỳ chiêu chiêu, sử nhơn chiêu chiêu:*** Kẻ hiền lấy đức sáng của mình làm cho người khác cũng sáng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Kỳ chiêu chiêu là minh minh đức.

Sử nhơn chiêu chiêu là tân dân.

Trước tối sau sáng cũng như trước cũ sau mới vậy. Và dầu trước đã mới rồi, sau cũng có thể còn mới và càng mới thêm, như chương thứ hai truyện Đại-học thích hai chữ tân dân vậy :

Cẩu nhựt tân, nhựt nhựt tân, hựu nhựt tân.

Muốn mỗi ngày được mới, thì phải hằng ngày hằng mới, lại càng ngày càng mới.

Thế tục chỉ biết ***Cách kỳ cựu chi vị tân*** (Đổi cũ gọi là mới), mà không biết ***Ôn cố nhi tri tân*** (Ôn cũ mà biết mới).

Có cái mới mà muôn đời vẫn là mới và có cái cũ dầu một mai cũng đã cũ. Là cái mới của chữ thiện và cái cũ của bất thiện.

Vậy muốn tân dân thì :

Tiêu cực phải cỗi bỏ bất cứ cái gì là mục nát, bất cứ cái gì không phải là chân, thiện, mỹ mới bày ra mặc dầu là học-thuật hay kỹ-nghệ mới lạ.

Tích cực phải ôn lại nền học vấn xưa, duy-trì lại và phát-minh ra bất kỳ cái chi là chân-thiện-mỹ trong bảo tàng xưa, và mặt khác chỉ nên thâu thập cái mới mà rõ là tốt, lành thật.

Mới chuộng cũ vong, là cái tệ những người tân tiến — Xin đừng nói cựu học và tân học, nhưng chỉ nói như Khổng-phu-tử kim chi học và cổ chi học thì hơn.

Tân dân ! Làm cho dân Việt-Nam nên mới không chỉ về hình thức thôi lại mới về tinh thần đạo-đức nữa,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ấy là công việc của bậc đại-học. Xin sinh-viên đại-học phải hiểu chữ tân để đi đến hai chữ chí thiện.

III. — Chỉ ư chí thiện

Dừng lại nơi chí thiện.

Đi phải đến, đến thì dừng lại.

Đi mãi mà không dừng lại đâu, là không đi đến đâu, thì không phải là cuộc hành trình, đó chỉ là cuộc phiêu lưu « bình tông vô định », không gọi con đường đại-học được.

Con đường đại-học cũng không phải đưa đến thiện thôi, phải đến chí thiện thì mới cân xứng. Chữ đại phải đòi cho được chữ chí.

Hỏi chí thiện là gì ? Có phải cái gì trừu-tượng hay tuyệt đối, **cao viễn nan hành**, cao xa khó đi đến ?

Thì đây, Tăng-Tử chép truyện Đại-học lại giải thích như sau :

Vi nhơn quân chỉ ư nhân,
Vi nhơn thần chỉ ư kính,
Vi nhơn tử chỉ ư hiếu,
Vi nhơn phụ chỉ ư từ,
Dữ quốc nhơn giao chỉ ư tín.

Thế thì : Chí thiện cho vua là nhân
Chí thiện cho tôi là kính
Chí thiện cho con là hiếu
Chí thiện cho cha là từ
Và chí thiện cho người nầy với người nọ là Tín.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đủ thấy chí thiện không phải đều gì cao xa. Mỗi người theo địa-vị mình, hoàn cảnh mình, phận sự mình, tuỳ nghi ứng biến mà chọn lấy cho mình ; rồi cứ thẳng đường tiến bước. Tiến mãi phải tới. Ra sức đi, lực hành không thôi sẽ đến thánh hiền địa-vị.

Nơi khác (trong sách Luận ngữ) Tăng-tử khuyến-khích các sinh-viên đại-học nay rằng: *Sĩ bất kha dĩ bất hoằng nghị : Nhiệm trọng nhi đạo viễn.*

Nhân dĩ vi kỷ nhiệm : Bất diệc trọng hồ ?

Tử nhi hậu dĩ : Bất diệc viễn hồ ?

Kẻ sĩ phải **hoằng** (độ lượng rộng và lâu dài) **nghị** (sức mạnh mà gánh vác)

Vì lấy Nhân làm gánh : không phải là nặng sao ?

Và đến chết mới nghỉ : không phải là xa sao ?

Đàng xa, là con đường đại-học. Gánh nặng là chí thiện.

Xin sinh viên nắm giữ hai chữ **hoằng** và **nghị** của thầy Tăng-tử, người đã chép truyện Đại-Học.

SẢNG-ĐÌNH J. M. THÍCH

(1) Chương trình Đại-học có tám điều. Sau sẽ bàn đến.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

XÃ-HỘI LÝ và XÃ-HỘI TÌNH

Hai thế-giới lý tình.—

CON người có hai thứ liên-lạc : liên-lạc với vũ-trụ bên ngoài và liên-lạc với đồng loại. Liên-lạc với ngoại giới sinh ra thế-giới đồ vật và dụng-cụ cần-lao. Thế-giới này có các phần ăn khớp với nhau một cách máy móc. Ta có thể gọi là thế-giới lý. Liên-lạc với đồng loại tuy không phải là phi lý, nhưng vượt lên trên các luật máy móc của thế-giới lý, và phát-triển theo chiều tự-do của con người. Ta có thể gọi là thế-giới tình. Gọi như thế, ta không có ý hiểu là thế-giới của cảm-tình hỗn độn và phi lý, nhưng có ý hiểu là một thái-độ vượt quá cả những đòi hỏi của lý-tính.

Hai thế-giới này có hai phạm-vi biệt-lập và không hạn-chế lẫn nhau. Đôi khi ta cảm-tưởng là có sự va chạm, đó vì là ta coi người như đồ vật, hoặc coi đồ vật như người ; nghĩa là vì ta lẫn hai phạm-vi với nhau,

Hai thế-giới biệt-lập ấy đều do hai thái-độ của con người mà ra, và gặp nhau trong cần-lao.

Thực thế, vũ-trụ và các lực-lượng thiên-nhiên, nếu không nguy-hại cho sinh-mệnh con người thì cũng là dửng dưng đối với việc phát-triển con người. Công-việc đầu tiên của con người là tìm trong ngoại giới những gì có thể nuôi sống và che chở mình khi nóng lạnh, khi gió mưa. Bởi thế con người, chỉ có thể sinh sống và phát-triển khi vũ-trụ phù-hợp với mình, hay nói cho đúng hơn, khi con người biết đặt tay lên vũ-trụ và xoay hướng cho nó chuyển theo đường phát-triển của mình. Thế nghĩa là : *không nhân-hóa vũ-trụ thì cũng không thể nhân-hóa con người.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhân-hóa vũ-trụ, đưa vũ-trụ vào đời sống, tức là cần-lao. Con người khác con vật ở chỗ biết làm cho điều-kiện sinh sống của mình đi đến chỗ hoàn-hảo. Nhưng cũng trong cần-lao, ta thấy lộ ra một thực-tế mới: loài người ảnh-hưởng lên nhau và cộng-tác với nhau.

Đứng một mình trước các nguy-hiểm của thiên-nhiên, cá-nhân không đủ lực để đối phó, Muốn bảo-vệ đời sống, phải tìm ra phương-pháp để ảnh-hưởng lên ngoại giới, phải chế ra dụng-cụ và phải hợp sức với người đồng loại. Các di-tích của nhân-loại tiền-sử chỉ còn là dụng-cụ họ dùng để đối phó với thiên-nhiên. Dụng-cụ không phải chỉ có nghĩa cho người sáng-tạo ra, nhưng còn có ý-nghĩa đối với tất cả một xã-hội đã phát-sinh và xử-dụng nó. Muốn cộng-tác, phải có một ngôn-ngữ để dạy bảo nhau phương-pháp làm việc, để thông-đồng kiến-thức. Các dụng-cụ, lối hành-động và kiến-thức là văn-hóa, theo ngôn-ngữ truyền từ thế-hệ này sang thế-hệ khác. Ngay trong một trình-độ rất thô-sơ của cần-lao, đã xuất-hiện đời sống tập-đoàn trong đó loài người trao đổi ý-kiến, phương-pháp làm việc và kết-quả của cần-lao. Thế tức là có phân công-tác. Có phân công-tác thì cũng có tổ-chức.

Ai nấy đều có liên-lạc chặt-chẽ với người chung-quanh vì cùng nỗ-lực biến-đổi thiên-nhiên, cùng theo một di-truyền, cùng một văn-hóa và cùng dự phỏng về tương-lai, hình-ảnh của một xã-hội lý-tưởng.

Văn-hóa, ta có thể gọi là ý-thức của cần-lao. Thực-sự, tiên vàn nhân-loại đã cần-lao, sau đó mới dùng ngôn-ngữ để tư-tưởng việc mình làm, và đặt ra các tổ-chức để kết-tinh các phương-pháp hành-động, để trao đổi cho nhau. Nhưng cũng vì có ngôn-ngữ, tư-tưởng mà con người không bị kiềm hãm vào trong thế-giới vụ-lợi bản năng bảo-tồn phát-sinh. Tư-tưởng vượt lên trên hiện tại để dự phỏng tương-lai và đặt cho cần-lao một giá-trị nhân-loại. Nếu không, đời sống tập-đoàn của cần-lao, sẽ không khác gì đời sống tập-đoàn của loài ong kiến. Và trong khi vượt lên trên cần-lao, con người như được giải-thoát khỏi cần-lao để dự phóng nhiều viễn-tượng khác với viễn-tượng cần-lao.

Chúng ta có thể tóm lại rằng: *cần-lao và văn-hóa là nền tảng của xã-hội.*

* * *

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Xã - hội lý.

Đời sống của xã-hội là cộng-tác với người chung-quanh để nhân-hóa vũ-trụ. Nhân-hóa vũ-trụ hay biến-đổi thiên-nhiên thuộc về thế-giới lý của kiến-thức và kỹ-thuật. Cộng-tác với người khác, một đàng là về thế-giới lý như trên, theo nguyên-tắc hiệu nghiệm ; một đàng là về thế-giới tình. Vì trong thế-giới tình, ta không coi người khác như một lực lượng giúp ta biến đổi thiên-nhiên, như con trâu giúp ta kéo cày; nhưng ta coi họ là nhân-vị cần được giải-thoát và phụng-sự.

Biến đổi thiên-nhiên đòi một tổ-chức hợp-lý, các phần-tử ăn khớp với nhau như máy móc. Để tới đó, ta cần phải thu nhặt kiến-thức về vũ-trụ : đây là phạm-vi của khoa-học thực-nghiệm. Nhưng hiểu-biết vũ-trụ là một chuyện, mà biến-đổi được thiên-nhiên lại là một chuyện khác. Đến đây ta thấy cần phải có bàn tay người trong tổ-chức cần-lao. Muốn thế, ta phải tìm hiểu con người một cách khoa-học, y như một đồ vật bên ngoài : tìm biết sức khỏe, sức chịu đựng và các phản-ứng tâm lý, rồi tập cho con người biết phương-pháp làm việc. Sau đó mới đem lắp bàn tay người vào các dụng-cụ do kiến-thức tìm ra để biến-đổi thiên-nhiên. Các khoa-học thực-nghiệm về con người, như tâm-lý-học, xã-hội-học, đều qui về đấy.

Như thế ta thấy rằng khi nhân-loại muốn tự nhân-hóa thì phải tạo nên các tổ-chức làm môi-giới, và đồng thời phải vào làm một bánh xe trong guồng máy hợp lý do mình tạo ra. Các tổ-chức mà con người xây-dựng trong đời sống tập-đoàn, không đi ra ngoài mục-đích đưa con người đến tự-do; nhưng không phải con người tự-do của cá-nhân chủ-nghĩa mà là con người xã-hội, có tương-giao với đồng loại. Mục-đích tổ-chức cần-lao phải là nhân-hóa nhân-loại. Các tổ-chức trong xã-hội phải tiến dần tới lý-tính (chúng ta sẽ xem, tới bằng cách nào). Các tổ-chức càng hợp lý thì con người càng phải khôn-khéo xử-dụng. Nếu không, chúng sẽ thành lực-lượng đàn áp con người, lột hết nhân-tính và làm cho con người thành một bánh xe trong guồng máy hợp lý, nhưng vô đích. Như thế con người sẽ mất cả thân thể và đời sống nhân-vị. Ta có thể đan cử ra một vài thí-dụ :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

a) Kinh-tế : Kinh-tế đã tiến xa trên đường hợp lý-hóa, và tổ-chức thành ra máy móc. Người ta đã biết được nhiều định-luật thiên-nhiên để kỹ-thuật có thể lợi dụng thiên-nhiên, nhiều định-luật kinh-tế để ta tổ-chức chương-trình sản-xuất, nhiều định-luật của tâm-lý và hiện-tượng xã-hội, để đưa con người vào bộ máy kinh-tế, nếu quên mất mục-đích nhân-vị và môi-giới của kinh-tế, con người sẽ chỉ là một cái máy tiêu-thụ và sản-xuất, giá trị con người sẽ được đo lường tùy theo sức sản-xuất, đời người sẽ qui về đó : thu-nhận văn-hóa và kiến-thức, để biết đường sản-xuất, sản-xuất để tiêu thụ, tiêu-thụ để có sức thu nhận kiến-thức và sản-xuất. Và con người sẽ bị trói buộc trong cái vòng quẩn ấy, mà không tìm ra lối giải-thoát. Con người biến thành nạn nhân của tổ-chức mình sáng-tạo.

b) An - ninh : Con người không thể sống mà lúc nào cũng lo bị người khác quấy rầy hay ám-sát. Muốn được an-ninh, xã-hội tổ-chức thành các lực-lượng cảnh-sát và quân-sự. Đây là một tổ-chức máy móc : cấp dưới là một quân cờ để cấp trên sai khiến. Có như thế mới có hiệu-nghiệm. Khi tổ-chức an-ninh mất mục-đích nhân-vị thì sẽ thành lực-lượng mù-quáng và nguy-hại cho xã-hội (mật thám và cảnh-binh của các nước độc-tài, chiến-tranh giữa các nước lân-bang).

c) Văn - hóa : Ta cần phải tổ-chức để văn-hóa có thể truyền ra trong xã-hội, nhưng khi văn-hóa mất tính-cách nhân-hóa, ta sẽ bị nô-lệ vào một chiều. Hoặc là ta đưa những yếu-tố không cần cho mọi người vào chương-trình và bắt mọi người theo. Và người trong xã-hội sẽ biến thành những dĩa hát để ghi lấy một thứ văn-hóa không bổ ích gì cho họ. Thái-độ nô-lệ ấy, một đàng làm cho văn-hóa khép kín lại, mất thông-đồng với văn-hóa khác, một đàng làm cho văn-hóa chỉ tiến theo một chiều.

*
* *

Nhà nước là tổ-chức tổng-quát cả đời sống con người và điều-khiển cả ba tổ-chức trên đây. Nhà nước của Khổng-học chưa có phạm-vi rõ rệt, chưa có những tổ-chức hợp lý như trên. Tất cả còn tiềm-tàng trong tam-cương ngũ-thường. Nếu ta gọi thái-độ tương-giao mà nhân-loại muốn là chính-đề, các tổ-chức hợp lý thực-hiện

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

điều-kiện tương-giao là phản-đề, và tương-giao xây-dựng trên tổ-chức hợp lý là hợp đề; gọi như thế, ta có thể đưa tam-cương và ngũ-thường vào chính-đề, pháp-luật tôn vương là một tổ-chức về phản đề. Nhưng phản đề này chưa biến thành những công-trình cụ-thể như ba tổ-chức ta vừa nói. Và bao lâu tương-giao chưa đi qua phản-đề để tới hợp đề, ta có thể coi là tương-giao vô ý-thức. Có qua phản-đề, tức là tổ-chức hợp lý ta mới có thể trừ-khử được những gì phi lý. Thực ra tam-cương ngũ-thường của Khổng-học chỉ là một mớ luật; tuy chưa tới được phổ-quát vì chưa có mấy người đặt vấn-đề và bàn cãi, ta còn có thể coi là phản đề vì là tổ-chức gò bó con người như 3 tổ-chức trên. Ta chỉ giữ lấy pháp-luật do Khổng-học phát sinh. Ta sẽ nói đến nó khi ta bàn về pháp-luật trong một nhà nước hiện tại.

Vì nhà nước bao-quát những gì là tổ-chức đời sống, và vì nhà nước ở giai-đoạn phản đề, nên nhà nước phải hợp-lý để điều động ba yếu-tố hợp-lý: Kinh-tế, học-chính và an-ninh. Nếu ta để mặc ba yếu-tố này theo sườn dốc của lý-tính, thì chúng sẽ đi tới chỗ làm cho tất cả đời sống xã-hội thành máy móc, và sẽ tiêu-diệt hết tính-cách nhân-vị trong con người. Trong tình-thế hiện tại, ta không còn thấy nhà nước liên-lạc thẳng với từng cá-nhân, như trong một xã-hội thô-sơ nhà nước điều-động ba guồng máy kia và liên-lạc gián-tiếp với cá-nhân. Đành rằng lối hành-động của nhà nước, thuộc về phạm-vi hợp-lý, nhưng nhà nước là như ý-thức của nhân loại, vượt lên ba tổ-chức kia để dễ điều-chế và ghép chung một mục-đích vị-nhân. Chính vì thế nhà nước phải là chỗ cho tự-do của nhân-vị khiếu-nại, khi các tổ-chức kia mất tính cách môi-giới và đè nén mình. Nghĩa là nhà nước phải liệu đưa các tổ-chức vào thế-giới Tình. Tuy-nhiên nhà nước không phải là một tổ-chức trong thế-giới Tình. Phương-pháp và đường lối hành-động của nhà nước phải là hợp lý. Nói thế khác, pháp-luật điều-khiển nhà nước phải hợp lý. Lý-tính của pháp-luật không còn như lý-tính của kiến-thức, của kỹ-thuật, vì pháp-luật là mực-thước cho đời sống tập-đoàn của nhân-vị tự-do. Pháp-luật đi tới lý-tính khi tới được phổ-quát. Nếu pháp-luật chỉ được một thiểu-số thừa nhận vì lợi cho họ, thì pháp-luật chưa phổ-quát và chưa hợp-lý. Quan-niệm tư-sản của Tây-phương, chưa phổ-quát vì chỉ được

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

một thiểu số thừa nhận. Quan-niệm tôn vương của Khổng-học, khi Khổng-Tử còn sống không được các chư-hầu thừa nhận. Mãi tới đời nhà Tần, thống nhất nước Tàu, bấy giờ thuyết tôn vương được đưa ra làm nền móng cho xã-hội. Quan-niệm đó không phổ-quát vì chỉ có Vua nhà Tần và những người được ân-huệ nhà vua mới chấp nhận. Còn dân gian hoặc là phản-đối hoặc là không đặt vấn-đề vì chưa có ý-thức.

*
* *

Về nhà nước và các xã-hội lý, ta có thể tóm vào hai điểm: một bên là những tổ-chức hoàn-toàn về phạm-vi kỹ-thuật như kinh-tế, an-ninh và tổ-chức văn-hoá: Lý-tính của chúng cũng là lý-tính của kỹ-thuật. Bên kia là pháp-luật đứng lên trên các tổ-chức kia để đưa chúng về mục-đích nhân-vị. Pháp-luật là tượng-trưng của thái-độ loài người trước những tổ-chức hợp lý. Và pháp-luật phải là dụng-cụ nhân-vị dùng qua tay nhà nước, để tự giải-thoát ra ngoài sức đè nén của thế-giới lý. Thí-dụ, kinh-tế-gia tính rằng muốn tăng-gia sản-xuất, con người có thể làm việc 12 giờ một ngày mà không hại đến sức khoẻ: đây là quan-điểm kỹ-thuật. Đồng thời nhân-vị thấy rằng mình không phải là cái máy kinh-tế, và còn phải để thì-giờ phát-triển về nhiều phương-diện khác, nên giơ tay phản đối và đòi một đạo luật hạn-chế sức đè nén của Kinh-tế.

Lý-tính của pháp-luật tùy thuộc vào mực lý-tính mà nhân-loại đã tới. Lý-tính nhân-loại càng cao thì càng thoả-thuận được nhiều điều phổ-biến và hợp lý, và các tổ-chức về kỹ-thuật càng quay về đúng chiều tiến của nhân-vị, nghĩa là cởi mở và đưa nhân-loại đến thế-giới tình.

*
* *

Xã-hội Tình.

Đời sống xã-hội không thể không có tính-cách hợp-lý và máy móc được. Nếu lúc nào cũng sợ không dám động đến con người thì từ chính-trị-gia cho đến kinh-tế-gia không ai có thể tổ-chức gì trong đời sống xã-hội. Con người có chịu làm một bánh

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xe trong guồng máy hợp-lý của xã-hội, thì mới có điều-kiện phát triển như một nhân-vị. Đấy là phạm-vi của xã-hội hợp-lý mà ta vừa bàn qua.

a) Bên ngoài thế-giới lý để liên-lạc với thiên-nhiên và với đồng-loại, con người cần phải có một thế-giới tình để phát-triển theo chiều tự-do và để khỏi biến thành một cái máy.

Thế-giới tình phát-sinh ra trong tương-giao và tương-giao có trước khi ta có ý-thức về mình. Thực-tế, khởi đầu của đời người là tương-giao ; đứa trẻ tương-giao với các đồ vật bên ngoài và nhất là với mẹ nó. Sau đó mới sinh ý-thức rằng mình tách khỏi các vật tương-giao. Đối với người lớn hay đối với lịch-sử các xã-hội cũng thế. Sau khi tương-giao, vì nhu-cầu của đời sống bắt buộc ta phải bỏ tương-giao, đi vào thế-giới hợp lý và khoa-học để tìm ra một lối hành-động. Không có quan-sát, không tìm tòi thế-giới bên ngoài, con người không thể sống được. Ta có thể ngồi như một nghệ-sĩ để ngắm sông núi hùng - vĩ, đồng cỏ xanh rờn, cây cối và hoa-lá đủ muôn màu : đó là thái độ tương giao với thiên nhiên. Nhưng nếu nhân-loại không bỏ tương-giao và đi vào thế-giới lý và vụ lợi, rồi phá núi lấy vật-liệu xây nhà, phá đồng cỏ để trồng lúa trồng rau, chặt cây làm đồ đạc, thì có lẽ đã mai một đi trong tương-giao rồi. Hai mẹ con yêu nhau, có thể ở bên nhau để tương-giao. Nhưng tương-giao không thể có mãi, vì sẽ có lúc các nhu-cầu sinh-lý sẽ thúc mạnh hơn cả tương-giao, và buộc người mẹ xa con để tìm đồ ăn mặc cho cả hai.

Đứng trước thiên-nhiên, con người có hai thái-độ, mỗi thái-độ xây nên một thế - giới, và con người bị lôi kéo, bị giằng co giữa hai thế-giới. Đời sống vật-chất lôi con người vào thế-giới lý của cần - lao và của các tổ-chức xã-hội ; tự-do lại kéo con người về thế-giới tương-giao của thẩm-mỹ và ái-tình.

Một xã-hội thô-sơ và dã-man đến đâu cũng có tổ-chức. Và tổ-chức xã-hội là chỗ cho tương-giao phát-triển. Tuy-nhiên các tổ-chức xã-hội không phải tự mình có thể đưa lại tương-giao. Nếu con người không dùng các tổ-chức làm môi giới cho tương-giao thì các tổ-chức chỉ là những hình-thức để bắt chẹt con người. Thực-tế, nếu ta bỏ thái-độ tương-giao, thì tam-cương ngũ-thường của Nho-học, cả pháp-luật trong nhà nước hiện tại, tất cả chỉ là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

những phương pháp để hạn-chế tự-do và bắt ta phục-tùng một cách vô cớ. Có tương-giao, thì tam-cương ngũ-thường mới có tính cách nhân-loại, và người dưới mới không thành nô-lệ người trên. Nhưng chính lúc bỏ thái-độ tương-giao là lúc con người đem thái-độ hợp lý để thử xem các mối dây liên-lạc ấy có hợp lý không. Và đây chính là căn cớ để các giây liên-lạc giữa loài người đi đến chỗ hợp lý. Nếu các mối dây liên-lạc ấy không tiến đến chỗ hợp lý, thì hoặc là vì tương-giao còn bền hoặc là vì chính con người chưa hợp lý, chưa có ý-thức về tương-giao của mình. (Ta đã xem trên kia rằng tương-giao không bền mãi được).

b) Tương-giao phát-triển tự-do và nhân-tính của ta. Nhưng tương-giao bao giờ cũng thực-hiện qua các đồ vật môi giới. Tất cả tổ-chức xã-hội, và tất cả các công-trình xã-hội đã xây dựng đều là môi-giới cho nhân loại tương-giao.

Trong cần-lao, chúng ta nhân-hóa vũ-trụ, đặt vào trong vũ-trụ hình ảnh của chúng ta. Bởi thế các dụng-cụ mà nhân-loại đã tác-tạo ra, từ con dao bằng đá cho đến các máy rất tinh-xảo của thế-giới ta sống, đều chỉ cho ta một hình-ảnh của nhân-loại. Chúng ta không sống một thời với Khổng-tử hay với Platon, nhưng ta có thể trao đổi tư-tưởng tá với các Ngài qua một cuốn sách, có khi cuốn sách ta đọc là một bản dịch từ nhiều ngôn-ngữ sang. Lúc đó, những tờ giấy trắng, những nét chữ đen và các câu ngôn-ngữ kia đều là môi-giới giữa tá với các nhà tư-tưởng kia.

Các tổ chức xã-hội cũng đưa ta đến giác-ngộ với người đang sống bên cạnh ta. Chúng ta dễ có dịp quen biết và thân-tình với những người cùng làm việc trong một xưởng hay cùng học một thầy với ta. Trong lúc chiến-tranh, ta có thể tin cẩn vào một người mà ta chưa hề quen biết, chỉ vì người đó mặc một bộ đồ quân-phục như ta. Thậm chí một chén nước chè trong chiếc quán bên bờ đường cũng có thể làm cho ta quen biết những người ở khác làng khác xứ với ta. Người Việt-nam thường nói : « chuyến đò nên quen » là thế : khi người ta cùng ở trong một hoàn-cảnh, một tổ-chức, thì người ta dễ thân-tình với nhau.

Các tổ-chức trong xã-hội, tuy chỉ có một mục-đích vụ lợi, nhưng có thể dùng làm môi-giới cho giao-ngộ.

c) Trong tất cả các hình-thức, giao-ngộ vẫn là gián-tiếp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chính thân xác chúng ta lại là một môi-giới rất đặc-biệt và lúc nào cũng đi kèm giao-ngộ.

Có thân xác, ta mới hiện thân (être présent) được trong thế-giới vật-chất. Có thân xác ta mới có thể làm cho thế-giới thay hình đổi dạng. Có thân xác ta mới có ý-thức về mình. Từ bé, chúng ta phải khám phá dần dần và tập điều-khiển thân xác để thu-nhận và để biểu-diễn tư-tưởng. Thân-xác là một bộ môi-giới rất tinh-tế, và chúng ta tương-giao bằng thân xác. Từ một bước chân tiến hay lùi, một bàn tay duỗi ra hay nắm lại, một cái động môi, một cái nhăn trán, cho đến một câu nói, một kiểu nói, tất cả đều biểu diễn thái-độ ta đối với người chung-quanh. Thân xác biểu-diễn được lòng trọng-kính, tình yêu thương hay lòng giận dỗi.

Đàng khác, thân xác làm cho nhân-vị ta không bị đóng kín lại : vì rằng, chính lúc ta cố ý theo cá-nhân chủ-nghĩa, nhất định không chịu tương-giao, thì thân xác và hành-vi ta vẫn có một chiều khách-quan mà mọi người trông thấy.

Đang khi ta điều-khiển thân xác để biểu-lộ ra ngoài một lối hiện thân trong thế-giới nhân-loại, thì lối hiện thân đó là như một tiếng gọi để người chung-quanh đáp. Khi bàn tay ta nắm lại, lông mày ta cau lên, và chân ta tiến về phía trước, khi ấy người chung quanh ta sẽ đáp lại bằng cách giơ tay vớ lấy bất kỳ một đồ vật gì để có thể tiến về phía ta. Khi ta hiện thân và có hành-động của một y-sĩ, một giáo-sư, một nhà buôn, thì người đối diện ta sẽ hiện thân là một con bệnh, một sinh-viên, một khách hàng.

c) Trên đây là những lối giao ngộ mà xã-hội phải đi tới để cho các tổ-chức có màu sắc nhân-loại : ở đây nhân-loại đối với nhau bằng tình, tín nhiệm vào nhau, thiện cảm với nhau để làm cho tính cách máy móc trong các tổ-chức thành êm dịu hơn.

Tâm tình nhân-loại, phát-sinh ra trong cần-lao và trong tổ-chức xã-hội, là như bông hoa thơm của đời sống tập-đoàn.

Nhưng đó chưa phải là tất cả tâm tình mà con người có thể thông cho đồng loại, vì tâm tình này chưa đi sâu vào trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhân-vị. Thực thế, chúng ta có thiện-cảm và thân tình với người chung quanh vì họ là bạn thợ là bạn học, là khách hàng, là người trong công đoàn ta, trong nước ta. Và cũng theo một lý-do ấy, ta có thể thân tình với trăm ngàn người cùng sống trong một tổ-chức

Đến khi ta thân-thiết với người nào, không phải chỉ vì những lý-do trên, mà vì họ, lúc đó ta sẽ để ý đến thân danh người ấy, ta phụng-sự và giúp cho người ấy phát-triển. Tương giao đi sâu vào nhân-vị hơn và nhận-thức được những gì là đặc-biệt của mỗi nhân-vị. Hai nhân-vị đi sâu vào nhau, phụng-sự nhau một cách đặc-biệt. Đây là tình bằng hữu. Tình bằng hữu giữa phái nam nữ cần đến nhau để bổ-túc nhau, đó là ái-tình. Ái-tình vượt lên trên những tổ-chức xã-hội, vượt lên trên các hành-động vụ-lợi. Tuy nhiên, ái-tình không phế bỏ những tổ-chức và hành-động đó, chỉ vượt lên trên và cho chúng một ý-nghĩa sâu xa như ta sẽ nói đến.

d. – Chúng ta biết rằng con người chưa tới được lý-tính và tự do hoàn hảo. Và vì thế những hình-thức giao-ngộ như tình nhân-loại, tình bằng hữu và ái-tình chỉ là những ngọn núi nhân-loại phải khó nhọc trèo lên. Nếu có giao-ngộ thực-thụ thì đó là những giây phút họa hiếm trong đời người.

Con người không thể bỏ tranh-đấu với thiên-nhiên bằng cần-lao và không thể tổ-chức xã-hội cho hợp lý. Đồng thời, tuy con người là nhân-vị cao cả, đáng ta phụng-sự, nhưng con người vẫn là một yếu-tố trong các tổ-chức hợp lý và vụ lợi. Bởi thế khi giao-ngộ giảm sút thì người ta bỏ thế-giới tình để bước vào thế-giới hợp lý và thực-dụng, theo nguyên-tắc hiệu-nghiệm.

Kinh-tế-gia chỉ cần biết đến dân-số, đến sức sản-xuất và tiêu-thụ để lập chương-trình; nghĩa là chỉ cần coi con người như cái máy, cũng đủ cho chương-trình hợp-lý và thành công, chứ không cần biết đến thân-thế của mỗi người trong dân. Y-sĩ có thể coi con người như một bộ máy sinh-lý, chữa bộ-phận này để bộ-phận kia chạy. Nhà xã-hội-học xếp loài người thành từng hạng: và khi trông một người, có thể chỉ thấy dân-tộc, thấy quốc-gia, thấy đảng phái, thấy giai-cấp họ tượng-trưng. Và hành-vi cử-chỉ ta đối với người khác cũng tùy theo quan-niệm trên đây: có khi ta tìm cách hủy-diệt một người chỉ vì họ mặc bộ đồ quân-phục khác ta, vì họ nói một thứ tiếng khác ta, hay có những tư-tưởng khác ta.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ngay khi đứng trước một người ta có thể dò xét lời nói hành-vi họ để tìm cách lợi-dụng họ theo ý ta muốn. Tất cả những hình-thức trên đây là coi người như đồ vật : ta tìm hiểu con người để dễ lợi-dụng và điều-khiển, chứ không còn gì là tương-giao.

Đứng trước thái-độ nầy, chúng ta tự nhiên lo sợ, và tìm cách trốn tránh. Có khi ta lại trả miếng : nếu người coi ta là đồ vật, ta lại coi người là đồ vật; như thế là hòa, nhưng không còn gì là tương-giao. Nhưng trong tương-giao, ta còn một thái-độ tinh-tế hơn để lừa người và lừa mình. Thực sự, ta biết bao giờ giao-ngộ cũng là gián-tiếp, và ta khôn khéo dùng các thứ môi giới để người chung quanh có một tư-tưởng tốt với ta. Ta có thể dùng những câu nói những cử-chỉ của người sang, mặc quần áo bảnh, hành-động trước mặt người ta một cách hào-hiệp, có ý cho người ta nghĩ lầm rằng ta giầu, ta sang, ta quân-tử. Thế là đối với người khác, ta có một bộ mặt rất đáng yêu. Có khi người chung-quanh bị lầm và san-sẻ ái-tình với ta. Nhưng đến lúc người ta khám-phá ra bộ mặt thực của ta, thì người ta sẽ cho ta là một người không thành thật, là gian giảo.

Tương-quan xã-hội lý và xã-hội tình

Trong con người có mâu-thuẫn. Một đàng ta bị thế-giới lý ghìm lại trong những hình-thức máy móc của cần lao, và bị trói buộc do trăm ngàn thứ bổn-phận đối với người trong xã-hội. Đó là một gánh nặng cho ta. Một đàng ta phải vượt lên trên tất cả để vào thế-giới tình của tự-do. Để giải quyết mâu-thuẫn nầy, nhân loại đã sáng-kiến ra hai phương-pháp. Một đàng đem gán cho thế-giới đồ-vật một ý-nghĩa mới để luôn luôn nhắc cho ta thế-giới tình. Một đàng đặt ra các tổ-chức pháp lý, để giúp ta trung-thành với ý-định ta.

a) – Phương-pháp thứ nhất có ý-nghĩa tâm-lý.

Một cái ngăn trở tương-giao là xa cách trong không-gian. Nhân-loại đã tìm-cách thắng nổi không-gian để làm cho người ta gần gủi nhau. Tất cả các phương-tiện giao-thông, như tàu bay, xe lửa, xe hơi, tàu thủy đều được dùng để người ta gần gũi nhau trong khoảnh khắc. Khi không có giờ để dùng các phương-tiện kia, người ta dùng thư-tín, giây thép, giây nói để giao-ngộ. Ngoài ra, người ta còn tổ chức đời sống và để dành một số thời giờ cho thế-giới

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tình. Càng thân thiết ai, thì ta càng để ra nhiều giờ để trò chuyện, để thư từ với họ, hay là để mơ tưởng đến họ.

Khi người ta không thể ở gần gũi người thân yêu được thì dùng sản-phẩm của cần lao để giúp tương-giao. Một lá thư, một tấm thiếp, một câu đối, một câu chúc, hay là một gói quà, tuy không là bao nhưng thành giá trị rất lớn giữa bạn bè thân-thiết nhau. Quạt ngà, trâm ngọc trong truyện Phan Trần là nghĩa như thế. Có khi ta nhờ một người thân, thay mặt ta để đón tiếp một người thân khác. Có khi ta dùng một đồ vật để thay thế cho hiện thân của ta : ta có thể chính tay viết mấy hàng chữ vào một bức ảnh ta, rồi gửi tặng người bạn, lúc đó bức ảnh ta sẽ thay ta mà ở bên người bạn, bạn ta cũng hiểu ý-nghĩa ta đặt trong tấm hình đó.

Bởi thế ta có thể đem thế-giới cần-lao về tương-giao. Khi văn-minh vật chất càng cao thì ta càng có nhiều cách để bảo-tồn tình thân-ái. Tình thân-ái càng có nhiều cách để biểu-dương và có đi đi lại lại, thì càng thêm giầu và tế-nhị.

b) — Phương-pháp thứ hai có ý-nghĩa xã-hội. — Trong đời ta, có lúc trí khôn sáng suốt, ta nhìn thấy rõ đường lối phải đi. Nhưng sau lúc đó có khi vì lợi ích trước mắt mà ta quên mất đường lối. Chính vì biết như thế mà người ta đã đặt ra các thứ luật, để buộc mình trung-thành với đường lối mình đã chọn sau khi suy-nghĩ chín chắn. Phương-pháp này kết-tinh trong pháp-luật và trong tổ-chức xã-hội. Khi chọn một đường lối, ta đi vào một tổ-chức, và lúc đó người trong tổ-chức sẽ chứng-kiến ý-hướng ta. Thí-dụ : khi ta có thân tình với một người cách đặc biệt và ta đi vào trong chế-độ gia-đình. Trong đó ta buộc mình phải giữ ít nhiều bổn-phận. Xã-hội sẽ chứng-kiến cho ta trung-thành. Có khi trong kinh-tế, vì một thái-độ vị nhân, ta muốn không ai được bắt đàn bà con trẻ làm việc trong xưởng máy. Nhưng nếu ta đứng đầu xưởng thợ, có khi ta muốn thuê đàn bà con trẻ làm vì ta dễ bắt nạt và trả ít công, và vì thế lợi cho túi ta. Nếu nhân-loại không đem những tư-tưởng hợp lý và vị nhân, kết-tinh lại trong một đạo luật có mọi người chứng-kiến, thì sẽ không còn gì ngăn cản ta hành-động vô lý và ích-kỷ.

Các tổ-chức trong xã-hội, pháp-luật, chế-độ gia-đình, chế-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

độ tư-sản, chế-độ công-lý v.v... đều là kết-tinh của ý-hướng con người để đi tới một xã-hội vị nhân. Như thế không phải là, hễ những gì đã thành tổ-chức, có pháp-luật bênh vực, thì không ai được đụng đến. Ta chỉ có ý nói rằng : ta không thể vì cảm tình chốc lát mà phế bỏ các tổ-chức kia. Ta có thể đem thái-độ hợp lý ra mà phê phán các chế-độ, mà nếu lập-trường ta hợp lý và phổ-biến (có nhiều người hưởng-ứng), ta có thể liệu cho các tổ-chức đi đến chỗ hợp lý hơn. Đó là tiến-bộ.

Các tổ-chức làm cho con người phát-triển trong tương-giao Con người càng phát-triển, càng văn-minh thì các tổ-chức xã-hội càng nhiều và càng hợp-lý ; các tổ-chức kia sẽ là bậc thang để đưa tới tự-do. Mất pháp-luật, mất các tổ-chức và các chế-độ tức là trở về dã-man.

Thế-giới tình, Thế-giới siêu-nhân

Trên kia, ta đã đem tất cả thế-giới cần-lao vào tương-giao với đồng loại. Thế-giới cần lao hướng về tương-giao với đồng loại. Nhưng không phải vì thế mà thế-giới cần lao mất giá-trị hay bị đè bẹp. Tất cả kỹ-thuật và tổ-chức xã-hội đều tiến trong lý-tính. Khác một điều là chúng được tổng-hợp vào trong thế-giới tình và có một ý-nghĩa nhân-loại. Tất cả kỹ-thuật, tổ-chức xã-hội và tương-giao giữa loài người làm thành thế-giới nhân-loại. Thế-giới nhân loại có giá-trị của nó và biến-chuyển như ta đã nói trên.

Nhưng thế-giới nhân-loại chưa phải là thế-giới tình hoàn-hảo. Vì, như ta đã nói trên, trong thế-giới đó, mối tình phổ-biến hơn cả mà con người có thể tới, tức là tình nhân-loại Nhưng tình nhân-loại lại không đi sâu vào nhân-vị. Nếu ta đi sâu vào nhân-vị trong ái tình hay trong tình bằng hữu thì mối tình sâu đó, ta lại không có thể đem san-sẻ cho tất cả mọi người, mà chỉ có thể dành cho một vài người mà ta hiểu biết hơn cả và đã chọn trong muôn ngàn người. Vì con người bị hạn hẹp trong không-gian và trong thời-gian, nên không thể giao-ngộ thân-tình được với mọi người. Đàng khác phạm-vi hành-động của con người chỉ hạn hẹp vào trong một thời-gian và không gian, vì thế chỉ có thể ảnh-hưởng sâu-xa lên một vài nhân-vị. Hơn nữa trong ái-tình, giao-ngộ cũng chưa tới được hoàn-hảo ; vì rằng con người phải tranh-đấu với

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chính mình để thành-thực với mình và với người khác, đồng thời phải tranh-đấu với bản-năng vụ lợi luôn luôn phá đổ giao-ngộ

Vì thế, thế-giới tình không phải chỉ hạn hẹp vào khuôn-khổ một thế-giới nhân-loại. Thế-giới nhân-loại phải cởi mở và đưa ta vào một thế-giới tình bao-quát hơn. Thế-giới nầy sẽ tổng-hợp cả các yếu-tố của thế-giới nhân-loại : từ kỹ-thuật qua tổ-chức xã-hội, tình nhân-loài, cho tới ái-tình, tất cả đều mặc thêm một ý-nghĩa siêu-nhân. Tuy nhiên các yếu-tố trên đây vẫn còn giữ ý-nghĩa riêng của mình và phát-triển y như các yếu-tố trong thế-giới nhân-loại. Vì thế sự thu hợp chúng vào trong một thế-giới siêu-nhân, chẳng những không làm tổn thương gì đến thế-giới nhân-loại, mà còn tô cho thế giới nầy một màu sắc tươi đẹp và cao cả hơn thế giới nhân-loại.

Trong thế-giới nhân-loại, yếu-tố căn-bản để ta tổ-chức là tình nhân-loại và là ái-tình. Cũng vậy, trong thế-giới siêu-nhân yếu-tố căn-bản có thể thu hợp thế-giới cần-lao và thế-giới nhân-loại và mặc cho hai thế-giới nầy một ý-nghĩa sâu xa, yếu-tố căn-bản ấy phải là một khối tình siêu-nhân và một tự-do siêu-nhân.

Chúng ta đã theo đà phát-triển của nhân-loại. Ta có thể thấy rằng, nhân-loại tiến-hóa trong ba thế-giới : thế-giới cần-lao gồm kỹ-thuật và các tổ-chức xã-hội và thuộc về phạm-vi lý-tính.

Thế-giới nhân-loại thuộc về tự-do và về thế-giới tình. Thế-giới nầy đã đem thế-giới cần-lao vào trong tình nhân-loại và ái-tình, và mặc cho thế-giới cần-lao một ý-nghĩa vị nhân. Bây giờ, thế-giới cần-lao là một yếu tố trong thế-giới nhân-loại. Sau cùng thế-giới siêu nhân lại đem thế-giới nhân-loại vào trong một khối tình siêu-nhân và mặc cho thế-giới nhân-loại một ý nghĩa siêu-nhân. Thế-giới siêu-nhân là thế-giới của tự-do siêu-nhân. Cũng như tự-do nhân-loại giúp cho lý-tính phát-triển, thì tự-do siêu-nhân chẳng những không cản-trở gì tự do và mối tình nhân-loại, mà còn làm cho tự-do và tình nhân-loại thêm sâu-xa và phổ-biến.

Tới được thế-giới nhân-loại và thế-giới siêu-nhân hay không là tùy ở thái-độ cởi mở của con người, và tùy ở sức giải thoát của tự - do.

TRẦN-VĂN-TOÀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ANDRÉ MALRAUX

TỪ TRI-THỨC CÁCH-MẠNG ĐẾN NGHỆ-THUẬT SIÊU-THOÁT

KHÔNG gì thiết tha, sâu đậm, duyên dáng, quảng đại bằng khi Quả Cảm cùng Thông Minh kết hợp để sáng-tạo thiên-tài. Không gì đẹp hơn Quả Cảm và Thông-Minh trong một tâm-hồn nghệ-sĩ, nhất khi nghệ-sĩ ấy lại chính Malraux. Từ Tri-thức Cách Mạng đến Nghệ-thuật siêu-thoát, André Malraux, đứa con tinh-thần của thế kỷ hai mươi, đã thể hiện giữa lòng thế hệ nguyên chất cùng tinh chất của bao nhiêu tâm-tình, ý-tưởng đang đảo lộn, xáo trộn cuộc đời. Để rồi làm gì ? Để rồi vận dụng thiên tài đặc-biệt, vượt khỏi những dấu tranh tầm thường của thế cuộc, hướng Tư Duy đạt đến một ý niệm siêu-thoát, diệu huyền về các công trình nghệ-thuật : kiến-trúc, điêu - khắc cùng hội-họa. Từ « *Những kẻ đi chinh-phục* » (Les Conquérants) được giải thưởng Văn-học năm 1928 (Prix Interallié) đến « *Lối Hóa-Thân của Thần-Linh* » (La Métamorphose des dieux) Paris, Gallimard 1957, Malraux đã thể hiện được một cách thiết-tha niềm rung cảm cũng như mối biến thiên của tâm-duy mình đi từ tri-thức cách-mạng đến chiều hồi Nghệ-Thuật trên ý-niệm siêu vi.

Là đứa con của thế-hệ, là nỗi lòng của thời đại, nền Nhân-Bản từ Á sang Âu có thể gặp lại trong công trình văn-chương và nghệ-thuật của Malraux một đôi nét đan thanh cũng như lắm nhịp đời viễn thắm đượm hương thời gian mà không e-lệ.

« Car c'est vraiment, Seigneur, le meilleur témoignage

Que nous puissions donner de notre dignité

Que cet ardent sanglot qui roule d'âge en âge

Et vient mourir au bord de votre éternité ! » (1)

*
* *

Phiêu lưu trong tri-thức Cách Mạng, ý-niệm lịch-sử trong thần thoại, chiều hồi Nghệ-thuật trong

(1) Baudelaire : Spleen et Idéal

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

siêu vi, đấy là ba dạng thái của công trình văn-nghệ Malraux. Qua ba chiều thời gian và không gian ấy, liệu chúng ta có bắt gặp được một phần nào sức sống của Malraux, liệu chúng ta có tìm thấy nhân-tình và nhân-loại qua bao nhiêu nếp cũ, mới của đời ?

1. — Tri-Thức Cách-Mạng.

Trên mọi nẻo đời, trong mọi tác phẩm, Malraux như bắt gặp phiêu-lưu. Phiêu-lưu như bàn tay dịu hiền quyến-rủ Malraux, đưa thiên-tài Malraux từ bến bờ nầy đến bến bờ khác, từ những chuyện huyền ảo « *Royaume Farfelu* », « *Lunes en Papier* » đến « *La Voie Royale* ». Bắt đầu với những mỹ-cảm hoang dại nầy, văn-phẩm Malraux chan chứa những tâm tình cuồng nhiệt, những mối say sưa, thách đố phi-lý, những niềm luyến-ái cực đoan, bao viễn ảnh rùng rợn về cuộc đời và cái chết, cũng như nỗi kiêu căng được « *xáp mặt với lòng tự-mạn được làm người* ». Từ sự chống đối với một vũ-trụ hư ảo, cùng bao nhiêu nhân tình hoang dại đã bột phát một triều tư-tưởng khắc kỷ cực đoan trong ấy « *con người có thể phỉ báng và khinh-thường những sự tra tấn* » (1) nếu không may phải có địa ngục, « *con người có thể hét lên rằng không có một tư-tưởng thiêng-liêng nào, một sự ban ơn nào có thể dùng để minh chứng rằng cuộc đời thế nhân phải chấm dứt* » (1).

Chính sự đả phá chống lại địa-vị của con người, lời thách đố cùng các vị thần linh ấy đã đưa tư duy Malraux phiêu-lưu vào Cách Mạng. Bốn tác-phẩm ngưng đọng tri-thức cách mạng của Malraux, từ tính cách phiêu-lưu đến lập luận siêu hình, bốn tác-phẩm đã diễn tả được không những một ý niệm siêu-hình mà còn ngay cả một ý-niệm thần thoại về Cách-Mạng. Đấy là : « *Những kẻ đi chinh phục* » (Les Conquérants), « *Địa-vị con người* » (La Condition humaine) « *Thời Khinh-Thị* » (Le Temps du Mépris) và « *Hy-vọng* » (L'Espoir).

Qua bốn tác-phẩm này, chúng ta có thể theo dõi sự diễn tiến của tri-thức Malraux, đi từ phiêu lưu cả thể đến bình-vực, biện hộ để làm sáng tỏa địa vị Con Người.

*
* *

Ngay từ những tác-phẩm đầu lòng này, Malraux đã đặt ra vấn đề tranh chấp giữa người và hệ-thống, giữa người và các tổ-chức. Và chính khi Malraux vượt được vấn đề này là chính lúc Malraux không còn tin tưởng ở Cách-Mạng.

Trong tập « *Những kẻ đi chinh phục* », Malraux đã thể hiện sự

(1) « La Voie Royale »

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tranh chấp đó và đặt Garine trên bình diện Con Người. Nếu Borodine tác động hoàn toàn máy móc, thì Garine vẫn ôm ấp những cảm tình nhân thế và đấy chính là một trong những yếu-tố để đề cao giá trị con người. Về một phương diện khác Garine tượng-trưng cho sự cô-độc của con người trong xã hội Cọng-Sản, hay nói một cách khác, con người Garine không thể có trong xã-hội Cọng-Sản.

Nhưng tri-thức Cách Mạng chưa thể hiện toàn vẹn trong « *Những kẻ đi chinh phục* », mà cá thể vẫn còn mang nặng sắc thái phiêu lưu. Sắc thái phiêu lưu ở đây có lẽ là sự bột-phát bên ngoài của « *một tâm tình sâu đậm nhất trong ấy những đối tượng cần chinh phục không có một giá trị gì. Đấy thực là một tâm tình hoàn toàn tuyệt vọng* ». (2) Thật ra những nhân vật đầu tiên của Malraux chỉ là những tâm hồn bạc nhược, mang nặng trong lòng một thứ bệnh thời đại. Đấy là những con người mất quân bình, bất lực trong mọi công trình xây dựng và chỉ như sinh ra để chống đối với một xã-hội mà họ ruồng rẫy, phỉ báng. Họ không có một sự nghiệp gì để hoàn thành, không tài sản để bảo vệ, không cần xây dựng gia đình ; tiền tài, danh vọng không chi phối được họ, họ không có quá-khứ và cũng không cần biết đến tương-lai ; họ cũng chẳng có gì để chinh phục, mà *chính như chỉ sống để hoàn thành một cái chết trên đời.*

Về một phương-diện khác, Malraux như đã muốn chế ngự cuộc đời bằng một vài ý niệm qua nhân vật Garine. Garine luôn cảm thấy trong mình một nhu cầu sức mạnh, quyền thế ám ảnh gần như bệnh hoạn. Garine ao ước như vậy đến mê muội, không phải dùng sức mạnh và quyền thế để chiếm đoạt một đối vật nào vì : *Đời tôi, tôi không cần biết đến. Rõ như thế, đúng như thế, chắc như thế. Tôi chỉ muốn một sức mạnh, một quyền thế và nhất định tôi sẽ đạt được* ». (2)

Với tất cả phi lý của cuộc đời, Malraux như chỉ trả lời cần phải có thừa quả cảm. Chính yếu-tố này đã giúp cho Gabriel Marcel biện hộ Malraux khi có người phê bình khắc nghiệt cá thể phiêu lưu cực đoan của nhà văn hào khi còn trẻ tuổi « *... depuis lors, l'aventurier s'est acquis des titres à l'admiration* ». (3)

*
* *

Nhưng đi xa hơn, và bất chấp phê-bình « *phi lý* » của cuộc đời, Malraux hướng phiêu lưu theo chiều

(2) « Les Conquérants »

(3) « Prestige de Malraux » Gazette de Lausanne, 19/5/1946

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thông minh của Thiên Tài để đi vào quả cảm thật sự của Cách-Mạng.

« *Địa-vị con người* » (La Condition Humaine) giải thích đậm đà những luận-đề chỉ thoáng qua trong « *Những kẻ đi chinh phục* ». Địa-vị con người có thể xem như tượng - trưng cho văn - nghiệp Malraux, không những về tinh hoa của nghệ-thuật hành văn mà còn cả về ảnh-tượng, bố-cục, cùng bao nhiêu luận-đề ; tình yêu, ước vọng, nghệ thuật, sống, chết, nhân phẩm cũng như địa-vị con người hòa nhịp trong bao nhiêu tình tiết thắm đượm hương đời. Nhưng hai chính điểm của « *Địa-vị con người* » là CÁI CHẾT và NHÂN PHẨM, hay toàn vẹn hơn, « *ý nghĩa của nhân phẩm* ».

Cái chết có thể xem như nhân vật chính của tác-phẩm muôn mặt, Địa-vị con Người : mở đầu chuyện là một vụ ám sát, và kết thúc chuyện là một cảnh giáo hình. Quang cảnh người Điên bị đánh đập trong tù, quang cảnh tra tấn tù binh, quang cảnh đốt sống người trong lò than hồng của đầu máy xe lửa, những chiến binh vô danh xung phong tự sát với bom, cái chết như một mục đích, một cứu cánh mà con người không thoát được. Đây không phải cái chết của tất cả mọi người, cái chết của ông già, cái chết của người bệnh, cái chết êm thấm trên giường hay cái chết vì tai nạn, mà chính cái chết trong khủng bố, và cũng là cái chết hằng ước ao, mong muốn, chờ đợi : cái chết của người anh hùng chiến sĩ, cái chết của kẻ tử Đạo.

Những nhân-vật của Malraux, thật ra đi tìm lẽ sống trong cái chết, đi tìm một lý-do chính đáng để mà chết. Cái chết đối với họ là điều kiện duy nhất, tất yếu để hoàn thành « *địa vị con người* », để minh chứng rằng họ có tự-do lựa chọn cái chết, và để qua cái chết, để qua Tự-Do để cao sự tranh đấu của con người trong công trình giải phóng nhân-loại: thà chết còn hơn chịu nhục nhằn tù hãm, chịu đói rét lầm than. Tử Thần ở đây như đã chiếm đoạt lấy địa-vị của đấng Cao-cả: tử thần hiển hiện trước mắt những kẻ đang đấu tranh, chém giết nhau hay kề vai sát cánh bên nhau ; chết không phải là hết hay an nghĩ tiêu cực mà chính đã hoàn thành sứ mệnh của đời, của một cuộc đời. Chết nhưng mà chết anh dũng, chết đứng với « *một ý thức mạnh mẽ* ». Chết để minh chứng để khẳng định một lý-tưởng bất diệt. Những nhân-vật của Malraux đều biết chọn cái chết như vậy, vì cái chết đối với họ là một bài học cao cả có một giá - trị thiêng liêng : đấy là quan niệm anh

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hùng mạt lộ, phải chết để tròn danh tiết.

Đấy là hình ảnh Katow trao thuốc độc cho hai đồng chí đang chịu cực hình với một niềm « *vui sâu đậm* ». Đấy là hình ảnh của Gisors, người cha già ngồi cạnh xác con đã hiến mình cho Cách mạng : « *Được chết như con cũng là đẹp để* ». Đấy cũng là hình ảnh của Tchen « *muốn chết ở một nơi nào cao nhất* », hình ảnh của Kyo đang hấp hối để « *đem lại cho đời một ý nghĩa* » vì anh ta thường nghĩ : « *một cuộc đời có giá trị gì nếu không biết bằng lòng chịu nhận cái chết ?* » Cái chết như vậy, Malraux dàn trải khắp tác phẩm của mình và truyền hưởng qua một tử điệu trầm hùng nhưng không kém bi ai, anh hùng nhưng không vắng niềm thống thiết. Trong những tác phẩm Cách-mạng khác của Malraux, cái chết vẫn hiển hiện oai linh, đề cao sức chiến đấu vì lẽ sống của người chiến sĩ, hay được chiêu-hồi trong ngục thất khi anh hùng mạt lộ sa cơ phải bị giam cầm. Ngang nhiên nhìn cái chết, như Hernandez trong « *Hy vọng* », tri giác sáng suốt phút cuối của đời mình trên nghĩa địa Tolède khi những viên đạn đồng xuyên qua tim phổi, não cân. Chiêu hồi cái chết trong tù như Kassner của « *Thời khinh thị* » : « *Cái chết chắc cũng nhường như âm điệu ấy... Ở bên kia ngục thất, ở bên kia thời gian, vốn có một cảnh đời sáng lạn của đau thương, một hoàng-hôn thoát niềm tục lụy mà nơi đó tất cả những gì đã kết dệt thành đời chàng đều lướt qua với biến trình bất tận của bao nhiêu thế giới trong một niềm thành kính vô biên* ». (Thời khinh thị — Le Temps du Mépris). Đi xa hơn : Cái chết trong văn phẩm Malraux đã biến tính : từ đi tìm lẽ sống của tri thức cách-mạng đến lối giải thoát của con người khỏi số mệnh mình ; đấy là lối tự sát của Vincent Berger trong « *Những rặng hồ đào Altenburg* » (Les noyers de l'Altenburg) một tác phẩm sáng tác trong thời đại chiến và bị công-an Gestapo của Hitler thủ tiêu hơn một nửa.

Nhưng Malraux, tuy bị tư tưởng chết ám ảnh, không bao giờ đề tuyệt vọng chế ngự. Trái lại sự phiêu lưu trong tri thức cách-mạng chính là một lối thoát cho ý thức khỏi bị Tử thần ám ảnh ; tìm cho cái chết — hay cuộc đời — một ý nghĩa để can đảm sống và vui vẻ chết, quả cảm gánh lấy cuộc đời để đi vào cái chết đang chờ đợi bên kia. Tri thức Cách-Mạng của Malraux chỉ ngừng ở đấy chứ không quan niệm đến công trình xây dựng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

một xã-hội ngày mai. Malraux chỉ hướng con người đến đấu tranh cách-mạng từ « *Những kẻ đi chinh phục* » qua « *Địa-vị con người* », đến « *Thời khinh thị* » và ngay trong cả « *Hy-vọng* ».

Trong chiều hướng của tri-thức Cách-mạng đại thể đó, Malraux không muốn đưa ra một lối xây-dựng xã-hội chủ quan nào mà chỉ muốn đề cao ý-nghĩa của phẩm giá con người. Malraux đã vượt khỏi những hình thái xây dựng cá-thể, để đạt đại thể của nhân-phẩm qua Cách-Mạng. Malraux phản kháng quyết liệt quan-niệm xem con người như một phương tiện của guồng máy chính-trị hay kinh-tế. Chính Merleau-Ponty đã đề cao quan-điểm này của Malraux «... *Malraux, qua hai tác-phẩm «Địa-Vị Con Người»* và « *Hy-Vọng* », không bao giờ chịu để cho người đời có thể dùng con NGƯỜI làm phương tiện chính trị hai kinh-tế ». (Pour la vérité-Les Temps Modernes số 4). Nhân phẩm đối với Malraux không phải những danh-từ suông, những hứa hẹn suông, những hy-vọng suông, mà chính phải thực hiện ngay cho con người biết thế nào là lẽ sống, thế nào là ý chết Phải làm sao cho không còn những điều tủi nhục, cho kẻ nghèo không còn than vản : « *Un pauvre ne peut pas s'estimer* » (Les Conquérants), cho cả một hạng người khỏi phải hằn học : — « *Anh có biết thế nào là nhân-phẩm ? Không có nghĩa gì xa lạ đâu, — đấy chính là điều trái ngược với tủi nhục.* » Vâng, vì nhân loại đã khá nhiều cam chịu tủi nhục, nên thực-hiện nhân phẩm phải chăng là trước hết phải xóa nhòa bao nhiêu điều tủi nhục trên đời. Phải chứng tỏ cho con người biết rằng « *kẻ ở trên cao không có quyền khinh thị chúng ta ở dưới thấp* » (Hy-vọng) và làm sao để thực-hiện bác-ái khắp nhân quần, xô lùa vào quá vãng bao nhiêu điều tủi nhục.

Theo Malraux, Cách-Mạng chỉ hoàn thành sứ mệnh và chỉ có ý-nghĩa sâu xa khi có mục-đích, cứu-cánh đề cao « *nhân phẩm* » con Người bằng cách giải phóng con người khỏi bao nhiêu điều tủi nhục. Vì vậy Malraux đã không ngần ngại phủ nhận những hình thái « *Cách-Mạng vì Cách-Mạng* », hay « *Cách-Mạng vì giai - cấp* ». Cách-Mạng theo Malraux phải vì nhân phẩm, hay nói rộng hơn, quan-niệm Cách-Mạng đại-thể của Malraux là một công trình Cách-Mạng Nhân-Vị. Malraux thấy rằng khó mà thể hiện được trên cuộc đời man trá và giả dối, vị kỷ một quan-niệm như thế nên đã không ngại-ngùng chấm dứt cuộc phiêu-lưu. Nhưng bao nhiêu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bức tranh linh động của Cách-Mạng Malraux. bao nhiêu giòng máu đỏ lỗ loang qua nét chữ chính là sức phản kháng của con người trước bức tường phi-lý, ngã nghiệt của đời. Phản kháng Malraux là một sức phản kháng bằng động tác. bằng máu lệ, và Malraux có còn tin chăng chỉ có động tác. chỉ có máu lệ mới hòng mong cứu vớt con người khỏi thảm trạng đọa-sa ?

Trước Sartre và Camus, Malraux là nhà văn tiền phong đề cao sức phản kháng của con người. Nhưng sức phản kháng ấy Malraux đã nhường lại cho thiên tài Camus và vào năm 1943 — một năm sau khi Malraux giới thiệu « *Người Xa Lạ* » (L'Étranger) của Camus cùng nhà xuất-bản Gallimard, — « *những rặng hồ đào Altenburg* » đã ngân lên tiếng nói của người muốn thoát-ly tầm thường nhân thế để đạt đến thanh tịnh của lòng trong nguồn yêu siêu-việt :

« *Cửa hé mở, chiếu chăn, rơm rạ, dấu người, áo dài tăng lữ nhuốm vị thời gian, như tất cả huy hoàng mầu nhiệm của ban mai đang chìm sâu xuống tâm hồn kẻ đang hôn nhẹ lên đôi mắt phai nhạt. Với một nụ cười thầm kín sẽ dâng hiện lên sự huyền-bí của con người và sự phục hồi của lòng đất chỉ là một cảnh trí thiết tha. Tôi hiểu rồi, ý nghĩa của thần thoại ngày xưa, của những kẻ vượt qua cái chết. Tôi nhớ lại nỗi hải hùng một cách mơ hồ ; tôi cảm thấy vừa tìm ra một bí quyết giản dị và thiêng-liêng.*

« *Có thể rằng như thế mà Chúa nhìn con người đầu tiên...* »

Tư-tưởng dịu dàng nhưng thắm thiết của « *rặng hồ đào Altenburg* » đưa hồn Malraux dần xa Cách-Mạng để đạt đến nghệ thuật siêu vi trong bao lối chiêu hồi kiến-trúc : điêu-khắc, hội-họa...

*
* *

II.— Nghệ-thuật Siêu-thoát.

Vượt thời gian và không gian, Malraux đi tìm cái Đẹp của Nhân-loại trong một luận-chứng siêu-hình Nghệ-Thuật : « *Tiếng nói của Im-Lặng* » (Les Voix du Silence — Gallimard 1951). Trên bình diện tư-tưởng, « *Tiếng nói của Im-Lặng* có một giá-trị không khác gì « *Nguyên Thủy Bi-Kịch* » của Nietzsche hay « *Tương - Lai Khoa - Học* » của Renan.

« *Tiếng nói của Im-Lặng* » kết dệt một lối nhận định lịch - sử nhân-loại qua diễn - tiến của lịch-trình Nghệ-Thuật. Qua lối chiêu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hồi nghệ-thuật, Malraux đã chủ tâm xây dựng một quan-điểm triết-học siêu-việt, đi tìm sự đồng nhất của lòng nhân-loại trong ý-thức siêu-vi của nghệ-thuật. Thông hiểu tất cả mọi công trình nghệ-thuật từ Á sang Âu, từ Nga sô đến Mỹ-châu, Malraux muốn đề cao ý niệm cảm truyền từ một nền văn hóa này đến một nền văn-hóa khác : dù bao nhiêu biệt dị về thời gian, không gian, hoàn cảnh, sắc thái có phân chia các triều - lưu nghệ - thuật, Malraux cũng như muốn vượt qua để đạt đến một chính điểm đồng qui. Chính điểm đó, Malraux đã bắt gặp trên tính cách siêu-vi của các nền nghệ-thuật. Tính cách siêu-vi đó hướng con người đến giải thoát, đến tự-do : « *Lịch-sử nghệ thuật khi thu lại trong biến-trình của thiên tài phải là một giải-thoát-sử. Vì khi lịch-sử hướng theo sự biến đổi số mệnh thành ý-thức, thì nghệ-thuật biến đổi số mệnh thành tự-do* » (Tiếng nói của Im - Lặng). Chính điểm trong « *Tiếng nói của Im-Lặng* » là sự biến thiên của bao nhiêu công-trình nghệ-thuật cùng mọi tính-cách siêu-vi qua cảm quan và mỹ-cảm của từng thế-hệ : « *Vấn đề chính không phải là sự* « *truyền hưởng của các nền văn-hóa* « *trong mỗi một bộ môn, mà chính* « *phải tìm hiểu tính chất nhân bản* « *trong mỗi nền văn-hóa truyền đến* « *tận chúng ta như thế nào và có* « *giá-trị gì đối với chúng ta* ». (Tiếng Nói của Im-Lặng).

Để hoàn thành ý niệm của mình, Malraux đã chiêu hồi lại lịch-trình nghệ - thuật nhân-loại. Trên con đường miên viễn xa tắp của Tiền Cổ, Thượng Cổ Hy-Lạp, La-Mã, Ấn-Độ Trung-Hoa, qua bao nhiêu tôn-giáo cùng ý-thức-hệ, Malraux thiết tha chiêu hồi lại nghệ-thuật để dần dần đạt đến sự phá sản hiện đại của thế - kỷ hai mươi mà nghệ-thuật đang bị bao nhiêu triều-lưu chế-ngự : « *Niềm* « *hy-vọng nghệ-thuật tỏa rộng trong* « *một cuộc đời hướng đến vô biên* « *đã nghẹn tắt . . . Tư-tưởng cùng* « *trí-thức Âu-châu đang bị lung* « *lay tận gốc rễ và đang phải hóa thân. . .* » (Tiếng Nói của Im Lặng). Với Malraux, nghệ-thuật, một sáng tạo của nhân loại, một sức sống của văn-hóa và văn-minh phải kết liền bất khả phân cùng lịch-sử, một biến - trình lịch - sử mà trong ấy Malraux tìm lại tất cả sự diễn tiến của thần thoại. Hay tế nhị hơn, nghệ-thuật là tiếng ca của lịch-sử. Và thế kỷ trôi qua, con người qua lịch-sử chỉ còn mang nặng trong lòng những lời ca huyền-diệu ấy. Đi từ « *Vũ trụ huyền ảo của bao nhiêu khung đời Hy-Lạp* » qua sức sống của Nghệ-Thuật Gia-Tô tượng-trưng trên hình ảnh Chúa đề

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

rồi ngưng đọng vẹn tiết qua Đức Mẹ Đồng-Trinh, Malraux đã luôn luôn tự hỏi « *Nghệ-thuật là gì ?* » để rồi tìm ra trong siêu-vi tư-tưởng một âm hồi thanh-thoát, trong ấy sức sáng tạo của con người luôn được đề cao : « *Nỗ lực trong vô* « *minh của con người để xây-dựng* « *lại thế-giới không phải là vô-ích,* « *vì không có gì có thể trở thành* « *Hiện-Tại qua cái chết, ngoại trừ* « *bao nhiêu hình thái đã được tạo* « *thành. . . Nhân-bản không phải* « *có nghĩa : những gì ta làm, không* « *một sinh vật nào có thể làm được.* « *Nhân-bản phải được quan-niệm* « *sắc bén hơn : tôi từ khước cá-* « *thể sinh-vật ở trong tôi, để trở* « *thành người mà không cần một* « *sự hỗ trợ thần-linh nào cả. Có* « *lẽ rằng với người tin Đạo, chuỗi* « *đời dài vừa biến-hóa vừa phục-* « *sinh ấy kết liền với một sức sống* « *hay một tiếng gọi thiêng - liêng* « *nào ; nhưng có thể quan-niệm* « *thanh-thoát hơn rằng, con vật* « *biết mình phải chết, nên khi* « *ngẩm vũ-trụ ngạo nghễ vô biên* « *đã bắt gặp được và giữ lấy* « *tiếng hát của những vì sao ; để* « *rồi vang truyền qua thế-kỷ với* « *bao nhiêu tiếng lời xa lạ. Khi* « *chiều xuống và Rembrandt còn* « *vẽ, tất cả những bóng hình Siêu-* « *việt đã giữ bàn tay ngập ngừng* « *đang soạn-thảo giấc ngủ đời hay* « *chính tinh-thần bất-diệt. . . Và* « *bao nhiêu thế-kỷ đã theo dõi nỗi* « *ngập ngừng ấy trong hoàng-hôn* « *vì chính từ bàn tay ấy đã run* « *lên một trong những hình thái* « *diệu huyền, cao cả nhất của tinh* « *anh cùng danh-dự được làm* « *Người* ». (Tiếng Nói của Im-lặng — Sáng tạo nghệ-thuật).

Với Malraux, chúng ta thấy như « *ngẫu nhiên đợt khởi, thời gian biến đổi nhưng con người lựa chọn* » và « *ý-niệm nghệ-thuật đã trở thành một ý-niệm cởi mở* ». Nghệ-thuật trở thành thông cảm, thông cảm vốn đặt ở lòng Tin, và lòng Tin gợi niềm bất diệt. Nghệ-thuật trở thành một cứu-cánh, một tín-ngưỡng, một Đạo viết bằng chữ hoa. Ở đây sức mạnh phi-thường của Malraux cách-mạng như thổi vào nghệ-thuật, đưa nghệ-thuật đến đại-thể của cứu-cánh con người : « *Nghệ-thuật là một lực phản số-mệnh. . . toàn thể lịch-sử nghệ-thuật phải là một lịch-trình giải-thoát. . .* »

Hy-vọng của Malraux như bắt gặp trong không gian tiếng lòng của Proust khi Proust băn khoăn tự hỏi về số phận các công-trình văn-nghệ, như khi Nguyễn-Du thổn-thức :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như ?

Không có gì chua chát hay mỉa mai trong Proust, trong Nguyễn Du, đấy chỉ là những tâm tình phổ-quát của con người nhân-thế. Trong Malraux đại-thể lấn áp cá-thể, viền thẩm một chút hương kiêu-hãnh của con người nhìn qua lăng kính sáng-tạo cuộc đời. Và do đấy, do kiêu-hãnh sáng-tạo, do lịch-trình giải-thoát, Malraux đã đi từ « *Tiếng Nói của Im-lặng* » đến « *Lối Hóa thân của Thần-linh* » (La Métamorphose des Dieux-Gallimard 1957.) Đây không phải một nghệ-thuật-sử hay một lối giải-thích hoàn-toàn thẩm mỹ. « *Lối Hóa thân của Thần-linh* » vẫn tiềm mặc sức sống của « *Tiếng Nói của Im-lặng* » trong vượt bực của tri-thức con người để « *giải-thích đời sống thực hữu của chúng ta trong thế-giới, qua những gì đã thuộc về quá vãng của tử thần* ». Cũng như « *Tiếng Nói của Im-lặng* », « *Lối Hóa thân của Thần-linh* » qua bao nhiêu công trình nghiên-cứu và xây-dựng lại nhân-loại qua nghệ-thuật đã đưa Malraux đến chỗ đặt lại vấn-đề nghệ-thuật, một quan-niệm hoàn-toàn sai biệt với các quan-niệm cũ của Delacroix, Baudelaire, Wagner và ngay cả Taine hay Marx. Malraux đã đưa chúng ta vào một thế-giới hư huyền, một vũ-trụ sáng tạo mà trong đó « *các nhà nghệ-sĩ khi sáng tạo tác-phẩm của mình vẫn chưa quan-niệm được nghệ thuật là gì ?* » hay nói cho rõ hơn, « *khi ý-niệm nghệ thuật chưa được đặt ra trong lòng tri-thức nhân-loại* ». Malraux đã hỏi thời gian một cách thiết-tha, chìm ngập lòng mình trong lòng thời gian, rồi vượt luôn cả không gian để tìm ra mỹ cảm sáng tạo, mà thế-giới chúng ta đang sống chỉ là một phương-diện của toàn thực thể con người. Từ hình tượng Pharaon Djoser chiêm ngưỡng trong vô-biên của vĩnh-cửu qua lối điêu khắc thần-linh Ấn-độ, Trung-Hoa như biểu-dương một sự hiện-diện siêu-vi giữa thời gian, một chân-lý sâu xa vượt qua bề mặt của cuộc đời, đến các lối kiến-trúc Nam-dương phát-huy được hình thái tượng-trưng vũ-trụ, Malraux đã nêu ra sau Van Gogh « *sức mạnh siêu-việt của tinh thần sáng tạo con người qua mỹ cảm của nhà nghệ-sĩ* ».

Nghệ-thuật vị nghệ-thuật, Malraux không bao giờ quan-niệm; nghệ-thuật vị thần linh ? Malraux lại càng trả lời không. Hay nghệ-thuật vị nhân sinh, Malraux lại càng dè dặt. Tâm-duy Malraux tuy còn một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bí-quyết. nhưng qua hai luận-chứng siêu-hình về nghệ-thuật, chúng ta có thể nhìn nhận một phần nào ý-thức sáng-tạo của con người. Có lẽ nghệ-thuật không có một sinh-hoạt tự tại mà chính là một trong những cứu-cánh sáng tạo của con người để thực-hiện qua thời gian và không gian tính chất phổ quát, vĩnh cửu, siêu-việt của lòng nhân loại thường bị cái chết hạn định trong thời gian. Trong viễn-trình ấy, ý-niệm tìm kiếm một con đường bất-diệt mà không cần đến sự hỗ trợ của Thượng-Đế hay Thần-linh có lẽ là một trong những lối thoát thân của con người qua cái chết. Lối thoát thân ấy là con đường hướng-thượng muôn sao, ngời chói hào-quang của nghệ-thuật, một công-trình sáng tạo của con người để thể-hiện mỹ chân không ngoài nếp sống, để phát-huy tinh-thần bất diệt của tri-thức qua bao nhiêu hạn định của Đời : con người đã thể-hiện vô-biên trong hạn-định, đã đạt được bất-diệt trong khuôn khổ sống chết của thời-gian. Con người luôn-luôn sáng-tạo để thực-hiện đại thể ấy của đời qua muôn nghìn vạn-trạng tâm-tình cùng mỹ-cảm. Nhưng con đường hướng-thượng ấy có thể nào đưa con người hóa thể thành thần-linh hay muôn năm thế-kỷ, dù con người có dày công sáng-tạo, con người vẫn là con người với bao nhiêu tầm-thường hạn định của đời

* * *

Bắt gặp Người qua bao nhiêu biểu-dương siêu-việt để đề cao một tinh-thần bất-diệt trong hạn định của thời-gian, đấy là quan-niệm nghệ-thuật của Malraux qua hai luận-chứng « *Tiếng Nói của Im-lặng* » và « *Lối Hóa thân của Thần-linh* ». Nhưng vấn-đề siêu-hình căn-bản vẫn chưa được Malraux giải-quyết.

« *Người là gì ? Có thể có một ý-niệm nào để căn bản cho ý niệm người chăng ?* » Tất cả công-trình văn-nghệ của Malraux đều qui-tụ chung-quanh câu hỏi thiết-tha đó. Trong một bài thuyết-trình ở Đại-Học Sorbonne, Malraux đã có lần « *hóa thân* » lời nguyền của Nietzsche (Thượng-Đế đã chết) thành một câu hỏi bi đát : « *Phải chăng con người đã chết ? Phải chăng con người sắp chết ?* » Vì xã-hội Tây-phương và nhất là Âu-châu đang đi đến một sự phân tán, một cảnh tan rã giữa con người và văn-hóa. Thật vậy, nghệ-thuật hiện-đại ở Âu-châu đang đi đến điểm ly-khai sâu đậm nhất với lịch-trình nhân-loại, xa lìa căn-bản, xa lìa lý-tưởng, cắt ra từng mảnh, phân chia từng lĩnh-vực và không có sự hòa nhịp

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thông-cảm giữa con người và công trình văn-nghệ. Bao nhiêu sự xáo trộn, bao nhiêu đảo điên trong lĩnh-vực văn-nghệ đã đưa ra những quái thai thời đại mà trong ấy con người không thể bắt gặp được mình. Malraux đã cảnh giác xã-hội Âu-châu « *chúng ta đang tiến đến một địa-hạt mà nếu không chế-ngự được hoàn-cảnh, tất nhiên chúng ta phải chết* ». Hoàn-cảnh đó là hoàn-cảnh kỹ-thuật, mà Malraux đã đứng lên phản-kháng, chống lại sự nô-lệ của con người và đề cao tinh-thần sáng-tạo, vượt bực lệ định thời gian, không gian và lịch-sử. Nhưng con người của Malraux, từ cách-mạng nghệ-thuật, từ chiến-binh đến nghệ-sĩ vẫn giữ trọn niềm một đại-thể : đấy là tính-cách siêu-việt của tri-thức con người. Và do đấy Malraux hướng thế-kỷ hai mươi đi tìm một nền nhân-bản mới. Nhân-bản của Malraux không những chống lại với kỹ-thuật mà còn chống đối với mọi hình thái độc tài vì độc tài sẽ giết chết tinh-thần sáng tạo, vì độc-tài sẽ phân-biệt lý-thuyết với tư-duy, vì độc-tài từ-khước nhân-tình và nhân-phẩm. Nhưng Malraux không đưa lại cho thế-hệ hiện hữu một giải-pháp nào cả ngoài sự phô-diễn bao nhiêu điều vô vọng của thế-kỷ hai mươi. Tinh-thần Nhân-bản của Malraux không ngoài một tâm-tình tuyệt-vọng, vì không hướng đến Siêu-vi xuất-thế mà chỉ đạt đến một thực-trạng siêu-việt trong hạn-định của con người. Vì Malraux không muốn tin ở tinh-thần bất diệt tự tại của con người mà chỉ tìm ra một thực-tại vĩnh-cửu trong công-trình sáng-tạo. Sở-dĩ Malraux chưa kết dệt con người cùng bất diệt, cùng vô-biên làm một, vì Malraux chưa tin ở Đạo, vì Malraux đang còn muốn từ khước một giải-pháp thiêng-liêng mà trong ấy nhân-loại có một thiên-chức siêu-việt chứ không phải siêu-vi-hóa nhân-loại như Malraux đã thể-hiện qua nghệ-thuật siêu phàm, qua cách-mạng đại-thể.

Nhưng dù Malraux có từ-khước thiên-chức ấy của con Người, thế-kỷ hai mươi vẫn không quên nhà văn-nghệ-sĩ đã giúp một phần nào cho con người ý-thức qua vô-minh của lịch-sử, tính cách bất khả phân của nhân-loại cùng tri-thức sáng-tạo bất-diệt, đã để lại qua thời-gian, không-gian bao nhiêu công-trình vĩnh-cửu thể-hiện con đường giải-thoát của loài người khỏi vòng lệ định

Tuy nhiên với thiên tài nghệ-sĩ Malraux, với Thông-minh, Quả cảm chứa chan sức sống đã hóa thân từ tri-thức Cách-Mạng đến nghệ-thuật siêu thoát, chúng ta còn tin rằng Malraux sẽ vượt bực con Người để đạt đến một thực-thể tối thượng, trong ấy con người dù tầm thường khiêm-tốn đến đâu cũng có thể hòa mình trong hào-quang tinh-sạch của Vô-biên.

LÊ-TUYÊN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

VẤN-ĐỀ GIẢI-THOÁT CON NGƯỜI TRONG PHẬT-GIÁO

VÀ TƯ-TƯỞNG J. P. SARTRE

Ý-nghĩa giải thoát Phật-Giáo

TRONG những chương trên (1) chúng tôi đã trình bày những giai-đoạn của biện-chứng giải-thoát con người theo đạo Phật. Thiết tưởng bây giờ là lúc phải lược tóm quan-niệm giải-thoát đó bằng một vài nét lớn làm nổi bật ý-nghĩa đặc-biệt của nó lên.

Bất cứ triết-lý hay tôn-giáo nào cũng bao hàm một nhân bản định-nghĩa như một nỗ-lực tìm hiểu, nhận-định về thân phận con người và đề nghị một đường lối giải-phóng.

Trong viễn-tượng đó, Đạo Phật cũng xuất hiện như một nhân-bản, một quan-niệm giải-phóng con người. Mặc dầu đã có từ hơn hai ngàn năm, đạo Phật vẫn còn mạnh (ngót 500 triệu tín-hữu) ; hơn nữa chúng ta còn thấy ngày nay một phong-trào phục-hưng sôi-nổi đạo Phật ở trong các nước vẫn theo Phật-giáo (Á-Châu) và một phong-trào khám-phá, theo Phật-giáo trong các nước từ xưa chưa biết đến Phật-giáo (Âu-Châu).

Sự kiện đó làm cho ta phải suy-nghĩ : phải chăng đạo Phật vẫn còn khả-năng đáp lại những thắc mắc, lo âu của con người hiện đại trong hoàn-cảnh lịch-sử đặc-biệt của mình ? Nếu quả thật như vậy, chắc hẳn đạo Phật phải trình-bày những điểm tương-tự với những ý-nghĩ, khát vọng của con người hiện đại.

Trước hết, thời đại này là thời đại người ta ý-thức được tính cách phổ-quát của con người : không còn sự phân-biệt chủng-tộc, màu

(1) Bài này là một chương trích trong cuốn « **Vấn đề giải-thoát trong Phật-giáo** » của tác-giả sắp xuất-bản.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

da, ngôn-ngữ ; ai cũng là người dù người đó là người xa lạ hay kẻ thù, nghĩa là ai cũng tham-dự vào thân-phận con người định nghĩa như một tự-do, một ý-thức phải trách-nhiệm xây-dựng cuộc đời trong cái khó khăn, phức-tạp bấp-bênh của trần-gian.

Vậy tất cả mọi người đều chung một số phận, và đều mang một triển-vọng được giải-phóng. Trong tình-cảnh đó, đạo Phật xuất-hiện như một tôn-giáo phổ-quát, đem đến cho mọi người một con đường giải-thoát, không phân-biệt giai-cấp xã-hội. Đạo Phật không phải dành riêng cho một số người, một giai-cấp, cho người Ấn-độ, nhưng cho *con Người*. Tất cả mọi người đều ở trong vòng luân-hồi, kể cả các Thần-linh, và tất cả đều phải được giải thoát không trừ ai.

Cũng hơn bao giờ hết, con người thời-đại nầy ý-thức được một cách sâu-xa giá-trị làm người của mình như một Tự-do, một cái gì không thể thay thế được, nhờ những hoàn-cảnh đặc-biệt chà đạp áp-bức con người về phương-diện kinh-tế, văn-hóa, tinh-thần bằng những phương-tiện dã-man, độc-ác chưa từng thấy.

Nói theo danh-từ của Hegel, con người bị phóng-thể (aliéné). Phóng-thể chỉ-thị tình-trạng ly-khai, phân chia con người khỏi thực-thể của mình ; con người bị phóng-thể mất bản-tính người, sống trong cái hư-ngã, chấp-ngã, vọng-tưởng, nghĩa là cái không thật, cái giả-dối. Chữ phóng-thể (Entaüsserung) không thể dịch ra Pháp văn hay Việt văn được vì chẳng những nó bao hàm một sự ly-tán, phân-cách, mà còn chỉ thị tính-cách căng-thẳng, *bi-đát* của sự ly-tán đó. Vậy phải vãn-hồi bản thể con người, trả lại cho con người thực-thể của nó, nghĩa là phải giải-phóng nó khỏi tình-trạng phóng-thể, ly-khai bi-đát. Giải-phóng con người bằng cách kéo con người ra khỏi mọi hình-thức nô-lệ, mọi trói buộc tiêu-diệt hay che đậy bản chất của nó xác định như một tự-do.

Vậy cứu-cánh của công cuộc giải-thoát là đi tới thế-giới tự-do đích-thực của nhân-vị trong đó con người tự-quyết như một tự-do.

Sự giải-thoát theo Phật-giáo đề nghị không phải chỉ nhằm tiêu-diệt những áp-bức kinh-tế, chính-trị do xã-hội, tha-nhân, nhưng nhằm đả phá tận nguồn gốc mọi áp-bức tức là lòng ham muốn : Dục. Chính Dục là nguyên-nhân trói buộc con người phải chìm đắm trong vòng nghiệp-quả luân-hồi. Con người nô-lệ của Dục như bị trói buộc vào một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cái bánh xe, cứ thế mà quay mãi mãi bao lâu chưa chấm-dứt được lòng Dục. Bánh xe luân-hồi chỉ-thị mọi thứ tất-định (déterminisme) gò bó tự-do con người.

Sự giải-thoát là làm thế nào ra khỏi bánh xe nghĩa là thoát mọi thứ tất-định, để không còn bị quay cuồng biến-dịch, tự-quyết như một tự-do thuần-túy, không bị quy-định bởi bất cứ một yếu-tố nào nữa.

Lý-thuyết về nghiệp-báo luân-hồi, hành-động của Phật-giáo bày tỏ một quan-niệm công-nhận con người là tự-do và ý-nghĩa sau cùng, sâu-thẳm của công-trình giải-thoát là làm sao cho người thu hồi lại bản-tính của mình là tự-do và tự-quyết là tự-do, không bị quy-định bởi bất-cứ một yếu-tố bên ngoài. Nát-bàn, cứu-cánh sau cùng của giải-thoát, như đã trình bày trong những chương trên là thế-giới tự-do, nơi con người tự-quyết như một hành-động thuần-túy (acte pur). Vì bao giờ hành-động còn bị quy-định bởi những yếu-tố khách-quan, hành-động đó chưa hoàn-toàn thuần-tuý, nghĩa là con người vẫn còn dính bén mùi tục-lụy chưa hoàn-toàn được tẩy rửa, và như thế là vẫn còn sinh ra nghiệp để bị quay trong vòng luân-hồi... *Luân-hồi là thế giới của mọi thứ tất-định, và Nát-bàn là thế-giới của tự-do thuần-túy.*

Quan-niệm giải-phóng con người theo Phật-giáo bao hàm một quan-niệm về con người định nghĩa như một tự-do.

Biện chứng giải-phóng khởi-điểm từ nhận định con người bản-thể là tự-do, tự-do đó bị phóng-thể (aliénée) do Dục và giải-thoát là chinh-phục lại bản thể bị mất để tự-quyết là tự-do.

Một nét đặc-biệt nữa của Phật-giáo là coi việc giải-thoát đó là việc của mỗi người phải tự đảm-nhiệm. Không ai trách-nhiệm làm thay, cứu-giúp gì được. Ta trách-nhiệm cuộc đời ta và do đó trách-nhiệm công-việc giải-thoát của ta.

Sự trói buộc, phóng-thể trong vòng nghiệp-báo là tại ta. Mỗi người tự tạo cho mình những kiếp sống, nghiệp-dĩ bằng hành-động. Cho nên chính ta phải chịu lấy cái quả hành-động của ta, nghĩa là cuộc đời xấu tốt, nghiệp xấu tốt đều do ta gây nên, không phải là xã-hội hay một đấng Thượng-đế nào tạo ra và chi phối số-phận đời ta.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Do đó sự cứu rỗi cũng chỉ có thể thực hiện nếu chính ta ước muốn và nỗ-lực. Không phải Thần-thánh hay tha-nhân có thể cứu-giúp, giải-phóng ta vì họ không trách-nhiệm cuộc đời ta.

Đạo Phật đặc-biệt không đặt vấn-đề Thượng-đế như một đấng Tạo-hóa dựng nên vũ-trụ và con người.

Nếu ta hiểu tôn-giáo là một thái-độ công-nhận, thờ-phụng một đấng Thượng-đế, khác ta, cao-siêu, vô hạn, là ý-nghĩa sau cùng cuộc đời và là cứu-cánh sự giải-phóng con người, Đạo Phật không phải là một tôn-giáo. Như trên đã nói (chương ba) Phật-Thích-Ca chỉ là người hướng-dẫn cùng chung một thân-phận làm người và đã tự giải-thoát làm gương cho ta, đồng thời đã để lại cho ta một phương-pháp giải-thoát. Địa-vị của Phật trong công-cuộc cứu rỗi cá nhân chỉ có thế thôi. Không có ơn thánh sủng (la grâce divine), không có một tha lực nào có thể là yếu-tố quyết-định việc cứu rỗi của một người. Sự giải-phóng thực-hiện bằng tự-lực.

Trong viễn-tượng đó, Đạo Phật xuất-hiện như một *tin-tưởng lạc-quan* vì bất cứ ai, nếu quyết-tâm muốn giải-thoát, tất nhiên sẽ đạt được ý-định đó. Không một sức lực nào thực sự có thể ngăn-cản con người trên con đường nỗ-lực đi đến giải-thoát. Tin-tưởng lạc-quan vì không thể có thất-bại. Không thể có thất-bại vì không bị chi-phối bởi những yếu-tố khách-quan ngoài ý muốn ta. Con người có một ý-chí quyết-tâm sẽ lướt thắng được mọi trở-lực do chính mình đặt ra ; không có định-mệnh, nghĩa là những lực-lượng vô ngã, yếu-tố khách-quan nào có thể chà đạp, trói buộc ý-chí, tự-do con người *ngoài ý-muốn* của người đó. Lạc-quan, vì con người không phải là nạn nhân của thần số-mệnh bó tay buông xuôi, đành chịu mệnh-lệnh của Định-Mệnh, số-phận được ấn-định từ thuở đời đời, không còn làm gì được nữa...

Trong quan-niệm coi con người là hành-động, không có cái gì là ấn-định, vĩnh-viễn, nhưng cái gì cũng chỉ là tạm thời, có thể thay đổi.

Con người sinh ra với những đức-tính, nết xấu, những khuyết điểm. Nhưng không phải số-phận đã được ấn-định, đã như thế sẽ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là như thế mãi, trái lại luôn luôn con người có thể thay đổi số-phận của mình, tìm cách phát-triển những khả-năng tốt còn tiềm-tàng, diệt hành-động xấu, sửa đổi nghiệp ; cho nên Đạo Phật thực sự lạc-quan vì con người luôn luôn đứng trước những chân trời mới mở rộng không phải trước những bế-tắc khi hướng về tương-lai.

Do đó, quan-niệm coi người là hành-động cũng bao hàm một quan-niệm động về bản-thể con người. Nếu người *chỉ là những việc mình làm,* không có một bản-thể bất biến bất động, vĩnh viễn im lìm tách khỏi hành-động và là chủ hành-động, tồn-tại trước khi hành-động và sau hành-động như một thực-thể bất biến.

Trái lại bản-thể con người, trong triết-lý hành-động của Đạo Phật là cái đang trở nên... cái còn đang thành hình... nghĩa là cái chưa xong, chưa hoàn-toàn. Sự trở nên, đang thành hình bao hàm sự vận chuyển thay đổi, và thay đổi hướng về hoàn-toàn.

Bao lâu còn ở trong trần-gian, đạo Phật coi con người như một thực-thể động, biến-đổi, tự cấu-tạo, đang thành-hình bằng hành-động.

Nếu Phật-giáo công nhận lối trình-bày trên, chúng tôi thấy Phật-giáo rất giống nhân-bản hiện-đại của thời ta.

Chúng tôi thiết nghĩ rằng chính những điểm tương-đồng sâu-xa giữa cái tinh-túy của Phật-giáo với những nét chính của nền nhân-bản hiện-đại cắt nghĩa tại sao Đạo Phật mặc một tính-cách thời-sự, nhất là với những nước Âu-Châu chưa từng bị ảnh-hưởng Phật-giáo.

Trình bày thuyết hành-động, nghiệp-báo của Phật-giáo (xem chương 4) chúng tôi liên tưởng đến triết-lý một *Blondel, Bergson, Lequier v.v... Jules Lequier* đã định nghĩa con người là : *L'homme se fait en faisant une œuvre. Sartre* nói : *L'homme est ce qu'il n'est pas et n'est pas ce qu'il est, il est à être,* hay *« L'homme n'existe que dans la mesure où il se réalise. Il n'est donc rien d'autre que dans la mesure de ses actes rien d'autre que sa vie :* (*L'existentialisme est un humanisme p. 55.*) Heidegger cũng nói : *Sein ist zu sein »*

Tư-tưởng hiện-đại cũng không phân-biệt sự-vật thành bản-thể bất biến với hiện-tượng biến đổi, trái lại yếu-tính của sự-vật

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là biến đổi, là động. Lập luận tuy khác nhau, nhưng những Bergson, Hegel, Sartre, Jean Wahl, Marx v.v... đều đồng-tình coi biến-chuyển, cái dịch là bản-thể của vũ-trụ, sự vật.

Nhận định những nét chính của nền nhân-bản hiện đại chúng ta cũng tìm thấy một tin-tưởng của con người vào chính mình, để ý-thức được giá-trị của mình như một tự-do nhờ tự-giác, giác ngộ và tự giải-phóng, tin ở cánh tay, nỗ lực của mình, không còn đặt số-phận mình vào Thần-thánh hay một sức linh-thiêng nào. Con người hiện-đại ý-thức được rõ-rệt hay chỉ cảm thấy một cách mơ-hồ, hình như đều tin rằng có lẽ không còn mong vào quyền-lực nào một cách hiệu quả, và chỉ có thể lựa chọn hoặc là thất-vọng quông xuôi hay là tự trách nhiệm lấy cuộc đời mình để tự giải-phóng.

Khi đi tìm hiểu ý-nghĩa sâu xa quan-niệm giải-phóng Phật-giáo trong ý-định đối chiếu với những hướng đi lớn của tư-tưởng hiện-đại, chúng tôi thấy những điểm tương đồng như vừa trình-bày. Nhưng chúng tôi cũng thấy rằng không có hệ-thống triết-lý hiện-đại nào có những điểm đặc-biệt giống triết-lý Phật-giáo đồng thời cũng có những điểm hoàn-toàn đối-lập bằng triết-lý của Sartre. Đó là lý do cắt nghĩa tại sao chúng tôi đã chọn J. P. Sartre để so-sánh với tư-tưởng Phật-giáo.

*
* *

J. P Sartre và Phật Thích-Ca.

Đem so-sánh tư-tưởng của Sartre với Phật-giáo chúng tôi không mang một ẩn ý muốn làm tổng hợp hay dung hoà. Ý định so-sánh đã nẩy ra trong óc chúng tôi khi chúng tôi muốn đi tìm hiểu ý-nghĩa đặc-biệt tinh-túy của Phật-giáo, đồng thời chúng tôi không thể không nghĩ đến ý-nghĩa căn-bản tư-tưởng của phong-trào hiện-hữu và nhất là Sartre.

Dưới đây là những nhận-định về những điểm tương đồng biệt-dị của hai tư-tưởng đó.

Khởi điểm : Sự buồn nôn (La nausée) và đời khổ (Dukka).

Phản ứng của con người, trong tư-tưởng Sartre, trước hiện-hữu là sự buồn nôn. Ta hãy nghe Sartre mô tả tình-cảm đó trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cuốn La Nausée : *À sự nôn mữa là thế đấy... một cách thật hiển nhiên, tôi hiện-hữu, thế-giới hiện-hữu...»* Chính sự hiện-hữu mà ta ý-thức được và phải chịu đựng nó làm cho ta buồn nôn : *« Lúc này đây thật kinh tởm, tôi hiện-hữu, chính tôi từ hư-vô mà có, rồi lại hướng về hư vô : oán thù chán nản, đó là những cách thế làm tôi hiện-hữu và giam-hãm tôi trong hiện-hữu »* p. 133.

Bởi vì sự hiện-hữu vô lý, thừa-thải nên làm cho ta chán-ngán :

« Mọi sự đều vô cớ, khu vườn này, thành phố này và chính tôi nữa. Khi người ta nhận thấy điều ấy, lòng người ta sôi lên và mọi sự bắt đầu quay-cuồng... Đó là cơn buồn nôn ».

« Chúng ta là một đống những vật hiện-hữu ngượng-ngùng, bối-rối. Chúng ta chẳng có lý-do gì để hiện-hữu ở đó. Không ai có lý-do cả. Mỗi sự hiện-hữu đều bở-ngở và lo lắng cảm thấy mình là **thừa** *với người khác :* **Thừa** *(de trop) đó là tương quan duy-nhất mà tôi có thể đặt trước hàng cây kia và những bức rào sắt và những hòn sỏi... thừa, cái cây để trước mặt tôi kia, về phía bên trái một chút, và chính tôi một vật yếu đuối, mỏi mệt, thô-lục nhục-nhả, bập-bềnh trong những tư-tưởng tẻ ngắt — Chính tôi nữa, tôi cũng là kẻ thừa. Tôi ao ước sao có thể trừ diệt tôi đi để ít ra cũng tiêu-hủy được một trong những kiếp sống thừa này. Nhưng mà chính cái chết của tôi cũng là thừa. Thây xác của tôi, giòng máu chảy trên đá sỏi, giữa đám cỏ, trong đáy khu vườn xinh tươi này, những cái đó cũng là thừa, và mảnh thân xác bị tàn rủa cũng là thừa trong hố đất chôn vùi nó, và sau hết đến nắm xương tàn của tôi đã bị rữa nhẵn, nạo sạch trắng hếu như những chiếc răng kia lại cũng là thừa nốt, đời đời, tôi vẫn chỉ là thừa »...* (p. 163.)

« Tôi không hề ngạc nhiên chút nào vì biết rõ ràng, đấy là thế-giới, thế-giới bỗng nhiên hiện ra một cách trần trường và tôi nất lên vì giận dữ, giận dữ đối với các vật khổng-lồ phi-lý này. Người ta không thể hiểu cái đó ở đâu ra nữa, tất cả cái đó ; cũng chẳng biết làm sao mà lại có một vũ-trụ hiện-hữu, chứ không phải hư-vô. Thực điều đó không nghĩa-lý gì, vũ-trụ hiện-hữu ở mọi nơi, ở đàng trước, ở đàng sau. Trước khi có hiện-hữu, chẳng có gì. Chẳng có gì hết. Nhưng không có lúc nào mà nó không có hiện-hữu. Chính điều đó làm tôi bực mình : thực chắc chắn nó chả có lý-do nào mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hiện-hữu, cái thứ sâu bọ nhầy-nhụa này. Nhưng mà cũng không thể nào mà nó không hiện-hữu được » (p. 170.)

Với Phật cũng vậy. Chân-lý đầu tiên của Phật-giáo là sự nhận định về đời bể khổ. Cuộc đời toàn-diện bao gồm mọi chúng sinh là bể khổ. Sinh, Lão, Tử là khổ : « *Mọi sự mà cái ngã bám víu lấy đều là khổ* » (Samyutta-Nikaya V, 470).

Phật cũng như Sartre đều coi sự hiện-hữu là điều xấu và thái-độ của người trước cuộc đời đó là sự buồn nôn (nausée) hay sự chán nản (nirvena) ; một thái độ tiêu-cực, từ chối cuộc đời, không được coi như là một giá-trị.

Sự từ chối cuộc đời của Sartre cũng như của Phật Thích-Ca không phải chỉ thu gọn vào những cuộc đời nhỡ-nhàng, xấu số thất bại vì những lý-do này hay lý-do kia. Trái lại sự buồn nôn và chán nản xuất-hiện trước cuộc đời toàn-diện, sung mãn, trong cái ý-nghĩa siêu hình của nó là một sự hiện-hữu (existence).

Sự hiện-hữu là một điều xấu vì nó chỉ là chấp-trước, giả tưởng, vô thường (xem lại chương I).

Nhưng tại sao khi ta ý-thức về cuộc đời, sự hiện-hữu, ý-thức đó gây nên buồn nôn, chán nản ? Tại sao cuộc đời toàn diện nghĩa là bao gồm cả những khía cạnh tích-cực, lại có thể trở thành bể khổ để cho con người khi nhận thức cảm thấy chán ngán. Tại vì hiện-hữu là một tự-nội (l'En-soi) chán chê (empâté de soi-même) cũng như vì hiện-hữu là cõi vô-thường (samsara) trong đó con người bị trói buộc vào bánh xe luân-hồi, vào sự biến-dịch không ngừng.

Tự-nội (l'être-en-soi) và cõi vô-thường (Samsara).

Theo Sartre, vật-thể (l'être) có đặc-tính là có hay hiện-hữu. Nhưng nó có mà không cảm thấy mình có. Nói cách khác, vật thể không ý-thức được sự hiện-hữu của mình. Nó ở tình-trạng vô-thức, nó là cái mà nó là (l'être est ce qui'il est) (*L'être le Néant*, trang 35). Nói như vậy là để chỉ thị tính cách dày đặc (massif), lờ mờ (opaque) của vật thể không bao hàm một hủy-thể-tính (négativité) nào. Vì nó hoàn-toàn là nhiên tính (positivité) không tự-giác, không

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

biết mình đồng thời không biết khách thể (il ne connaît pas l'altérité: il ne se pose jamais comme autre).

Một đặc điểm thứ hai: vật-thể là tự-nội (l'être est en-soi) nghĩa là tự nó có đấy (l'être est increé) không phải thụ động cũng không phải hoạt-động, không bị cấu tạo cũng không tự-tạo. Nó có đấy như thế không liên-lạc với gì khác, hay ngay cả với mình « *L'être n'est pas rapport à soi, il est soi. Il est une immanence qui ne peut pas se réaliser, une affirmation qui ne peut pas s'affirmer, une activité qui ne peut pas agir, parce qu'il est empâté de lui-même* ».

Đặc điểm sau cùng là vật-thể tự-nội là: (l'être en-soi est). Như thế có nghĩa là vật-thể không có do cái có thể (le possible) hay giản lược vào cái tất yếu. Trong nghĩa đó, Sartre gọi vật-thể là ngẫu nhiên (contingent). Vật-thể không phải là cái có thể thế nọ thế kia hay là cái tất yếu nghĩa là cái có thể bao hàm một ý-nghĩa; nhưng nếu vật-thể là ngẫu nhiên, vật-thể sẽ là thừa (de trop). Nếu sự hiện-hữu không có một ý-nghĩa gì, nó trở nên thừa... **L'être et le néant** (xem những trang 30-34 trong đó Sartre mô tả vật-thể tự-nội).

« *Cái cốt yếu, là sự ngẫu-nhiên. Tôi muốn nói rằng sự hiện-hữu không phải là một tất yếu. Hiện-hữu là ở đấy (être là) như thế đấy. Những vật hiện-hữu xuất-hiện, gặp nhau, nhưng không bao giờ có thể khai-triển chúng được. Tôi nghĩ rằng có những người hiểu điều đó, nhưng họ lại muốn vượt tình cách ngẫu-nhiên của hiện-hữu bằng cách bịa ra một vật tất yếu hay có một nguyên-nhân tự-tại (être nécessaire et cause de soi). Nhưng không có vật tất yếu nào cắt nghĩa nổi hiện-hữu; sự ngẫu nhiên không phải là giả-tạo, là cái bóng mây có thể phá tan được, nhưng là cái tuyệt đối nghĩa là sự vô bằng hoàn-toàn. Mọi sự đều vô bằng (gratuit), cái vườn này, thành-phố kia, và cả chính tôi nữa. Khi người ta hiểu điều đó, lòng người ta sôi lên và mọi sự bắt đầu quay cuồng. Đó là sự buồn nôn.*

Những người giả đạo-đức (salauds) tìm cách che đấu điều đó, nhưng chính họ cũng hoàn toàn vô bằng như người khác, và họ không cảm thấy rằng mình thừa. Trong chính họ, một cách bi-nhiệm, họ thật sự là đồ thừa. Nghĩa là lờ đờ, mơ hồ, buồn chán » (La Nausée 167).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vậy sự buồn nôn xuất-hiện trước một hiện-hữu ngẫu-nhiên tự-nội, dày đặc, vô nghĩa lý.

Vật hiện-hữu tự-nội có thể là sự vật (la chose) thuộc nhiên-giới (monde naturel) hay là vật-giới. Ta gọi là sự vật thô-kệch (l'existant brut das Seindes). Đặc tính của nó là tĩnh, im lìm, bất-biến, đầy-đặc tròn dầy (statique, massif, plein) nó có thể mặc những ý-nghĩa văn-hóa do người gán cho (das Sein) nhưng đồng thời những ý-nghĩa đó cũng có thể biến đổi nhanh chóng và cuối ngùc sự vật tự nó cũng chỉ là sự vật thô-kệt sơ khai (das Seindes). Ví dụ một chiếc cam-nhông G.M.C. đó là một sự vật văn-hóa vì đã do người tạo nên và gán cho ý-nghĩa chuyên chở. Nhưng trời mưa, nó có thể biến thành chỗ trú mưa, hay trong những lúc cần thiết, biến thành sân khấu của một buổi liên-hoan ngoài trời mà quân đội thường làm.

Vậy sự vật có ý-nghĩa (être signifié) vì hay thay-đổi nên cuối cùng vẫn chỉ là sự vật thô kệch (existant brut), sự vật sơ khai (das Seindes) là một sự vật có, hiện-hữu mà không cần đến tôi.

Mỗi lần tôi đi vắng, về nhà, tôi lại thấy đồng hồ, bàn ghế, tủ, giường vẫn ở đấy ; và từ cửa sổ tôi vẫn thấy cánh đồng với những làng mạc xanh xanh chạy dài đến chân núi... Tất cả vẫn ở đấy, từ một tháng một năm nay, dù không có tôi. Và khi tôi thử nghĩ xem nếu không có tôi, chúng còn là gì không, tôi thấy rằng nếu tôi không nghĩ đến chúng, nghĩa là nếu không có tư-tưởng, chúng không còn là gì cả, tuy tự chúng, chúng vẫn có đấy một cách khách quan. Điều đó làm cho tôi *« chóng mặt »* không thể hiểu được và sau cùng làm cho tôi chán ngán, buồn nôn...

Vật hiện-hữu tự-nội (l'être en soi) cũng có thể là con người être humain, dasein) (1). Đặc tính của nó là hay thay đổi, mỏng

---

(1) Chữ Être có thể chỉ thị nhiều nghĩa. Trong tiếng Đức, những nghĩa đó được xác định một cách rõ ràng hơn tiếng Pháp.

1— Das Sein (être en général) ý nghĩa mà người gán cho một sự vật sơ khai.

2— Das Wesen (être de l'essence) yếu tính của sự vật.

3— Das Seindes (existant brut) sự vật sơ khai đã mất hết mọi ý nghĩa do người gán cho.

4— Das Dasein (Être là, être humain) chỉ thị thực tại con người.

5— Das In - der - Welt - Sein (être - au-monde) chỉ thị con người là vật thiết yếu ở đời và với người khác.

6— Das - In - der - Mittende - Welt - Sein (chose au lieu du monde) đồ vật có ý nghĩa ở đời, khác với sự vật sơ khai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mảnh, hướng về hư vô. Khi con người biến thành vật tự-nội (en-soi) cũng làm cho ta buồn nôn, vì lúc đó con người là cái xác chết, sự đui què, vết thương, máu chảy...

« Chàng thấy một cái đầu kinh khủng, từ mũi đến cằm, chỉ còn một lỗ thủng, không còn môi răng gì cả, mắt phải cũng đã bị nhổ mất, một vết sẹo lớn kéo dài trên má phải. Bộ mặt đau đớn vẫn còn giữ tính cách nhân-loại, một vẻ khôi hài bỉ ổi, điều kinh tởm nhất là cái đầu không có hàm răng dưới.

Hàm răng trên đã mất lưỡi, chỉ còn 4 cái răng, thằng người đó còn sống, hắn nghếch mắt nhìn vào một tấm gương để trong cái khung mạ vàng làm cho hắn thấy hình mình và hắn ta nhìn một cách ghê sợ » (*Le Sursis*) *; trang 49*).

Người ốm là khởi điểm một xác chết. Trước một người ốm hay một người bị thương, mọi oán thù, ghen tị đều tan biến vì người ốm không còn là người có một vị trí, địa vị, vai trò trong cuộc đời bình thường nữa nhưng đã trở nên một *sự vật* mỏng mảnh, chỉ còn là một cái xác.

« Nàng sợ cái gì là sinh lý (du physiologique) ở nàng, hay ở người khác. Có khi hàng mấy ngày liền nàng không ăn gì vì ăn uống làm cho nàng chán ngán » (Le Sursis p. 23). Sự vật thô kệch, sơ khai (nghĩa là cái gì cứng rắn, tròn đầy, bất động : rắn như đá, tròn đầy như quả trứng, im lìm như trái núi) làm cho ta chán ngán. Sự vật nhân loại (être humain) nghĩa là cái biến chứng thay đổi, mỏng mảnh cũng làm cho ta chán ngán. Chán ngán vì tính cách lỏng (liquide) nhầy (visqueux) của nó. Sartre đã dùng tĩnh-tự lầy nhầy để mô tả sự thay đổi, dở dang của ý-thức. Một vật lầy nhầy hay lùng nhùng là một vật không cứng hẳn cũng không lỏng hẳn, như crème, kẹo chảy... Sartre dùng những động tự như : Figer, empâter, những kiểu nói : la conscience s'englue, la liberté s'enlise hay những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tính-tự như: poisseux, visqueux, sucré pâteux, để chỉ thị tính cách lầy nhầy của ý thức. Trong đoạn: De la qualité comme révélatrice de l'être (p. 690-708) *« l'Être et le Néant »*, Sartre mô tả một cách thật tài tình và tinh vi tính cách lầy nhầy của ý thức (la viscosité de la conscience) *« Cái lầy nhầy cũng như nước đọng (hấp-hối)... Nếu đổ nước xuống đất, nó chảy tràn lan... Nếu đổ một chất lầy nhầy, nó giản ra, dẹt xuống, nó mỏng lại. Nếu động tới cái lầy nhầy nó không trốn chạy, nó nhượng bộ vì cái lầy nhầy có thể bị ép. Lúc đầu nó cho người ta cảm tưởng nó là một sự vật có thể nắm lấy được. Nhưng lúc tôi tưởng rằng nắm được nó, trái lại chính nó nắm lấy tôi.*

Sự mềm nhủn của nó có công dụng cái vòi. Tôi rút tay ra muốn bỏ cài lầy nhầy nhưng nó bám lấy tôi, như hút tôi... Và tức khắc tôi hiểu cái bẫy của chất nhầy, tôi không thể bỏ nó vì các vòi của nó dính vào tôi, nó không bỏ được tôi vì bám lấy tôi như con đỉa (trang 701).

Chất nhầy là cái gì phi luân-lý, phi nhân-vị, gắn liền với mọi hành động tri thức, mọi tình cảm của con người làm cho con người kinh tởm hiện hữu, ý thức.

Qua những phân tích trên, chúng ta thấy vật tự nội của Sartre sở dĩ gây nên kinh tởm, chán ngán, buồn nôn vì nó là một chất nhầy nhụa, có tính cách im lìm, tĩnh, bất động, *« lù lù »* ở đấy (être là). Vật tự nội là cái thước bằng platin bao giờ cũng đo đúng một phần triệu một phần tư kinh-tuyến trái đất *« Anh như cái thước platin mà người ta để một chỗ nào đó ở Ba-lê hoặc vùng lân cận. Tôi nghĩ rằng chẳng ai muốn xem nó, nhưng tôi, tôi bằng lòng khi biết rằng nó có, và nó đo đúng một phần triệu một phần tư kinh tuyến trái đất (1 quart du méridien) » (La nausée p. 179.)*

Trái lại cõi vô thường của Phật-giáo tuy cũng là nguồn gốc chán nản nhưng hình như lại do tính cách biến đổi không ngừng của nó. Chán ngán vì cái lập đi lập lại, cái cứ quay hoài... Chúng ta nhớ lại những nhận định đã trình bày ở trên về cõi vô thường với những lời sâu sa của Phật Thích Ca như: *« Hỡi các đồ đệ, mắt là vô thường. Cái vô thường là xấu. Cái xấu không có thực chất, cái thiếu thực chất không phải cái tôi và tôi không phải là cái đó. Đó là điều phải nhận định cho đúng với một cái nhìn bên trong... Mũi, hỡi các đồ đệ,*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là vô thường. Cái vô thường là xấu. Cái xấu thiếu thực chất, cái thiếu thực chất không phải là cái tôi và tôi không phải là cái đó. Đó là điều phải suy xét cho đúng với một cái nhìn bên trong.

Lưỡi là vô thường... xác là vô thường... lý trí là vô thường ; sự vật bên ngoài cũng là vô thường, cái gì vô thường là xấu, cái xấu không có thực chất. Cái thiếu thực chất không phải là cái tôi và tôi không phải là cái đó. Đó là điều phải nhận định đúng với con mắt bên trong...» (Samyutta-Nikaya. IV.2.)

Tất cả truyền thống Phật-giáo đều đồng ý với điểm căn bản đó: vạn vật là vô thường và chính sự vô thường là nguồn gốc khổ. Cuộc đời là một sự xoay vần không cùng lôi cuốn con người theo từ sinh đến tử mà không bao giờ ngừng. Con người chìm đắm trong cõi sinh diệt, trong cái dịch vô cùng của luân hồi.

Vậy một bên (Sartre) vật thể vì im lìm, bất biến mà gây ra buồn nôn, một bên (Phật) trái lại do tính cách chuyển vận không ngừng. Thoạt nhìn hai quan điểm có vẻ mâu thuẫn, trái ngược. Nhưng nếu đi vào sâu chúng ta sẽ thấy sự mâu thuẫn đó chỉ là giả tạo vì thực sự hai quan điểm rất giống nhau : *Cả hai đều chán ngán vì tính-cách im lìm, bất biến của sự vật.* Đã đành sự vật trong viễn tượng Phật-Giáo, xoay vần nhưng còn gì im lìm bất biến và do đó làm cho chán ngán hơn một sự vật cứ xoay vần mãi mãi. *Còn gì không thay đổi bằng cái thay đổi đều.* Ta tưởng tượng một cái bánh xe đang quay. Lúc nào cũng vẫn là quay, và sự quay chuyển động đã trở thành một trạng thái tĩnh : cũng vẫn bánh xe, những vòng tròn quay đều đều chung quanh một cái trục. Vòng luân hồi gồm nhiều kiếp sống cũng như cái bánh xe chia thành nhiều khoảng bằng những đường bán kính. Cái bánh xe quay và có thể cho ta lầm tưởng rằng nó biến-đổi, nhưng những biến-đổi chuyển-động đó thực-sự chỉ là những sự lập-đi lập-lại, cũng vẫn những hiện-tượng, những hình thức xưa.

Do đó, Phật-giáo dạy phải giải-thoát bằng cách làm thế nào ra khỏi được cõi vô-thường, ra khỏi sự vận chuyển đều đều mãi-mãi của bánh xe luân-hồi bất cứ với một giá nào.

Sartre cũng nói ta phải ra khỏi vật tự nội (l'être-en-soi), ra khỏi cái cảnh lầy-nhầy kinh-tởm của hiện hữu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tư-tưởng hai bên còn giống nhau khi ta nghe Phật-giáo dạy rằng sở dĩ con người bị trói buộc vào bánh xe luân-hồi là vì tự mình đã trói mình bằng Dục. Dục vì vô minh và do đó Dục sinh Hành, Hành gây ra nghiệp báo.

Vậy chính người phải đảm nhận việc giải thoát khỏi cõi vô-thường cũng như Sartre nói con người phải trở về với chủ quan (subjectivité) của mình để tự giải-thoát.

Từ chán ngán đến tự giác.

Vật tự nội là một cái gì tròn đầy, vô thức, *« lỳ ra đấy » « L'être en soi est une immanence qui ne peut se réaliser, une affirmation qui ne peut s'affirmer, une activité qui ne peut pas agir, parce qu'il est empâté de soi-même. Tout se passe comme si pour libérer l'affirmation de soi au sein de l'être, il fallait une* **décompression d'être** » L'être et le Néant p. 32. Vậy muốn làm cho vật tự nội thoát khỏi tình trạng im-lìm, tĩnh, phải như « *xé* » nó ra phải « *chọc thủng* » nó, đè-nén nó xuống. Khả năng *« xé » « chọc thủng », « đè nén »* đó là ý thức.

Ý thức là khả-năng phủ-định, thoát-ly khỏi tình-trạng im-lìm để biến sang một tình-trạng khác.

Chính vì có ý thức, nên con người mới tự giác, nhưng đồng thời ý thức cũng là nguồn gốc lo-lắng, xao-xuyến (angoisse). Theo Sartre, con người là một dự phóng (1 projet) nghĩa là luôn luôn phóng ngoại, tự phủ nhận, để tự lảnh hội bằng ý thức. Nhưng ý thức luôn luôn ở trên con đường dự phóng, hay phóng-ngoại mà không bao giờ đạt tới được vật tự-nội. Ý thức là cái tha-qui (le pour-soi) tự nó là hư vô và chỉ có khi hướng về một vật *khác* nó, *không* phải là nó.

Vậy con người sống trong một mâu thuẫn, một sự chia sẻ bi đát giữa tự-nội và tha-qui. Ý-thức (tha-qui) hướng về tự nội để tự quyết nhờ tự-giác nhưng không bao giờ lảnh hội được hoàn toàn tự-nội. Nếu chỉ là tự-nội, không biết được mình là tự-nội vì tự-nội là vô thức. Nhưng khi ta có ý-thức (tha-qui) thì lại chỉ có thể hướng về tự-nội mà không đạt tới được nó. Cho nên ý-thức là một khả năng hư-vô-hóa (pouvoir de néantisation) vì người chỉ là người khi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là ý thức. Nhưng nếu ý-thức là dự-phóng, thoát khỏi tự-nội, hướng về tự-nội mà không bao giờ đạt tới, nghĩa là luôn luôn đang tới, ý-thức đã hư-vô-hóa vật-thể, tự-nội.

Tình cảnh đó làm cho con người xao xuyến. Chính khả-năng giải-thoát này lại sinh ra xao-xuyến, lo-lắng. Nó gọi là Tự-do : « *Điều phải chú ý ở đây là tự-do xuất-hiện dưới hình thức xac-xuyến được coi như một bó buộc phải luôn luôn làm lại bản ngã xác-định là một vật tự-do. Khi chúng ta chứng minh rằng tất cả mọi điều gì ta có thể làm đều bao hàm tính cách xao-xuyến vì chúng có thực-hiện hay không là tùy ở như-ta, điều đó không có ý nói rằng chúng có do một bản ngã gồm một nội-dung tiêu nghiệm như là bản thể con người, nhưng bất cứ hành động nào cũng vượt quá bản thể con người; hành động chỉ là hành động của con người khi nó vượt mọi cắt nghĩa ta có thể gán cho nó... Chính đây là lúc sự xao-xuyến xuất-hiện như một sự tự Lảnh hội. (Saisie du Soi) nghĩa là như một cách tự thoát không ngừng khỏi cái gì đang có, hơn nữa như một cách tự làm cho mình thành hiện-hữu (L'être etle Néant trang 72-73* ».

Trong cuốn L'existentialisme est un humanisme, Sartre cũng lược tóm lại những phân tách tỉ-mỉ, tối-tăm trong L'être et le Néant : « *Con người luôn luôn ở ngoài mình; chính vì phóng ngoại và tự thoát khỏi mình mà người hiện-hữu như là người, và đàng khác bằng cách theo đuổi những mục-tích siêu việt. Người là nỗ-lực tự vượt đó và người chỉ có thể lãnh-hội sự vật bằng cách tự vượt như thế* » (trang 92).

Theo Phật-giáo, sự giải-thoát cũng bắt đầu từ một nhận-thức, tự-giác. Cuộc đời là bể-khổ, sự hiện-hữu là điều xấu và do đó tất cả những cái ta cho là chân-thực như bản ngã v.v. đều chỉ là sắc không, giả tướng trong cái vòng sinh diệt của cõi vô-thường (Samsara).

Người nhận định được như thế là người giác-ngộ, đối-lập với kẻ còn vô-minh ngu-dại. Người ngu-dại còn sống trong tình trạng coi cái giả làm thực, cái bóng làm sự-vật; họ nói « *Những đứa con này là của tôi, những của cải thuộc về tôi, những ý-tưởng đó ám-ảnh tâm-trí người ngu dại. Nhưng chính người ấy cũng không thuộc về người ấy, phương chi còn nói đến con cái của cải* » Dhammapada, 62 (kinh Pháp cú)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trái lại người giác-ngộ, khôn-ngoan là người hiểu rằng mọi sự ở đời là huyễn-ảo, không thật, và ngay cả chính cái mà ta gọi là bản-ngã cũng chỉ là ảo-tưởng chấp ngã vì sân si « *Người khôn ngoan đã thoát khỏi mọi tin-tưởng nhầm lạc, hiểu biết cái vô hạn, không còn bị ràng-buộc vào bất cứ cái gì, mọi mưu-kế đều đã tránh xa, mọi ước-vọng đã bị từ bỏ và người đó là người khôn ngoan nhất* » Dhammapada, 95.

Nhưng sự nhận-định về hiện-hữu là điều xấu không phải chỉ là một *tri thức*, một hiểu biết xuông ; trái lại nó phải là khởi điểm những nỗ-lực thực-hiện việc giải-thoát căn cứ vào nhận-định đó. Người khôn ngoan không thể chỉ biết xuông đời là khổ, cần phải quyết chí thực-hành đạo, việc cứu vớt. Người cũng tin rằng sự cứu-vớt là ở trong tay mình, tự mình phải đảm nhiệm công-cuộc đó và có thể thực-hiện được nếu nhất chí muốn làm, không ai thay thế và tránh-nhiệm hộ được. Người muốn giải-thoát chỉ có thể tin và trông cậy ở sức mình (tự lực). Dĩ nhiên người khác có thể giúp đỡ, chỉ dẫn (tha lực) nhưng tha lực chỉ giữ một vai trò rất phụ thuộc trong công việc giải thoát.

Sartre dùng chữ « *bị bỏ rơi* » (délaissement) để chỉ thị tình-cảnh cô-đơn của người trên con đường giải-thoát. Tha nhân không thể giúp được gì và nhất là không có thượng-đế, vẫn được coi như một quyền lực tối cao có thể can thiệp và cứu giúp con người.

Không thể có thượng-đế, vì nếu có Thượng-đế, ngài chỉ có thể hoặc là một vật-thể tự-nội (l'en-soi) hay một vật-thể tha-quy (le pour-soi). Nếu ngài là tự-nội, ngài sẽ là một vật đầy-đặc, vô tri giác, tròn đầy. Nếu ngài là tha-quy, ngài sẽ là hư vô, vì ý-thức không bao giờ tự lãnh hội như ý thức (coincidence parfaite du soi avec soi).

« *Il est im-possible de définir la conscience comme coincidence avec soi. De cette table je puis dire qu'elle est pleinement et simplement cette table. Mais de ma croyance je ne puis me borner à dire qu'elle est croyance. Ma croyance est conscience de croyance* » L'être et le Néant p. 119.

Ý thức luôn luôn là ý-thức về cái gì không phải là nó, không thể tự ý-thức như một ý-thức ; nghĩa là nếu không hướng về cái

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

gì khác, ý-thức không thể xuất-hiện và là cái gì trống-rỗng, hư-vô. Thượng-đế cũng không thể vừa là tự-nội, vừa là tha-quy vì như thế là mâu-thuẫn. Cho nên Thượng-đế là một vật vô-lý và vô ích đối với con người, vì nếu có Thượng-đế, ngài sẽ chỉ là một « ***chướng-ngại-vật*** », một giới hạn cho tự-do con người. Công-nhận có Thượng-đế tức là công-nhận người là tạo-vật. Vậy con người là do Thượng-đế dựng nên nghĩa là trước khi sinh ra ở đời, hiện-hữu, con người đã được Thượng-đế suy-nghĩ ra. Vậy con người có một bản tính (nature) tồn tại trước khi hiện hữu và bản tính đó không phải con người tạo ra. Do đó con người lệ-thuộc vào Thượng-đế và không còn được tự-do trách-nhiệm xây-dựng cuộc đời mình vì cuộc đời đó không phải do mình gây nên ; nếu có sự giải-thoát thì sự giải thoát đó có nghĩa như một thực-hiện ý định Thượng-đế khi tác tạo nên ta.

Nhưng nếu định-nghĩa con người là tự-do, không thể chấp nhận có Thượng-đế. Cho nên chỉ còn hai đường lối, nếu chấp nhận Thượng-đế, ta sẽ chối bỏ con người, nếu công nhận con người phải chối bỏ Thượng-đế. Nhưng đã là người không thể không theo con đường thứ hai. Đó là tất cả ý nghĩa của nhân bản vô thần Âu-châu hiện đại khởi điểm từ Nietzsche, Fuerbach đến Sartre. Trong vở kịch Les mouches, Oreste tuyên bố với thần Zeus rằng, nếu Oreste có hiện-hữu như một vật tự-do, thì từ lúc đó, Oreste không thể sống phù hợp với ý muốn của Zeus, nhưng là sống vâng theo ý muốn của Oreste và nếu cần, chống lại cả ý muốn của Zeus.

Vậy con người là tự-do : Tự-do quyết-định số-phận cuộc-đời của mình, tự-do tự giải-thoát lấy mình, không ai giúp-đỡ hay thay thế được. Trong viễn tượng đó, con người hầu như cô-đơn hoàn toàn « *bị bỏ rơi* » trên bước đường giải-thoát.

« ***Dù có Thượng-đế đi nữa, cũng chẳng thay đổi gì . . . không phải vì chúng ta tin có Thượng-đế, nhưng vì chúng ta nghĩ rằng vấn đề không phải là xem có Thượng-đế hay không : Con người phải tự giải thoát và phải tin rằng không có gì cứu giúp mình được, dù ngay cả một chứng luận xác đáng có Thượng-đế*** ». (L'existentialisme est un humanisme p.95) Sartre muốn nói rằng giữa Thượng-đế và người không có liên-lạc gì với nhau cả, cho nên Thượng-đế dù

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

có hay không cũng không ảnh-hưởng gì đến ý nghĩa và cứu-cánh đời người. Vấn-đề ý nghĩa cuộc đời và giải-phóng con người đặt ra ở ngoài mọi thắc-mắc về Thượng-đế.

Với đạo Phật, chúng ta cũng tìm thấy một nhận định tương-tự. Trong biện-chứng giải-thoát Phật-giáo xây trên thuyết nhân-quả, nghiệp-báo, không có chỗ nào có thể đặt ý niệm về một đấng tạo-hóa. Lý-thuyết Phật không đặt vấn đề Thượng-đế, thành ra không thể nói một cách xác đáng Phật công nhận hay không có một đấng tạo-hóa. Do đó những chữ vô-thần, hữu thần theo nghĩa hiện đại không nên đem áp dụng cho Phật-giáo.

Chúng ta chỉ nhận thấy rằng Phật-giáo chủ-trương con người tự gây ra nghiệp bằng hành động. Như thế Phật-giáo không đồng ý với Balamôn, công nhận con người (Atman) chỉ là phản-ảnh của Brahma, cùng một thực thể với Brahma. Vậy con người hoàn toàn lệ thuộc vào Brahma và không còn tự-tại như người nữa. Trái lại, Phật thường nói : « *Những hành-động của các người thế nào là tùy ở các người* ». Nghĩa là các người là những tự-do hãy tự quyết-định lấy cuộc đời mình.

Lý-do thứ hai cũng căn-cứ vào thuyết nhân-quả, nghiệp báo. Nếu sự hiện-hữu, cuộc đời toàn diện là điều xấu, nguồn gốc đau khổ, ta không thể hiểu được rằng sự hiện-hữu đó lại có thể là một công-trình của một thượng-đế toàn-năng toàn-thiện. Chỉ thuyết nhân-quả cắt nghĩa một cách hợp-lý sự xấu, sự tốt ở đời này : Thiện-căn là tại lòng ta cả, chính ta gây nên cái nghiệp xấu tốt và chính ta phải sửa nghiệp diệt nghiệp.

Cho nên vũ-trụ không phải là công-trình của một đấng tạo-hóa, nhưng là cái quả của những hành-động con người. Sartre cũng nói : « *L'homme n'existe que dans la mesure où il se réalise. Il n'est donc rien d'autre que l'ensemble de ses actes, rien d'autre que sa vie* » . . . *Les choses seront telles que l'homme aura décidé qu'elles soient* » (*L'existentialisme est un humanisme p. 54 55*).

25 thế-kỷ trước, Phật Thích-ca cũng đã nói những điều tương-tự. Và cả hai quan-điểm gặp nhau đều cùng công nhận : con người là tự-do.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Người là tự-do.

Sartre nói : *Người sáng tạo ra người* (l'homme invente l'homme) nghĩa là không có một bản-tính (essence) tồn-tại trước hiện-hữu. Con người tự tạo ra bản tính của mình bằng hành-động. Nhưng hành-động bao hàm sự tự-do lựa chọn và một cứu-cánh. Con người tự-do lựa chọn và tự-do hướng về một cứu-cánh theo ý mình.

Dĩ-nhiên cuộc đời là một sự-kiện đã có đấy trước khi tôi ý-thức về cuộc đời, nhưng chấp-nhận hay từ-chối cuộc đời đó hoàn toàn tùy ở tôi. Dĩ nhiên tôi bị lệ-thuộc vào một hoàn-cảnh xã-hội, một giai-cấp, nhưng tôi ý-thức được tình-trạng đó, tôi *biết* rằng tôi lệ-thuộc.

Khả-năng ý-thức được đó gọi là tự-do. Vì nếu tôi hoàn-toàn đồng-hóa với hoàn-cảnh, tôi không ý-thức được hoàn-cảnh. Ý thức chỉ thị tôi vừa ở trong hoàn-cảnh đồng-thời không phải hoàn toàn *là* hoàn-cảnh « L'homme n'est qu'une situation... Totalement conditionné par sa classe, son solaire, la nature de son travail, conditionné jusqu'à ses sentiments jusqu'à ses pensées... Le prolétariat est totalement conditionné par sa classe mais c'est lui qui décide du sens de sa condition et de celle de ses camarades, c'est lui qui, librement donne au prolétariat un avenir d'humiliation sans trêve ou de conquête et de victoire, selon qu'il se choisit résigné ou révolutionnaire » (Situation II, p. 27-28, Sartre).

Sự tự-do chấp nhận từ chối và lựa chọn đó không căn-cứ vào những nguyên-tắc khách-quan của một nền luân-lý phổ-quát do xã-hội, Thượng-đế, nhưng là do tự-do phải sáng-tác tùy theo những hoàn-cảnh riêng biệt. Trong vở-kịch les Mouches, Oreste trả lời Jupiter muốn bắt mình tòng phục, vâng mệnh-lệnh : « Thần vừa dựng nên tôi xong, tôi không còn thuộc về thần nữa ; không có cái gì ở trên trời, thiện ác, hay bất cứ ai có thể ra mệnh-lệnh cho tôi theo : Tôi chỉ có một lề-luật là lề-luật do tôi tạo nên ; và hỡi thần Jupiter, tôi là người, và mỗi người phải tạo ra con đường cho mình đi ».

Vậy con người là tự-do : tự-do lựa-chọn, tự-do hành-động mà không căn-cứ vào cơ-sở khách-quan nào, nhưng là chỉ căn-cứ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ngay vào sự tự-do. Tự-do là cơ-sở của chính tự-do (je suis mon propre fondement): tôi muốn tự-do vì tự-do không phải vì cái gì khác.

« Lorsque je déclare que la liberté à travers chaque circonstance concrète ne peut avoir pour but que de se vouloir elle-même, si une fois l'homme a reconnue qu'il pose des valeurs dans le délaissement, il ne peut plus vouloir qu'une chose, c'est la liberté comme fondement de toutes les valeurs . . . cela veut dire simplement que les actes des hommes de bonne foi ont comme ultime signification la recherche de la liberté en tant que telle ... Nous voulons la liberté pour la liberté et à travers chaque circonstance particulière » (L'existentialisme est un humanisme p. 82)

Như đã trình bày trong những chương trên (3,4) thuyết nhân quả, nghiệp-báo của Phật-giáo bao hàm một quan-niệm coi người như một tự-do, tự trách-nhiệm cuộc đời và sự cứu rỗi của chính mình.

Với người theo Bàlamôn, sự sinh-trưởng trong một giai-cấp xã-hội xác-định số-phận cuộc đời của con người. Tôi là Balamôn (Brahme) vì tôi sinh trong giai-cấp ưu-đãi đó. Người ngoài giai-cấp đó là người bỏ đi, đáng khinh-dễ. Như thế số-phận mọi người đã được ấn định từ thuở đời đời (tiền định) không thể thay đổi được.: « anh trong-sạch hay nhơ-bẩn là ngay từ khi anh sinh ra », nghĩa là con vua thời lại làm vua, con nhà kẻ khó bắt cua tối ngày, hay con quan thời lại làm quan, con nhà kẻ khó đốt than tối ngày.

Trái lại, đạo Phật đặt số-phận mỗi người trong tay của họ: cái nghiệp do hành-động ta đã làm, không phải do một lực-lượng bên ngoài nào bắt ép ta phải theo, Ta tạo nên cái nghiệp và do đó có thể sửa đổi cái nghiệp bằng hành-động. Cuộc đời, số-phận của ta hay dở, thành nhân hay không, giải-thoát hay không là hoàn toàn do hành-động của ta quyết-định.

Đạo Phật phân-biệt hành-động sinh quả nghiệp và hành-động không sinh quả nghiệp. Hành-động sinh quả nghiệp buộc ta vào vòng luân-hồi. Hành-động không sinh quả nghiệp là hành-động thuần túy, hoàn toàn vì đã không là nhân và quả để tiếp tục sinh nghiệp báo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hỏi các tu-sĩ, có ba nguyên tắc hướng dẫn hành-động : lòng tham, lòng ghét và sai nhầm. Một hành-động do lòng ghét gây nên, sinh quả, dù người hành-động đó ở đâu mặc lòng và ở đâu có hành-động như thế, người chủ hành-động phải chịu lấy cái quả, hoặc ngay ở kiếp nầy hay ở kiếp sau. Hỏi các tu-sĩ, có ba nguyên tắc hướng dẫn hành-động :

Sự không thèm muốn, không oán ghét, không sai nhầm. Một hành-động do tâm hồn không thèm muốn, không oán ghét, không sai lầm gây nên, hành-động đó không mang mầm mống những thỏa mãn thấp hèn, sẽ không tái hồi nữa. Cũng như thân cây dừa, chặt khỏi rễ, không còn lớn thêm nữa, thế nào thì hành-động trên cũng không sinh quả trong kiếp sau như thế ». Anguttara — Nikaya I. 132.

Vậy con người được tự-do lựa-chọn, nếu cứ sống theo lòng dục thì hành-động sẽ sinh quả nghiệp và do đó trói buộc mình mãi mãi vào vòng luân-hồi ; nếu diệt dục, hành-động sẽ không sinh quả nghiệp và do đó thoát khỏi cõi vô thường : « Tôi là cái quả mọi hành-động của tôi. Hành-động của tôi là cha mẹ, nguồn gốc con người tôi. Hành-động xấu hay tốt, sau này tôi cũng sẽ chịu lấy cái quả của nó ». (Anguttara — Nikaya III, 70). Vậy Phật-giáo cũng như Sartre đều đồng tình đặt số phận con người trong tay họ : *bản-tính con người là tự-do và cứu-cánh sau cùng của hành-động là đi đến chỗ tự-quyết là tự-do.*

Ý-nghĩa của tự do.

Ở trên đã nói con người là tự-do. Vậy ý nghĩa tự-do đó là gì ? ta có thể gọi tự-do là một khả-năng hủy thể (négativité, Hegel) từ chối, hay nói như Sartre là một khả-năng *hư vô hóa* (néantisation) theo tiếng nhà Phật, tự-do sẽ là một *khả-năng tiêu-diệt.*

Tại sao Sartre gọi tự-do là một khả-năng hư vô hóa ?

Chúng ta biết Sartre đã phân biệt thế nào là tự-nội và tha quy. Nếu con người chỉ là tự-nội, nó dầy đặc, vô tri-giác, vì nó đồng-hóa với nó. Nếu nó là tha quy, nghĩa là tự-giác, biết mình,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sự tự-giác đó bao hàm một cái gì là vở lở (fissure) trống rỗng. Muốn dễ hiểu ta lấy một ví-dụ : tôi trông thấy lọ mực trước mặt ; sở dĩ tôi trông thấy và biết có lọ mực trước mặt tôi vì tôi *không phải* là, *khác* lọ mực. Không phải là, khác, bao hàm có hai yếu-tố : tôi, sự vật ; và như cần một quảng cách, khoảng trống để tôi có thể lãnh hội sự-vật. Nếu tôi *là* lọ mực, tôi sẽ không tự-giác, ý-thức được mình là lọ mực. Cho nên ý-thức *về* lọ mực có nghĩa là tôi không phải là lọ mực. Bây giờ nếu đứng ở lập-trường lọ mực. lọ mực, tự nó là một tự-nội (l'en-soi) dầy đặc, không sứt mẻ (sans fissure) vô tri-giác ; giả-sử nếu nó có thể tự-giác, biết mình là lọ mực, trong lúc tự-giác đó, nó không còn xuất hiện như lọ mực tự-nội nữa, nhưng đã là cái gì khác lọ mực rồi ; vì bó buộc muốn biết, trông thấy, cần ra khỏi mình, đứng xa để nhìn ; vậy trong lúc tự-giác, lọ mực đã tự hư-vô-hóa (se néantise).

Trong tri-giác, một sự kiện vừa có thể xuất-hiện như một thực tại, vừa có thể bị « *hư-vô-hóa* » như nền của tri-giác (fond de la perception).

Tôi vào một tiệm ăn để tìm xem A có ở đây không. Khi tôi vào, hình ảnh A mà tôi tìm kiếm hư vô hóa mọi sự khác. Khi đã vào, không thấy A, tôi lại « *hư vô hóa* » hình ảnh A, nếu tôi nói chuyện với người chủ tiệm.

Il est certain que le café, par soi-même, avec ses consommateurs, ses tables, ses banquettes, ses glaces, sa lumière, son atmosphère enfumée, et les bruits de voix, de soucoupes heurtées, de pas qui le remplissent est un *plein d'être*... Pareillement, la présence actuelle de Pierre en un lieu que je ne connais pas est aussi *plénitude* d' être.

Il semble que nous trouvions le plein partout. Mais il faut observer que dans la perception il y a toujours constitution d'une forme sur un fond. Aucun objet, aucun groupe d'objet n'est spécialement désigné pour s'orgraniser en fond ou en forme ; tout dépend de la direction de mon intention Lorsque j'entre dans ce café pour y chercher Pierre, il se fait une organisation synthétique de tous les objets du café en fond sur quoi Pierre est donné comme devant paraître, et cette organisation est une première néantisation. Chaque élément de la pièce, personnes, tables, chaises tente de s'isoler, de s'enlever

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sur le fond constitué par la totalité des autres objets, il se dilue dans ce fond. Car le fond est ce qui n'est vu que par surcroît, ce qui est l'objet d'une attention purement marginale, ainsi cette néantisation première de toutes les formes qui paraissent et s'engloutissent dans la totale équivalence d'un fond est la condition nécessaire pour l'apparition de la forme principale qui est ici la personne de Pierre. Et cette néantisation est donnée à mon intuition, je suis témoin de l'évanouissement successif de tous les objets que je regarde, en particulier des visages qui me retiennent un instant (« *si c' était Pierre* ») et qui se décomposent aussitôt précisément parcequ'ils « *ne sont pas le visage de Pierre* ». Si toutefois je découvrais Pierre, mon intuition serait remplie par un élément solide, je serais soudain fasciné par son visage, et tout le café s'organiserait autour de lui en présence discrète. Mais justement Pierre n'est pas là. Cela ne veut point dire que je découvre son absence en quelque lieu précis de l'établissement : il est absent de tout le café; son absence fige le café dans son évanescence, le café demeure un fond, il persiste à s'offrir comme totalité indifférenciée à ma seule attention marginale, il glisse en arrière, il poursuit sa néantisation. Seulement il se fait fond pour une forme déterminée, il la porte partout au devant de lui, il me la présente partout et cette forme qui se glisse constamment entre mes regards et les objets solides du café, c'est précisément un évanouissement perpétuel, c'est Pierre s'élevant comme néant sur le fond de néantisation du café. De sorte que ce qui est offert à l'intuition c'est un papillotement de néant, c'est le néant du fond dont la néantisation appelle, exige l'apparition de la forme, et c'est la forme qui glisse comme un *rien* à la surface du fond. Ce qui sert de fondement au jugement : « *Pierre n'est pas là* », c'est donc bien la saisie intuitive d'une double néantisation (L'Être et Néant p.44)

Công việc « *hư-vô-hóa* » của ý-thức còn rõ rệt hơn trong những sự kiện thuộc nội-giới. Tôi buồn; trước khi tôi ý-thức về sự buồn, tôi đồng hóa với sự buồn, tôi *là* sự buồn đó (tự-nội); tôi biết tôi buồn; muốn thế, tôi phải thoát xác, tự ra khỏi mình để quan-sát sự buồn. Nhưng trong lúc ý-thức, tôi đã « *hư-vô-hóa* » sự buồn vì lúc đó tôi không còn buồn nhưng là *nghĩ* về sự buồn. Do đó ý-thức làm cho tôi là cái không phải là tôi hay tôi không phải là cái đó. (L'être est ce qu'il n'est pas et n'est pas ce qu'il est) Chỉ khi chết,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

con người mới là tự-nội hoàn-toàn, không còn ý-thức, nhưng đồng thời cũng không phải là người nữa.

Khả-năng ly-tán, nhổ đi (pouvoir d'arrachement) bao-hàm trong con người tự-nội gọi là tự-do :

La réalité humaine doit être un être qui peut réaliser une rupture néantisante avec le monde et avec soi-même; et nous avons établi que la possibilité permanente de cette rupture ne faisait qu'une avec la liberté .. Être pour le « *pour-soi* » c'est néantiser « *l'en-soi* » qu'il est, Dans ces conditions, la liberté ne saurait être rien autre que cette néantisation. C' est par elle que le pour-soi échappe à son être comme à son essence. C 'est par elle qu'il est toujours autre chose que ce que l'on peut dire de lui, car au moins est-il celui qui échappe à cette dénomination même, celui qui est déjà par delà le nom qu'on lui donne, la propriété qu'on lui reconnaît.. Du seul fait que j'ai conscience des motifs qui sollicitent mon action, ces motifs sont déjà objets transcendants, pour ma conscience ils sont dehors ; en vain chercherais-je à m'y accrocher, j' y échappe par mon existence même. Je suis condamné à exister pour toujours par delà mon essence, par delà les mobiles et les motifs de mon acte; je suis condamné à être libre (l'Etre et le Néant .. 514-515).

Về bên Phật-giáo, kinh phật cũng luôn luôn nhắc đến sự diệt dục. Tự-do là khả-năng tiêu-diệt đó. Chính tự-do là điều-kiện quy-định, hành-động sinh nghiệp, vậy tự-do cũng sẽ là phương-tiện diệt những ý muốn gây ra hành-động, để tự quyết là tự-do thuần-túy. Muốn giải-thoát phải diệt dục dưới mọi hình-thức, diệt mọi sự quyến-luyến ràng buộc vào hiện-hữu, diệt mọi tin-tưởng ở những cái gì vẫn được coi là chân thực, như bản ngã « *Kinh Sutta-Napâta* » : « *Người đã diệt được những nguồn gốc của mọi sự quyến-luyến, và không còn ước muốn gì nữa, để không còn quyến-luyến nào có thể xuất-hiện, gọi là kẻ đã thắng (Muni), đã giác-ngộ. Kẻ giác-ngộ sống trong thanh-bình* » : Kinh Samyutta-Nikayas cũng nói : « *Sau khi đã chinh-phục được trạng thái thanh-bình đó, những người đã thoát khỏi mọi sự ràng buộc hoàn-toàn tịch* ».

Diệt dục trong nghĩa sâu thẳm của nó, là diệt sự hiện hữu đầy đặc, mơ-hồ, giả tướng chìm đắm trong cái sinh-diệt vô thường.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sự giải - thoát.

Một cách trêu-cực, tự-do định-nghĩa như một khả-năng hư-vô-hóa (Sartre) và tiêu-diệt (Phật).

Một cách tích-cực, tự-do hướng lên để tự-quyết là tự-do.

Trong nghĩa đó, Sartre định nghĩa con người là một dự-phóng (projet). Ý-thức « *hư-vô-hóa* » để thực-hiện một dự-phóng nhưng dự-phóng đó không bao giờ thực-hiện được. Con người không phải chỉ là tự-nội, nhưng còn là tha-quy, ý-thức. Nhưng ý-thức không bao giờ đạt tới bản-thể của mình, không bao giờ phù hợp, đồng-hóa với tự-nội. Tự-nội và tha-quy luôn luôn ở tình trạng căng-thẳng, ly-tán, phân-cách. Tuy không bao giờ ý-thức đạt được bản-thể của mình, đạt tới tự-nội nhưng luôn luôn nó hướng tới : *Chi* mà không *Đạt*. Đó là thân phận bi-đát của nó. Cũng như con lừa chạy đuổi theo một cái xe có củ cà-rốt, buộc đàng sau cứ đuổi theo mà không bao giờ bắt được củ cà-rốt. Do đó ý-thức là một sự khốn nạn, một bệnh tật (malheur de la conscience) Ý-thức « *dục-khoét* » con người, hướng về Hư-vô.

Cho nên « *cuộc đời* » của mỗi người là một trang-sử thất-bại (L'être et néant trang 561) và « *con người là một đam mê vô ích* » ; ý-hướng giải-phóng thất bại đưa con người đến chỗ xao-xuyến, tuyệt-vọng vì ý-thức không đạt tới vật-thể. Nếu con người chỉ là tự-nội, vật vô tri-giác, sẽ không có xao-xuyến, lo lắng. Ý-thức gây nên xao-xuyến, lo lắng đồng thời không thể chấm-dứt được xao-xuyến, lo-lắng vì không thực-hiện được sự đồng-hóa với vật-thể

« *L'être total . . . celui dont l'existence serait la synthèse unitaire de l'en-soi* » et de la conscience, cet être idéal serait « *l'en-soi* » fondé par le « *pour soi* » et identique au « *pour soi* » qui le fonde, c'est-à-dire l'ens causa sui. Mais précisément parce que nous nous plaçons du point de vue de cet être idéal pour juger l'être réel. . . Nous devons constater que le réel est un effort avorté pour atteindre à la dignité de cause-de-soi. Tout ce passe comme si le monde, l'homme et l'homme dans-le-monde n'arrivaisent à réaliser qu'un Dieu manqué. Tout se passe donc comme si « *l'en-soi* » et le « *pour-soi* » se présentaient en état de désintégration par rapport à une synthèse idéale...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

C'est le perpétuel échec qui explique à la fois l'indissolubilité de l'en-soi et du « *pour-soi* » et leur relative indépendance (p 717).

Trong khi công việc giải-phóng của con người, theo Sartre, đưa đến thất-bại, con người tu đạo theo Phật-giáo thực-hiện được sự giải-thoát đưa đến một chiến-thắng hoàn-toàn : « *người đó tôi gọi là kẻ khôn ngoan, vì đã phá tan xiềng-xích của giòng sinh tử, đã giác-ngộ, thực-hiện được mọi sự hoàn-toàn* » Kinh pháp cú (Dhammapada trang 420-423).

Hành động tự-do của Sartre đưa đến thất bại vì ý-thức tha-quy không thực-hiện được sự phù-hợp hoàn-toàn với tự-nội, con người hiện-hữu không tìm lại được bản-chất của mình. Trái lại hành-động của người tu Đạo Phật, vì không còn bị yếu-tố khách quan nào quyết-định, trở nên hành-động thuần-túy của 1 tự-do tự-quyết như một tự-do, đã giác-ngộ, tìm lại được bản-chất (Phật tính) trong suốt của mình.

Sự giải-thoát Phật-giáo đi đến tịnh-diệt; nhưng là tịnh-liệt sự hiện-hữu và mọi sự ở trong sự hiện-hữu đó. Tịnh-diệt không phải là hư-vô tuyệt-đối. Nếu tịnh-diệt đưa đến hư-vô, thì đó là một hư vô chỉ thị sự tan biến của những cái gì vô thường, ảo-giác chấp trước. Cho nên ý-nghĩa giải-thoát Phật-giáo là một nỗ-lực tiêu cực diệt-dục, diệt cái giả-tướng để cho thật-tướng xuất lộ, diệt cái chấp-ngã để cho chân-ngã xuất-hiện. Con người đạt tới giải-thoát là tìm lại được bản thể trong suốt, tròn đầy của mình, là trở thành một tự-do tuyệt-đối vì không còn bị lệ-thuộc vào bất cứ yếu-tố bên ngoài nào.

Do đó, Đạo Phật thực sự lạc-quan vì tin rằng nỗ lực diệt-dục, có thể đạt tới giải-thoát, nghĩa là sự nhận thức, giác-ngộ có thể đưa con người từ tình trạng vô-minh, vô-thức đến chỗ tự-giác là Phật-tính, bản thể trong suốt, Chân như, hay một tự-do tuyệt-đối.

Người đã giải-thoát đạt tới chỗ toàn-thiện sau bao nhiêu kiếp sống để sửa đổi nghiệp-báo trước hết là người Giác-ngộ, vì sở dĩ bị xoay vần trong cõi vô thường là vì vô-minh ; giác-ngộ nghĩa là thấu suốt Phật-pháp, biết cái lẽ chân thực của vũ-trụ, con người ;

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

người đã giải-thoát cũng có những khả năng lạ lùng : có thể vô-hình hay hữu-hình, có thể vượt sông núi, thấu suốt lòng kẻ khác ; như thế có nghĩa là người biến thành 1 tự-do tuyệt-đối vì không còn bị lệ thuộc, giới hạn bởi không gian và thời gian, người làm chủ mọi sự hiện hữu.

Cho nên Nát-bàn là nơi không còn những điều kiện quy-định, là nơi ngự-trị của con người định nghĩa như một tự-do tuyệt-đối, nghĩa là con người đã thực-hiện hay tìm lại được chân-ngã, bản-tính thực sự của mình.

*
* *

Qua những phân tách đối-chiếu trên, chúng ta đã có thể quyết rằng Đạo-Phật rất giống nhân-bản của thế-giới hiện-đại mà nét đặc-điểm nhất là sự ý-thức được giá-trị của con người và lòng Tin-tưởng ở sức mình chống lại mọi hình thức áp bức, đè nén, vươn tới một cuộc đời tươi sáng, bộc lộ nhân-vị của mình.

Đạo-Phật đã trình bày những điểm tương-đồng với nhân-bản hiện-đại đặc biệt với nhân-bản của Sartre. Nhưng chúng ta cũng thấy nhân-bản hiện-đại đã nỗ-lực gây thắc-mắc, xao-xuyến khi đặt con người trên con đường tự giải-thoát, lại không muốn chấm-dứt thắc mắc, xao-xuyến vì sự giải-thoát với các nhà tư-tưởng hiện-đại, không phải là đi tới chỗ Thanh-bình, An-nghỉ, trái lại là ở chỗ luôn luôn ở trên đường, luôn luôn sống trong tình-trạng ý-thức về thân phận bị chia sẻ, ly-tán một cách bi-đát của mình.

Trái lại Đạo-Phật cũng khởi điểm nhận định về cuộc đời như nhân-bản hiện-đại, như Sartre, Camus, Heidegger... nhưng đã muốn đưa con người bằn khoăn với số phận đời mình đến đích, đến chỗ An-nghỉ, Thanh-bình, Yên-lặng. Chúng ta cứ nhìn ngắm tượng Phật Thích-ca là cảm thấy không-khí Thanh-bình, Dịu-hiền, An-nghỉ của con người đã giác-ngộ, giải-thoát khỏi cảnh náo-động của một cuộc đời biến-đổi, vô-thường.

Đó là điểm khác nhau giữa hai nhân-bản đã bắt đầu cùng một khởi điểm. Mỗi người chúng ta có thể lựa chọn cứu-cánh giải

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thoát nào thấy phù-hợp với lòng mình hơn cả. Nhưng những điểm giống nhau giữa hai tư-tưởng cách nhau 25 thế-kỷ chứng tỏ Đạo-Phật còn khả-năng đáp lại những thắc-mắc, ước muốn của con người hiện đại, nếu đạo Phật biết tìm khai thác và trình bày cái tinh-túy, cốt-yếu, sâu sa đặc biệt nhất của mình.

Cái tinh-túy, đặc biệt của Đạo-Phật như đã nói đến nhiều lần trên kia là ở sự tin-tưởng vào sức con người có thể tự giải-thoát chống lại mọi quan-niệm định-mệnh, tiền-định đưa đến Thất-vọng (như Balamôn); Tự giải-thoát bằng hành-động không sinh ra nghiệp, chống lại với mọi quan-niệm tĩnh về con người định-nghĩa như một bản-ngã, bản-tính bất-biến (xem lại chương IV) Con người hiện-đại cũng không muốn tin vào lực-lượng nào bên ngoài (Thượng-Đế, Xã-hội v.v) có thể giúp mình nhưng chỉ còn tự-tin tự-tác-tạo để Giải-thoát.

Lòng tự-tin đó cũng làm cho Đạo-Phật và triết-học hiện hữu xuất-hiện như một phiêu-lưu. Tranh ảnh Phật-giáo thường vẽ Phật Thích-ca, cưỡi ngựa chạy trốn trong đêm khuya, bỏ lâu đài, mọi thú vui trần-tục, để bước vào con đường Giải-thoát, một mình chống lại với vũ-trụ, thế-gian, với chính mình, với cả thần-linh ma-vương. Con người trong tư-tưởng của Sartre và trong tư-tưởng hiện hữu nói chung cũng cô-đơn, một mình đi tìm đường giải-thoát, chống lại với Xã-hội, Thượng-Đế với vạn-vật mà sự hiện-hữu của chúng chỉ là mối đe-dọa chiếm-đoạt, hay bóc-lột bản-ngã của tôi. Đứng trước mọi hình-thức độc-tài, áp-bức, con người của chủ-nghĩa hiện-hữu phải xuất tận-lực để chiến-đấu, có thể là bị thua, nhưng chỉ nguyên thái-độ tự-tin đó, bất xét có đưa đến thắng lợi hay không, cũng đủ làm cho người ta say mê rồi.

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HÔN-NHÂN TRONG LUẬT XƯA

HÔN-NHÂN là một thể chế cốt yếu. cơ sở cho gia đình và xã-hội Việt-Nam. Hôn-nhân theo định nghĩa ở thiên Hôn nghĩa trong kinh Lễ là « *Tương hợp nhị tính chi hiếu, thượng dĩ sự tôn miếu, nhi hạ dĩ kế hậu thế giả* ». Hôn-nhân là tương hợp lòng thân ái người khác họ nhau, trên là để phụng sự tổ tiên, dưới là để nối dõi đời sau vậy. Như vậy, theo quan-niệm xưa của người nước ta, bao giờ cũng lấy những nguyên lý trọng kinh điển để làm cơ sở cốt yếu cho những thể chế gia-đình và xã-hội, thì mục đích của hôn-nhân là để duy trì gia thống, để sinh con cái mà nối dõi tổ tông, mà diên trường sự thờ cúng. Nhà nào nhiều con được coi là nhà có phúc. Câu đầu tiên người ta chúc cho hai người mới lấy nhau là được con cháu đầy đàn, Do đó mà phát sinh ra tục tảo hôn, và cũng do đó mà có tục cưới chạy tang để cho con cái khỏi phải đợi mãn tang mới lấy nhau được. Nhưng vì mục đích của hôn-nhân là duy trì gia-đình nên hôn-nhân xưa là việc chung của gia-tộc hơn là việc riêng của hai bên nam nữ.

Luật pháp nước ta xưa, tuy ít chú trọng đến những thể chế dân sự, và những quyền lợi tư, nhưng về thể chế hôn-nhân đã có khá nhiều qui định, nhưng đa số lại liên quan đến những điều cấm chế. Trong Quốc triều Hình luật đời Hồng-Đức nhà Lê, có chương hộ hôn trong đó có mười điều từ 314 đến 323 nói về hôn-nhân. Bộ Quốc triều Khám tụng điều lệ đời Cảnh-Hưng nhà Lê cũng có những điều khoản qui-định về hôn-nhân. Quyển 8 về hộ luật Hoàng Việt Hình-luật đời Gia-Long có tất cả 16 luật điều về hôn-nhân.

Qua các điều khoản trong các bộ luật cũ nước ta, xin xét sơ lược về những quy-tắc nó chi phối thể chế đó, họp thành những điều kiện về nội dung, về hình thức cùng là sự chế tài những thể lệ liên quan đến việc thành lập hôn-nhân, và chứng cớ của hôn-nhân, sau hết cũng xin nói qua về thể-lệ lấy thiếp trong luật xưa.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

I.— Những điều kiện về nội-dung của hôn-nhân gồm có :

Tuổi, sự ưng thuận của hai bên nam nữ, sự ưng thuận của cha mẹ, không có một hôn-nhân trước mà chưa tiêu hủy, không có liên hệ thân hay thích thuộc, không ở trong thời kỳ tang chế, không ở trong những trường hợp do luật pháp cấm chế.

1) Điều kiện tuổi : Bộ luật Hồng-Đức không nói gì đến tuổi của hai người nam nữ khi lấy nhau ít ra phải bao nhiêu. Nhưng trong triều vua Thánh-Tôn nhà Lê, có lệ định là tuổi của người con trai là 18, tuổi của người con gái là 16, thì mới được lấy nhau. Điều lệ thứ hai trong luật điều 94 bộ luật Gia-Long có nói là về việc hôn-nhân của nam nữ, có tuổi đã định, nhưng luật không nói tuổi ấy là bao nhiêu. Theo trong kinh Lễ thì đối với con trai là 16 tuổi, và đối với con gái là 14 tuổi. Dưới tuổi ấy thì hôn-nhân theo luật, bị cấm. Tục ngữ có câu « *nữ thập tam, nam thập lục* », thế thì tuổi theo phong tục khác với kinh Lễ, nhưng tục lệ về điểm đó cũng không có gì là chắc chắn. Phong tục lại còn cho phép sự tảo hôn, khi con trẻ hãy còn thơ ấu. Tảo hôn có mục đích là để hai nhà kết thông gia với nhau, và để người con gái sớm quen với lề thói nhà chồng Cho đến khi đủ tuổi thành gia thất, mẹ chồng coi con dâu như con gái của mình. Hôn-nhân sớm, theo phong tục ấy không hợp với pháp luật. Pháp luật lại còn cấm tục « *chỉ phúc giao hôn* », hứa hôn cho những trẻ con còn trong bụng mẹ. Đoạn sau của điều lệ vừa nói trên, có thêm « *hôn nhân của những đứa trẻ còn là bào thai mà chưa sinh ra, ước hẹn với nhau bằng cách cắt một vạt áo trước (trao cho nhau để làm tin) đều bị cấm* ». Tục trao vạt áo cho nhau, chắc chỉ có ở Trung-Quốc, mà không thấy có ở nước ta. Nhà lập-pháp triều Gia-Long chép nguyên văn luật nhà Thanh, nên đã ghi lại tục ấy mà không sao bớt đi cho hợp với tập quán của dân ta. Ngoài sự cấm chế vừa nói, ta thấy hạn tuổi xưa kia thật là rộng rãi, phong tục không theo đúng với qui định của pháp luật.

2) Sự ưng thuận của hai bên nam nữ : Bộ luật Hồng-Đức không nói gì đến sự ưng thuận của hai bên nam nữ mà cũng không có điều khoản nào bao hàm rằng sự ưng thuận ấy là cần thiết. Bộ luật Gia-Long cũng ít lưu ý đến điểm ấy. Ta đã biết là hôn-nhân xưa là việc chung của gia-tộc hơn là việc riêng của

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hai người. Luật điều 109 nói: « *Khi một người con trai và một người con gái kết hôn với nhau thế nào cũng phải có một người chỉ dẫn và định đoạt công việc, đó là người chủ hôn : ông bà đối với cháu, cha mẹ đối với con, bác, chú, cô đối với cháu điệt, anh trưởng, chị trưởng đối với em trai, em gái, ông bà ngoại đối với cháu ngoại. Các người ấy là tôn trưởng có quyền làm chủ hôn. những người ti ấu không thể không theo mệnh lệnh* ». Nhưng không phải bất cứ trường hợp nào sự ưng thuận của hai bên nam nữ cũng không cần thiết. Không kể phong tục ít khắt khe hơn pháp luật về điểm ấy và thường cũng để người con trai, người con gái phát biểu sự ưng thuận, luật pháp xưa cũng có những biệt lệ mà cho rằng trong một vài trường hợp hôn-nhân chỉ cần có sự ưng thuận của hai bên nam nữ không có sự ưng thuận của cha mẹ, là hợp lệ. Cuối luật điều 94 trong bộ luật Gia-Long có nói : Khi một người ti ấu mà có quan chức hay đi làm ăn xa, không ở nhà, nếu ông bà, cha mẹ, chú bác, cô ruột, anh chị trưởng có kết hôn nhân cho, trong khi người ấy vắng mặt, mà người ti ấu đó đã thành hôn rồi, thì hôn-nhân trước là hợp lệ « *Người ti ấu ấy đã thành hôn rồi, ắt là đã có sự ưng thuận* ».

Nếu ta xem điều lệ 1 của luật điều 102 trong luật Gia-Long trừng phạt những sự hôn-nhân trái phép vì hai bên có họ với nhau, ta thấy trong đoạn cuối : nếu cha mẹ đứng làm chủ hôn mà con trai con gái lại vâng lệnh, thì con trai con gái đã vâng lệng ấy, đều bị tội (trảm giam hậu). Như vậy thì xem ra con cái có thể không vâng lệnh cha mẹ cố ý muốn ép uổng chúng. Cũng như luật điều 109 ấn định hình phạt trong những vụ hôn-nhân trái pháp luật ; luật điều ấy nói ở đoạn cuối là : « *Nếu người con trai, người con gái bị người chủ hôn ép uổng, sự hôn nhân ấy không phải là do ý muốn của chúng... chỉ người chủ hôn bị tội, người con trai và người con gái không bị tội (không thể bị kết tội là chính phạm hay tòng phạm)* ». Đoạn chú thích có thêm : « *Nếu chúng không muốn kết hôn mà người chủ hôn ép uổng, thì việc làm trái phép không do những người kết hôn ấy...* » Lại có một trường hợp đặc biệt mà sự ưng thuận của đương sự được luật cho là cần thiết, đó là khi người quả phụ tái giá. Nếu người quả phụ đã hết tang muốn thủ tiết, mà cha mẹ đẻ và ông bà, hay cha mẹ chồng và ông bà, hay các bậc tôn trưởng khác xa hơn ép uổng mà đem gả cho người khác thì đều phải tội. Điều kiện cốt yếu để sự

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hôn-nhân này hợp lệ là sự ưng thuận của người đàn bà góa.

Do các điều đó, ta thấy nhà lập pháp tuy không ấn định minh bạch là cần phải có sự ưng thuận của hai bên nam nữ, nhưng cũng ngỏ cho thấy rằng không phải là đã bỏ qua hẳn sự kiện cốt yếu ấy trong hôn-nhân mà không biết tới.

3) Sự ưng thuận của cha mẹ : « *Phụ mẫu chi mệnh* » là điều kiện cốt yếu của sự hôn-nhân. Qua các điều khoản trong bộ luật Hồng-Đức và bộ luật Gia-Long, ta thấy tính cách quan trọng của sự ưng thuận của cha mẹ. Luật điều 109 trong bộ luật Gia-Long đã nói đến người chủ hôn và quyền hạn của người đó. Điều lệ 1 của luật điều 94 nói : Hôn-nhân của người con trai, người con gái là tùy ở ông bà, cha mẹ, nếu không có ông bà cha mẹ thì tùy ở các người tôn thân khác ; nếu chồng chết, vợ đem con gái đi và lấy chồng khác, hôn-nhân của người con gái đó là tùy ở người mẹ.

Nhưng để cho sự ưng-thuận của bậc tôn-trưởng chủ hôn khỏi bị tì-tích, nhà lập pháp đã lo đến cách làm thế nào để khỏi có sự nhầm lẫn và trừng phạt một sự gian trá. Luật điều 94 có nói : « *Khi kết hôn-nhân cho một người con trai và một người con gái, nếu có ác tật, hay bệnh-hoạn hay tuổi nhiều ít, là con thứ xuất, hay làm con nuôi dòng khác, hay dưỡng tử, các điều ấy, hai nhà phải biết rõ để cho hai bên có thể định đoạt cho thấu đáo nguyên ủy và đúng với bản ý* ». Lời chú thích thêm là khi một người con trai và một người con gái kết hôn, hai nhà phải biết rõ những điều ấy vì có thể là người ta không muốn lấy một người trẻ quá hay già quá, hay một người con nuôi.

Bất cứ điều gian trá nào để đánh lừa một bên đều bị pháp-luật trừng phạt : « *Nếu trong hôn-nhân, nhà gái dùng cách gian-giảo hay tráo trở, tội (người chủ hôn) là 80 trượng (nghĩa là khi người con gái có tật có bệnh, người ta đánh tráo, để chị hay em ra thay khi xem mặt, rồi đến lúc gả lại gả người có tật bệnh) và bị truy hoàn đồ sính lễ. Nếu nhà trai dùng cách gian-giảo hay tráo trở, tội bị tăng một bậc (nghĩa là khi người ta kết hôn-nhân cho con để mà lại thành-hôn cho con nuôi hay nếu người con trai có tật có bệnh, người ta đánh tráo để anh hay em ra cho xem mặt rồi người ta lại thành hôn cho người con trai bị tật bệnh).* Mấy trường

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hợp, nhà lập pháp kể trên đều là thí-dụ, tất nhiên những sự gian trá khác, tương tự, đều bị phạt cả. Ngoài các hình phạt ra, luật điều 94 ấy còn định là hôn-nhân bị thủ tiêu. Vậy thì ta thấy là nhà lập pháp triều Gia-Long đã công nhận rộng rãi quan-niệm vô hiệu của giá thú vì có gian trá, nghĩa là vô hiệu vì đã nhầm lẫn về bản chất, nhầm lẫn đó xảy ra vì có sự lừa dối, hai bên đã không cho nhau biết tường tận mọi điều quan thiết, nhầm lẫn nó làm cho sự ưng thuận của cha mẹ hai bên bị tỉ-tích.

Ngoài ra còn một trường hợp đặc-biệt có sự ưng-thuận cho một người đàn bà góa lấy chồng. Điều lệ I ở luật điều 98 luật Gia-Long định rằng: « *Khi một người đàn bà góa muốn tái-giá, cha hay mẹ chồng hay những người khác bên nhà chồng tôn thân được coi như là chủ hôn và sẽ nhận lễ vật. Nếu bên nhà chồng không có ai được làm chủ-hôn theo luật-lệ thì chủ hôn sẽ là người trong gia đình của người đàn bà ấy.* » Theo lệ đó, thì khi tái-giá, người đàn bà goá phải được cha mẹ chồng cử ưng-thuận, sự đó phát sinh từ nguyên-tắc là người đàn bà, khi lấy chồng, rời hẳn gia-đình nhà mình mà nhập vào gia-đình nhà chồng. Chỉ trừ khi bên nhà chồng không còn người tôn-trưởng nào, thì cần đến sự ưng-thuận của cha mẹ đẻ.

Như ta vừa thấy, luật xưa quy-định minh-bạch về sự ưng-thuận của cha mẹ, đặt nó lên trên sự ưng-thuận của hai người kết-hôn. Điều đó không có gì là lạ, việc hôn-nhân mà mục đích là duy-trì thống-tự của gia-tộc, là công việc của gia-tộc, con cái chỉ biết vâng lệnh thôi.

4) Không có hôn-nhân trước: nhà lập-pháp Việt-Nam xưa cũng bắt phải có điều kiện là không có hôn-nhân trước thì mới kết-hôn được. Tuy luật xưa cũng như phong tục cho phép người đàn ông lấy nhiều vợ, nhưng lại ấn-định trật tự giữa các người vợ. Người đàn ông có thể có nhiều vợ, nhưng chỉ có thể có một vợ chính (thê). Điều 309 luật Hồng-Đức nói: Ai lấy vợ lẽ (thiếp) lên làm vợ chính phải tội phạt. Luật điều 96 luật Gia-Long, tiêu đề là làm trái trật-tự giữa thê và thiếp có nói: « *Khi vợ chính (thê) còn sống mà lấy một người vợ lẽ (thiếp) làm vợ chính, sẽ phải tội 90 trượng. Ai đã có vợ chính (thê) rồi mà lấy một người nữa làm vợ chính sẽ phải tội 90 trượng. Hôn-nhân sau sẽ bị thủ tiêu. Người*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đàn bà phải trở về bản tông». Lời chú thích ghi rằng: «*Vợ (thê) là bằng vai, ngang hàng (tề giã) với chồng vậy. Nếu đã có vợ chính mà lại lấy vợ chính nữa một người đàn ông ấy lại thành những hai lứa đôi, như thế là phạm tội bất nghĩa.*» Vậy thì ở trong gia-đình, chỉ có thể có một người vợ cả, chính thất, thê, mà pháp-luật cũng như phong-tục công nhận địa vị bằng với chồng.

5) Không có thân thuộc, thích thuộc với nhau: vì những lý-do có tính-cách sinh-lý và đạo-đức, pháp-luật nào cũng cấm đoán hôn-nhân giữa thân thuộc hay thích thuộc quá gần. Luật xưa nước ta rất ngặt về điểm ấy và định ra rất nhiều điều cấm chế và trừng phạt rất nặng nề, Luật Gia-Long trong những luật điều 100, 101, 102 phân biệt trường hợp những thân thuộc đồng tông, đồng tính, và những người tôn-ty khác nhau. Thân thuộc đồng tông mà không phải để tang nhau nếu lấy nhau sẽ phải tội, 100 trượng. Luật điều 102 ấn định rằng: ai mà lấy thiếp của cha, ông, hay bác dâu, thím không kể là đã bị bỏ (xuất) hay đã tái-giá đều bị tội giảo. Ai mà lấy cô, cháu gái, chị em họ từ hàng tiểu công trở lên đều bị tội gian dâm. Các sự phạm pháp ấy là một tội trong mười tội nặng (thập ác) theo luật xưa, đó là tội nội loạn. Lời chú thích ở sau luật điều ấy nói rằng: «*Lấy thiếp của cha hay ông, bác dâu, thím, chị em dâu là làm loạn cả kỷ-cương trong thân thuộc, là một việc làm phi-loại. Trong các trường hợp ấy, tội là trảm hay giảo và phải hành quyết. Dù các người đàn bà ấy đã bị bỏ (xuất) hay đã tái giá, tội vẫn có. Tội đó rất nặng và người ta không thể nại là các người đàn bà đó đã bị bỏ hay đã tái giá mà giảm khinh tội ấy được*». Đối với những thân thuộc đồng tính và đồng tông, tội định ở luật điều 100 là 60 trượng và hôn-nhân bị thủ-tiêu. Nếu các người kết-hôn mà có đồng tính nhưng không đồng tông thì không theo lệ ấy. Điều đó không có gì là lạ, vì ở nước ta, trùng họ rất nhiều, nếu cấm đồng tính lấy nhau thì những người cùng họ Nguyễn chẳng hạn không bao giờ lấy nhau được.

Về thích thuộc thì những người phải để tang nhau, như con cô con cậu, đôi con gì, không được phép lấy nhau. Song đến hàng cháu trở đi thì không có lệ cấm nữa, vả lại cũng không còn phải để tang nữa nên tục-ngữ có câu:

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

« Cháu cậu mà lấy cháu cô, thóc lúa đầy bồ, lúa má nhà ta ».

Nhưng còn những sự cấm chế về hôn-nhân giữa những người tôn và ty, luật Gia-Long định ra rất nhiều lệ. Sự cấm chế lan rộng đến cả những người thích thuộc, tuy không còn phải để tang nhau nhưng vì tôn ty bất đồng, cũng không được lấy nhau : chẳng hạn chị em họ của mẹ là tôn, cháu của chị em mình là ty. Những người ấy không thể lấy nhau được. Luật còn cấm chế cả những người tuy không có thân thích với nhau bằng huyết thống nhưng vẫn còn có liên-lạc với nhau bởi kế phụ hay kế mẫu của họ. Như điều 319 luật Hồng-Đức định là lấy con gái riêng (kế nữ con chồng) của cô, dì, chị em, là giá-thú phi loại, đều luận theo tội gian thêng. Hay điều lệ I của luật điều 101 luật Gia-Long bắt tội những con trai con gái của chồng trước và con trai hay con gái của chồng sau mà lấy nhau, thì phải tội như những người lấy chị em cùng mẹ khác cha.

6) Không có tang chế. Luật Hồng-Đức cũng như luật Gia Long quy-định tỉ-mỉ về vấn đề này và phạt nặng những điều vi phạm. Ta phân biệt hai trường-hợp. Một là hôn-nhân của người con có tang cha mẹ, hay thê thiếp có tang chồng. Trong thời gian mà tang-chế chưa mãn, chưa đủ 27 tháng, nếu con trai lấy vợ, con gái lấy chồng, là xao lãng lòng thương xót, đó là tội bất hiếu, một trong mười trọng tội gọi là thập ác. Nếu tang chồng mà chưa mãn thê thiếp lại đi lấy chồng khác, là tội bất nghĩa cũng là một trong mười trọng tội (thập ác). Điều 317 luật Hồng-đức phạt những người ấy tội đồ. Luật Gia-Long trong luật điều 98 phạt 2 bên nam nữ và cả người chủ hôn, 100 trượng. Luật pháp không những trừng trị người con hay người vợ ấy mà phạt cả người nào kết-hôn với, nếu người này vì tình mà cứ lấy.

Nếu trong khi tang chế mà con trai lấy vợ lẽ (thiếp) hay con gái, vợ góa lấy người khác làm vợ lẽ (thiếp) tuy rằng cũng vẫn phạm tội bất hiếu bất nghĩa, nhưng hôn-nhân ấy, theo ý nhà lập pháp, so với sự hôn-nhân lấy vợ chính hay lấy làm vợ chính, cũng có điểm khác nhau, nên luật trừng phạt nhẹ đi, giảm cho hai bậc, nghĩa là bị trượng 80. Ngoài các hình phạt ra, hôn-nhân đều bị thủ tiêu cả. Hai là trong khi còn tang chế các tôn thân khác, ông bà, chú bác, cô ruột, anh chị ruột, tang chế chưa mãn 12 tháng mà kết hôn-nhân thì cũng bị trừng phạt. Nhưng hình phạt có nhẹ hơn là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chỉ bị trượng 80. Lại có một điểm quan trọng là hôn-nhân vẫn tồn-tại.

7) Những trường-hợp cấm chế khác. — Ngoài ra còn những trường-hợp cấm chế khác nữa do sự tôn trọng các nguyên-tắc luân-lý gia-đình mà có. Luật pháp cấm con cháu không được lấy vợ lấy chồng trong lúc cha mẹ, ông bà bị tù tội giam cầm Điều 318 luật Hồng-đức phạt những con cháu giá-thú trong lúc cha mẹ, ông bà bị giam cầm, đều bị tội biếm ba tư. Luật điều 94 luật Gia-Long chỉ phạt khi cha mẹ ông bà bị giam cầm vì phạm tội tử hình, và hình phạt là 80 trượng. Ngoài ra luật Hồng-đức lại nghiêm khắc hơn Luật Gia-Long ở chỗ bắt đôi vợ chồng phân dị. Theo lời chú thích trong luật Gia-Long, lý-do của sự cấm chế ấy là khi cha mẹ ông bà bị tội tử hình, đó là lúc con cháu không muốn sống nữa, thế mà lại làm lễ cưới, là chỉ biết cái vui riêng của mình, mà quên cái lo của bậc tôn thân, tội chẳng lớn lắm sao ?

Lại còn những sự cấm chế vì tư-cách của hai bên nam nữ. Luật điều 107 trong luật Gia-Long cấm hôn-nhân giữa người quý và người tiện. Quý nghĩa là lương dân và tiện là nô-tỳ, hai hạng người ấy không được kết-hôn với nhau, trái luật thì người nô-tỳ, người chủ của y đều bị tội 80 trượng, người con gái và người chủ hôn nhà gái, nếu tri tình cũng bị phạt nhưng được giảm hai bậc, và hôn-nhân bị thủ tiêu.

Vì mục-đích e ngại sự lạm quyền của các quan lại và sự lợi-dụng quyền-thế của gia đình người vợ, nên luật pháp xưa cấm quan lại không được lấy vợ trong hạt mình cai-trị. Luật Hồng-Đức trong điều 316 cấm sự hôn-nhân ấy và phạt quan lại làm trái luật 70 trượng, biếm ba tư và bãi chức, trong khi luật Gia Long phạt tội ấy 80 trượng. Để bảo vệ uy-thế của quan lại bằng cách bắt giữ đời sống cho đứng đắn, luật Hồng-đức trong điều 40 định rằng quan lại lấy đàn bà con gái hát xướng làm vợ chính vợ thứ, đều phải phạt 70 trượng, biếm ba tư. Ngoài ra còn có sự cấm chế vì mục-đích chính-trị, là cấm hôn-nhân giữa người Việt-Nam và các người khác chủng-tộc ở trên đất Việt-Nam. Luật nhà Lê chỉ cấm quan ty không được kết hôn nhân với các tù-trưởng, phạt người vi-phạm lệ cấm đó tội đồ hay lưu và bắt phân dị. Luật triều Nguyễn xử trị nghiêm hơn ở chỗ cấm bất cứ người dân nào cũng không được lấy người Mên, người Chàm, người

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nùng, người Mán và cũng bắt thủ-tiêu các sự hôn-nhân ấy. Có những điều cấm linh tinh, chỉ đọc qua cũng rõ là nhà lập pháp muốn bảo-vệ trật tự xã-hội và thuần phong mỹ-tục. Đó là những điều khoản trong luật Hồng-đức (điều 338 339) và luật Gia-long (luật điều 104, 105) cấm chế việc nhà quyền thế ăn hiếp mà lấy con gái lương dân, cùng sự hôn-nhân giữa một người đàn ông với một người đàn bà có tội đương trốn tránh. Luật Hồng-đức, điều 324, phạt tội lưu người học trò nào lấy vợ của thầy sau khi thầy chết. Và luật điều 106 luật Gia-long phạt 80 trượng tăng đồ đạo sĩ nào lấy vợ chính hay vợ thứ, và bắt hoàn tục, luật phạt cả người chủ hôn nhà gái cùng người đứng đầu tu-viện nữa

II. Điều-kiện về hình-thức.

Hình-thức của hôn-nhân, hôn lễ, lễ nghi căn-bản của tổ-chức gia-đình đã được sách vở xưa ghi chép tỉ mỉ. Trong sách Chu lễ, có đoạn nói về lễ hôn, trong Kinh lễ, có thiên Hôn nghĩa, trong sách Nghi-lễ có thiên sĩ hôn lễ. Các thiên đó đều ấn-định nghi-thức lễ hôn Theo sử thì Nhâm-diên dạy dân ta hôn-lễ, là dạy dân ta những nghi-thức chép ở trong các sách nói trên. Nhưng phong-tục nước ta không hoàn toàn bảo-tồn tất cả các nghi-thức của hôn lễ định trong các sách. Theo nghi-thức xưa, thì việc hôn-nhân gồm có các lễ như sau :

1) Lễ nạp thái, là sau khi hai nhà, nhà trai, nhà gái đã nghị hôn thì nhà trai sai mối đem con nhạn đến nhà gái để tỏ ý kén chọn ở nơi ấy. (thái nghĩa là kén chọn)

2) Lễ vấn danh là lễ do nhà trai sai mối đến hỏi tên tuổi và ngày sinh tháng đẻ của người con gái.

3) Lễ nạp cát là lễ cáo cho nhà gái biết là đã bói được quẻ tốt, thế là việc hôn-nhân nhất định.

4) Lễ nạp tệ hay nạp trưng là nạp đồ sính lễ cho nhà gái, thế là việc hôn-nhân đã thành. Trong lễ này, người ta có khi trao cả tờ hôn-thú hay tờ canh-thiếp cho nhau

5) Lễ thỉnh kỳ là xin định ngày giờ để rước dâu.

6) Lễ thân nghinh là họ nhà trai mang lễ đến nhà gái mà rước dâu về.

Nghi-thức các lễ ấy ra sao ? Đây là nghi-thức theo Kinh lễ. Khi cử hành lễ nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng thỉnh kỳ, người gia-trưởng bên nhà gái, trải chiếu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đặt kỷ trong nhà thờ (miếu) rồi ra ngoài cửa chào và đón người nhà trai sang Hai người cùng vào sân, vái chào nhau, nhường bước nhau mà vào nhà thờ. Người gia trưởng nghinh tiếp ở nhà thờ là để tỏ ra kính cẩn, thận trọng, nghiêm chính. Khi đến ngày cưới, cha người con trai rót đưa cho con một chén rượu (tiểu) mà bảo con đi đón người con gái về. Người con trai vâng mệnh cha mà đi đón. Gia-trưởng bên nhà gái, trải chiếu, đặt kỷ trong nhà thờ, và ra đón người con trai ở ngoài cửa. Người con trai vào, mang một con nhạn. Cha vợ và chàng rể vái chào nhau, nhường bước nhau mà lên thềm. Người rể dâng con nhạn (diện nhạn) và lạy hai lạy Đó là vâng đón người con gái ở cha mẹ người ấy. Sau người rể ra, cầm dây cương con ngựa kéo chiếc xe dùng đón dâu, đưa cái dây để người con gái tựa mà lên xe cho ngựa tiến lên, rồi người rể lại đi về trước mà đợi người con gái ở cửa Khi người con gái về đến cửa, người rể chào và dẫn vào nhà. Ở đó, hai người cùng ăn với nhau thịt một con vật, cùng uống một chén rượu (hợp cẩn), thế là có ý nghĩa là hợp thể với nhau, cùng bằng nhau và thân ái nhau.

Hôm sau, sáng sớm, người dâu tắm gội rồi đợi yết cha mẹ chồng. Đến sáng, người giúp lễ (tán) một người đàn bà, đưa dâu vào chỗ ở cha mẹ chồng. Dâu mang rỏ có đựng quả táo, quả lật và nem, mà đi vào, người giúp lễ trao cho một chén rượu (lễ), người con dâu tế (tế quỉ thần) bằng lễ vật nem và rượu, thế là đã đủ nghi lễ của một người con dâu (phụ lễ). Cha mẹ chồng bước vào phòng, con dâu dâng lên cha mẹ chồng một con lợn nhỏ, đó là để tỏ lòng thuận của người con dâu. Ngày hôm sau nữa, cha mẹ chồng cho con dâu ăn. Cha chồng đưa cho con dâu một chén rượu, mẹ chồng đưa cho một chén nữa. Cha mẹ chồng ra khỏi phòng, bước xuống bậc ở phía tây, con dâu bước xuống bậc ở phía đông (như người chủ phụ xưa nay vẫn bước xuống phía ấy), để tỏ rằng sau này sẽ thay bà mẹ chồng.

Trong các nghi thức hôn lễ xưa, phong-tục ta chỉ còn giữ có ba lễ là lễ dạm hay vấn danh, lễ hỏi hay nạp tệ, và lễ thân nghinh hay rước dâu. Các nghi thức ấy hoàn-toàn có tính cách nghi lễ và tính cách gia-đình, không có tính cách gì quan thức cả. Tóm lại lễ hôn chỉ là một loạt các nghi-thức phức-tạp, trong đó cần phải có mặt người gia-trưởng của hai

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bên nhưng không cần phải có người công lại nào dự kiến và không phải đăng trước vào sổ sách nào cả.

Nhưng trong ba lễ mà phong tục ta còn theo có lễ hỏi (lễ nạp trừng) hay sính lễ, sính tài, theo danh-từ luật-pháp xưa dùng đánh dấu một giai-đoạn quyết định trong việc kết hôn-nhân. Luật Hồng-đức điều 315 định rằng : « Gả con gái đã nhận đồ sính lễ (như tiền, lụa, vàng bạc, lợn, rượu) mà lại thôi không gả nữa, thì phải phạt 80 trượng ; lại đem gả cho người khác mà đã thành hôn rồi thì phải tội đồ làm khao đinh. Người lấy sau biết thế mà cứ lấy thì phải tội đồ, không biết thì không phải tội. Còn người con gái thì phải gả cho người hỏi trước. Nếu người hỏi trước không lấy nữa thì phải bồi thường đồ sính lễ gấp hai, người con gái được gả cho người hỏi sau. Nhà trai có sính lễ rồi mà không lấy nữa, thì phải phạt 80 trượng mà mất đồ sính lễ. « Quốc-triều khám-tụng điều-lệ đời Lê-cảnh-Hưng nói là khi đã có văn danh, đã nộp sính lễ, khi ấy coi là hôn-nhân đã thành, mà cha mẹ người con gái đem con gả cho người khác, thì được phép kêu quan phân xử cho. Nhưng khi hôn-nhân chưa định hẳn, hãy còn là nghị hôn do người mối làm trung gian và mới chỉ nhận lễ vật nhỏ, trầu cau, gà rượu, thì không được kiện cáo. Luật Gia-long trong luật điều 94 cũng quy định sự bãi hôn và trừng phạt nặng nề. Luật điều ấy định rằng gả con gái mà đã có lập tờ hôn thú, hay đã thảo luận xong hẳn rồi mà lại không gả nữa, người chủ hôn bị phạt 50 roi, người con gái phải gả cho người đã hỏi. Tuy không có hôn thú mà có nhận sính lễ rồi thì tội cũng thế. Đem con gái gả cho người khác, nếu hôn-nhân chưa thành thì người chủ hôn phải phạt 70 trượng, nếu hôn-nhân đã thành hẳn, phải phạt 80 trượng. Người hỏi sau đã tri tình thì người chủ hôn bên ấy cũng cùng tội, sính lễ tịch một sung công, nếu không biết thì không phải tội và được lấy lại sính lễ. Người con gái phải gả cho người hỏi trước, nếu người hỏi trước không lấy nữa thì phải bồi sính lễ gấp hai, và người con gái được gả cho người hỏi sau. Nhà trai đã đưa sính lễ rồi mà không lấy nữa thì mất đồ sính lễ ». Vậy thì theo luật xưa, bãi hôn sau khi có sính lễ là một lỗi phải bồi thường ; sính lễ lại là một lời ước-hẹn phải làm. đối với hai bên nam nữ, nên luật pháp bắt phải cho hai bên thành hôn với nhau. Lời ước đó, đã đành rằng có thể bị thủ tiêu do đồng ý của cả hai bên hay do ý muốn một bên,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhưng không có lý-do chính đáng thì bên nào không giữ lời hứa sẽ bị trách nhiệm về hình sự và sẽ phải bồi thường về dân sự : mất đồ sính lễ hay đồ sính lễ bị tịch-thu sung công. Giải thích thế cũng hợp với ý nghĩa xưa của sính lễ. Kinh Lễ nói : « *sính tắc vi thê* » : có sính lễ là thành vợ rồi. Vậy nên không thi-hành nghĩa vụ là có lỗi cả về dân-sự và hình-sự. Nếu bãi hôn vì duyên cớ chính đáng thì không bị pháp-luật trừng-phạt và không phải bồi thường. Chứng cớ là có luật Hồng-đức có điều 322 nói rằng : « Con gái hứa gả chồng mà chưa cưới, nếu người chồng bị ác tật hay phạm tội, cửa nhà tan nát, thì cho phép người con gái được kêu quan mà trả đồ lễ (sính tài). Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả đồ lễ (sính tài), trái luật thì phải phạt 80 trượng ». Xem thế thì khi có duyên cớ chính đáng trách-nhiệm dân-sự và hình-sự đều không có.

Khi hôn-nhân với người hỏi sau đã thành hẳn rồi, thì luật không bắt thủ tiêu hôn-nhân ấy và bắt người con gái trở lại với người hỏi trước, luật chỉ cho đòi sính lễ gấp đôi và phạt người chủ hôn nhà gái cùng người hỏi sau. Nếu là bên con trai đã thành hôn với người khác thì luật không bắt phải trở lại lấy người con gái hỏi trước nữa, chỉ chịu mất sính lễ và phải phạt thôi.

Trong trường-hợp mà nhà trai sau khi nộp sính-lễ, để quá lâu không cưới, luật cho rằng như thế là có ý bãi hôn, nên điều lệ 2 ở luật điều 108 luật Gia-Long định rằng : « *nếu nhà trai để 5 năm không cưới thì nhà gái được phép kêu quan để quan cấp giấy chứng nhận cho và cho phép kết hôn với người khác* ».

Ta vừa thấy hôn lễ là một loạt nghi thức phức tạp. Nghi thức không đủ, nhất là không có sính lễ, thì luật pháp xưa coi là không có hôn-nhân. Thật vậy, điều 314 luật Hồng-đức nói là phàm kết hôn-nhân mà không đem sính-lễ đến nhà cha mẹ (nếu cha mẹ chết cả, thì đem đến nhà người trưởng họ hay nhà người hương-chính), để thành vợ chồng ; ăn ở với nhau một cách cẩu-thả, thì phải biếm một tư, và theo lệ sang hèn, bắt phải nộp tiền tạ cho cha mẹ (nếu cha mẹ chết cả thì nộp cho trưởng họ hay người hương chính) người con gái phải phạt 50 roi.

Sau đây, ta đặt câu hỏi rằng lúc nào là hôn-nhân thành hẳn. Luật

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

pháp xưa không nói rõ, nhưng cứ theo ý nghĩa của các lễ nghi xưa thì phải trả lời là hôn-nhân thành tựu hẳn trở nên nhất định sau khi các nghi-thức đã đủ, nghĩa là, theo nghi-thức trong phong-tục ta, sau khi đã đón dâu về đến nhà trai và con dâu đã lạy gia-tiên nhà chồng và cha mẹ chồng. Vậy thì nghi-lễ là điều-kiện cần-thiết cho hôn-nhân thành tựu. Và hôn-nhân là một thể-chế có tính-cách gia-đình, hoàn-thành đủ các lễ-nghi là hôn-nhân trở nên chính-thức đối với gia-đình.

III. Sự chế tài những thể-lệ liên-quan đến hôn-nhân

Với tính cách là một thể-chế hoàn toàn gia-đình, trong các luật xưa của ta, nhà lập pháp không trù-liệu một thể-lệ phản-kháng nào cả. Luật Hồng đức cũng như luật Gia Long, không có một điều khoản nào qui-định về điểm ấy. Trái lại, khi vi phạm những cấm chế, rất nhiều trong luật, pháp luật dự liệu rõ ràng sự thủ-tiêu những hôn-nhân nào trái luật lệ, luật bắt phải « phân dị ». Theo luật Hồng-đức và Gia-Long, hôn-nhân trong khi có tang cha mẹ, trong khi cha mẹ phải giam cầm, hôn-nhân giữa người đồng tông đều bị thủ tiêu luật bắt phân dị, người đàn bà phải trở về bản tông. Luật Hồng-đức còn bắt phân dị trong những trường-hợp người đàn bà muốn thủ tiết mà bị ép cải giá, khi lấy vợ của thầy học, khi quan lại lấy con gái hát xướng, khi quan lại lấy con tù-trưởng. Luật Gia-Long bắt thủ tiêu hôn-nhân trong những trường-hợp hôn-nhân giữa lương-dân và nô-tỳ, khi tăng đạo lấy vợ, khi lấy đàn bà con gái phạm tội đương trốn, khi quan lại lấy đàn bà con gái trong hạt cai trị. Nhưng cũng có khi luật không đi đến mực khe khắt ấy, chỉ trừng phạt người có lỗi mà vẫn để hôn-nhân tồn tại, như trường-hợp hôn-nhân trong lúc có tang ông bà, hôn-nhân sau khi đã nhận ước hôn với người khác. Luật pháp xưa không minh định, nhưng phong-tục tập-quán cho rằng các sự hôn-thú trái phép không phải là đương nhiên vô hiệu, cần phải có gia-đình khiếu nại, và pháp quan định đoạt.

IV. Chứng cớ của hôn-nhân

Luật ta xưa không trù liệu một sự đăng trước hay biên nhận gì về mọi việc liên-quan đến nhân-thế, thành thử vấn đề chứng cớ của các việc ấy rất là nan-giải. Người ta chỉ còn có thể tìm đến nhân chứng hay sự đích tình là những chứng cớ không lấy gì làm đích xác.

Về hôn-nhân, như ta đã thấy, không có công bố trước, không có

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

một người công lại nào dự kiến hay can thiệp vào, nghi lễ hoàn toàn diễn ra ở trong gia-đình Chỉ có mặt người gia-trưởng để chủ trì lễ nghi, ngoài ra không có thể-thức nào do luật định cả. Tuy nhiên luật pháp cũng biết đến một thư chứng, đó là tờ hôn-thú, chỉ thấy nói trong luật điều 94 bộ luật Gia-long. Hôn-thú, không phải hôn-ước (contrat de mariage) như ngày nay, mà chỉ là tờ thư xin cưới và tờ thư trả lời bằng lòng. Nhưng tờ hôn-thú không phải là một văn-kiện bắt buộc do pháp-luật, nên luật Gia-long định rằng, nếu không có hôn-thú, phải tìm chứng cớ của hôn-nhân trong sự nộp sính lễ. Ngoài hai cách chứng cớ bằng hôn-thú và bằng sính lễ đó, còn có những chứng cớ khác ở tính cách công nhiên của các nghi-thức trong hôn lễ, tuy là nghi-lễ trong gia-đình. Trong các tập quán của nước ta khi hôn-nhân, có tục lan-nhai. Trong lúc đám cưới, khi họ nhà trai đương đi đến họ nhà gái, thì giữa đường gặp những đám chăng dây, phải nộp tiền thì người ta mới mở dây cho đi. Tục ấy ở bên Trung-quốc, gọi là lan-nhai, nghĩa là chận đường. Nhưng ở ta, hai chữ lan-nhai lại chỉ lệ nộp cheo. Theo lệ nầy thì nhà trai phải nộp cho làng người con gái một món tiền, như tiền lệ phí về hôn nhân. Lý-trưởng làng người con gái, khi thu tiền nộp cheo, có biên vào sổ của làng và có khi cấp cả biên lai. Đó là chứng cớ đã có hôn-nhân, một chứng cớ do tập-quán mà có, không phải do luật định. Còn có thể dùng nhân chứng mà hỏi về sự kết thành hôn-nhân, như những người làm mối bà con họ hàng đi dự lễ cưới. Và sự đích tình cũng được coi là chứng cớ của hôn nhân. Hai người ăn ở với nhau như vợ chồng, được người ngoài đối đãi như hai vợ chồng, người vợ được gọi theo tên và chức tước của chồng vợ đã phụng dưỡng cha mẹ chồng, đã đề tang cha mẹ chồng, đã giúp đỡ anh em nhà chồng, đã trả nợ cho nhà chồng, đại khái đấy là những sự kiện nó chứng minh là có sự đích tình.

V.— Lấy vợ thứ (thiếp)

Không bàn đến nguyên ủy tục lấy nhiều vợ, ta nhận xét rằng từ xưa đến nay, tục lấy nhiều vợ thịnh-hành ở nước ta. Nhưng luật pháp xưa có quy-định gì về thể-chế lấy vợ thứ không ? Ngôn-ngữ thường gọi người đàn bà ấy là vợ bé, vợ lẽ, vợ hai, vợ thứ, vợ hầu, nàng hầu, luật pháp xưa dùng chữ thiếp. Luật Hồng-đức có điều 309 nói rằng : Ai lấy thiếp lên làm thê thì phải tội phạt. Luật điều 96 trong bộ luật Gia-long nói : « Đã có vợ (thê) mà lại lấy người khác làm vợ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thì phải phạt 90 trượng, hôn-nhân sau bị thủ tiêu, người đàn bà phải trở về bản tông ». Và lời chú thích nói rõ thêm rằng nếu một người đã có vợ mà lại lấy một người đàn bà khác nữa làm vợ, một người ấy họp thành hai đôi vợ chồng, là làm một việc bất nghĩa. Nhà lập pháp cho phép có nhiều thiếp, nhưng phân biệt rõ ràng giữa thê và thiếp ? Cũng luật điều 96 ấy mà tiêu đề làm mất trật-tự giữa thê và thiếp, nói thêm : ai đem thê xuống làm thiếp phải phạt 100 trượng, ai đem thiếp lên làm thê phải 90 trượng, và luật bắt phải tái lập trật-tự giữa thê và thiếp. Lời chú thích nói : « Thê dả tề giả » vợ là ngang hàng với chồng . . . Đem thê xuống làm thiếp là đem quý làm tiện, đem thiếp làm thê là đem tiện làm quý, đó là làm bại hoại cương thường đạo lý.

Luật xưa chỉ có vài điều khoản như trên vừa kể về việc lấy thiếp. Ngoài ra luật xưa chỉ đặt lệ trừng phạt người thiếp khi phạm lỗi : đánh mắng ông bà cha mẹ chồng, chồng hay vợ chính v. v. . . Thành thử những điều kiện về nội dung và về hình thức trong khi lấy thiếp hoàn toàn do phong tục chi phối. Tục ngữ có câu : *thú thê mãi thiếp, mua hầu cưới vợ*, thì ta thấy việc lấy thiếp không phải là một nghi lễ, không cần phải có hôn lễ. Kinh điển xưa không đâu nói đến nghi-lễ lấy thiếp cả. Lấy vợ theo quan niệm xưa là việc của gia-tộc do phụ mẫu chi mệnh còn lấy thiếp, là việc của người vợ chính. Người vợ chính kén chọn bỏ tiền ra mà sắm sửa cho người thiếp, rồi lại đi đón về cho chồng. Bất cứ trường hợp nào, cũng phải có sự ưng thuận của người vợ chính, đó là điều kiện duy nhất cốt yếu khi lấy thiếp. Như thế thì ta thấy xã-hội ta xưa chỉ biết có một loại hôn-nhân là hôn-nhân khi lấy vợ chính do luật-pháp, phong-tục, lễ-nghi quy-định.

Hôn-nhân thành lập theo các điều kiện như ta vừa thấy, sẽ phát sinh nhiều hiệu lực về nghĩa-vụ cũng như về quyền hạn của hai vợ chồng. Thể-chế ấy khi thành lập đã phải theo nhiều điều kiện thì đến khi giải trừ cũng sẽ phải theo những thể lệ mà luật-pháp cùng phong-tục xưa đã quy-định. Sẽ xin có dịp trình bày về các điểm ấy.

NGUYỄN-TOẠI

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đời sống Viện Đại-Học

NHỮNG BUỔI DIỄN-THUYẾT VÀ NÓI CHUYỆN

BÊN lề những giờ học-tập thường xuyên-đều đặn về ngành chuyên môn của mình, người sinh-viên còn cần phải trau dồi vốn kiến-thức bằng cách phóng tầm con mắt vào những vấn đề thuộc phạm-vi văn-hóa. Để thực hiện mục đích đó, Viện Đại học đã tổ chức liên tiếp trong thời kỳ giữa năm học, những buổi diễn-thuyết, nói chuyện do các Giáo-sư của Viện hoặc của Viện Đại-học Sài-gòn hay các vị học-giả khách có dịp qua Huế. Dưới đây là những đề-tài đã đề cập đến :

Ngày 30 - 1 - 1958, « *Đặt lại vấn-đề truyện Kiều hay phê bình phê bình văn-học* » của ông Nguyễn-văn-Trung, giáo sư triết-học ban văn-khoa Huế.

Ngày 1 - 2 - 1958, « *Nhận định về những vấn đề Y-học hiện nay* », buổi nói chuyện bằng pháp-văn của ông Jean Olmer giáo-sư y khoa Đại-học-đường Marseille.

Ngày 5 - 3 - 58, « *Problèmes posés par le développement du Việt-Nam* » do Cha Biron, trong nhóm Économie et Humanisme, trình bày những vấn đề kinh-tế có thể đặt ra do những biến đổi về chế-độ chính-trị ở nước ta hiện thời căn cứ vào những nhận xét Cha đã thu lượm được nhờ công cuộc điều-tra về mức sinh-hoạt của dân quê ở nông thôn mà chính Cha đảm nhiệm theo lời mời của Chính phủ Việt-Nam.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ngày 6 - 3 - 58, « *Les implications de la science pour l'éducation aux pays démocratiques* »

Ngày 7 - 3 - 58, « *Hemingway et la quête d' une voie certaine* ».

Ngày 8 - 3 - 58, « *Réactions littéraires américaines à la dernière guerre mondiale* ». Ba buổi diễn-thuyết liên tiếp bằng pháp văn của Bác sĩ Jaffe, giáo-sư Đại - học - đường Michigan.

Ngày 13 - 3 - 58, « *Humanisme et Technique* » do bà Poirson, giáo-sư Thạc-sĩ Đại-học, trường Cao-đẳng Sư-phạm Saigon.

Ngày 20 - 3 - 58, « *Vấn đề Xã-hội ở bên Anh* » do ông Lê - thanh - Châu, giáo-sư Anh-văn trường Cao-đẳng Sư-phạm Huế.

Ngày 26 - 3 - 58, « *Sinh-viên và tương lai tổ-quốc* », buổi nói chuyện của Giáo-sư Bửu-Hội nhân dịp qua Huế.

Ngày 27 - 3 - 58, « *Le génie de Claudel* » do ông Maurocordate giáo-sư Thạc-sĩ Đại-học, Đại-học văn-khoa Saigon.

Ngày 10 - 4 - 58, « *Le Việt-Nam parmi les pays tropicaux* » do ông Dufeil, giáo-sư sử-địa, Đại-học Saigon.

Ngày 17 - 4 - 58, « *Nhân-vị qua truyện Hồn bướm mơ tiên* » do Linh-mục Đỗ-minh Vọng (R.P. Cras. O.P.) Giám-đốc tu-viện Mai-khôi, giáo-sư triết-lý Đại-học văn-khoa Saigon.

Hoạt động sinh-viên.

Nhân dịp Tết Mậu-tuất, sinh-viên Viện Đại-học Huế đã trình bày một buổi văn-nghệ mừng Xuân hôm mồng ba Tết tức là ngày 20.2.58, tại Đại giảng đường Viện Đại-học, số 3 đường Lê-Lợi :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Buổi dạ-hội đặt dưới sự chủ tọa tối cao của Tổng-Thống Cọng-hòa với sự hiện diện của các ông Chủ tịch Quốc-hội, Bộ-trưởng bộ Quốc-gia giáo-dục, Đại-biểu Chính-phủ tại T. N. T. P., Linh-mục. Viện-trưởng, các Giáo-sư và một số rất đông nhân-sĩ địa phương.

*
* *

Ngay sau khi thành lập, Tổng hội sinh-viên đã tổ chức những lớp học bình dân tại Viện Đại-học. Một số anh chị em sinh-viên đã tình nguyện phụ trách điều khiển và giảng dạy những lớp tối đó dành cho những học sinh hay thanh thiếu niên hiếu học nhưng vì thiếu điều kiện thuận tiện không thể thường xuyên theo học ở nhà trường được.

Số lớp học : *Đệ ngũ và đệ tứ.*
Học-viên ghi tên dự thi : *500 người cả hai lớp.*
Học-viên được nhận vào học : *180 cả hai lớp.*

Lớp học đầu tiên đã khai giảng đêm hôm 20-1-1958 tại trụ sở của Viện Đại-học (số 4 đường Lê-lợi).

Hiện nay, anh chị em lớp đệ 4 đang tích cực sửa soạn đi thi Trung-học đệ nhất cấp sắp tới.

Đó là những hoạt-động văn-hóa. Còn những ngành xã-hội, văn-nghệ, thể thao chưa thấy hoạt động gì cả... Có lẽ còn ở thời kỳ nghiên cứu kế-hoạch chăng hay những con đường vắng chạy dài theo giòng sông lặng đã đủ tiêu sầu những tâm hồn trầm-tư, cháu chắt Lão Trang sau những giờ vùi đầu trong công thức, phương trình, Aristote, Platon... ?

*
* *

Ngày 17-3-1958, một phái đoàn sinh viên Thái-lan thứ hai đã đến viếng Huế và thăm Viện Đại-học. Chắc bị các bạn trong phái đoàn trước, hồi tháng chạp năm ngoái « tuyên truyền mạnh », nên lần này, phái-đoàn mới tới Saigon, đã vội vả ra Huế ngay và kéo dài thời gian ở lại những ba ngày. Một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

số sinh viên « được nghỉ học », sốt sắng đi đón các bạn ngoại quốc ở phi-trường. Chương trình dĩ nhiên là rất bận rộn, vì cũng dĩ nhiên là phải thăm các trụ sở của Viện Đại-học, các Lăng, Đại-nội, chùa Thiên-mụ, phải dự các buổi tiếp tân v. v.. Nhưng những kỷ-niệm lâu bền và sống nhất có lẽ là những cái nhìn, nụ cười thân mật hay những cái bắt tay thành thật, những cuộc trao tặng « kín đáo » chữ ký, hình ảnh v. v. giữa người nhà và khách lạ...

KHU ĐẠI-HỌC TƯƠNG LAI

Trụ sở hiện thời của các khoa sẽ không thể thích hợp với sự khuyếch trương Viện Đại-học kể từ năm tới. Do đó, cần xây-dựng một khu Đại-học khác rộng lớn có thể dung nạp và tập trung được tất cả các ngành đại-học và cơ quan phụ thuộc.

Dự định đầu tiên là lấy An-định-Cung rồi sửa chửa cũng tốn phí, nên Viện lại đề ra một dự định khác. Viện đã phối hợp với Ty Kiến-thiết đô-thị Huế và đã tìm được một địa điểm thích hợp, thuận tiện tại « Cây-đa Mụ Tô » cách trụ sở Tòa Viện trưởng hiện thời một cây số về phía Tây Bắc. Chương trình và kế-hoạch xây cất vẫn giữ theo dự định đầu tiên như đã loan tin trong số I.

Để giải đáp một phần những khó khăn về tài chính, Viện đã xin được phép cho mở một cuộc xổ số. Thiết tưởng đó là một cơ hội để đồng bào toàn quốc và nhất là đồng bào Trung-phần, dân chúng đô-thị Huế tham gia một cách cụ thể vào công cuộc xây dựng nền đại-học Quốc-gia, Viện Đại-học của thành phố mình.

SỰ HỢP TÁC QUỐC-TẾ

Ngày 4-3-58, Cô Juliane Heyman chuyên-viên quản-thủ Thư-viện thuộc cơ-quan « *Asia Foundation* » đã tới Huế để

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giúp việc với tư cách là cố-vấn cho Thư-viện của Viện Đại-Học Huế. Trong thời gian lưu-trú ở Huế, cũng như lần trước vào đầu tháng giêng năm 1958, cô sẽ phụ tá ông Bửu-Kế, Quản-thủ Thư-viện Viện Đại-Học.

— Ông IZZO, giáo-sư Anh-văn, đã tình nguyện sang Việt-Nam phụ-trách môn Anh-văn ở trường Cao-đẳng Sư-phạm và ban Văn-khoa. Ông là người ngoại-quốc đầu tiên được tuyển làm giáo-sư thường xuyên cho Viện Đại Học Huế.

— Ông Giám-đốc phòng Thông-Tin Hoa-kỳ ở Huế đã có nhã ý thực-hiện một cuốn phim màu về Viện Đại-Học Huế. Trong vòng một tuần lễ, toàn thể giáo-sư, nhân-viên và một số các lớp đã bị « *động viên* » cho việc quay phim. Chắc là thành công và sẽ rất ngoạn-mục. Cám ơn ông Giám-đốc.

CUỘC DU-HÀNH CỦA LINH-MỤC VIỆN-TRƯỞNG

Muốn mở mang Viện Đại-Học, cần có tiền, nhà cửa, phòng thí-nghiệm nhưng cần nhất là giáo-sư. Không giáo-sư không làm gì được. Hiện thời, ai cũng hiểu biết rằng giáo-sư thiếu rất nhiều ở các ngành Trung-học cũng như Đại-Học.

Vì không thể tìm đầy đủ số giáo-sư cần thiết cho niên học sắp tới ngay ở trong nước, nên L. Mục Viện-trưởng sẽ đi vòng quanh thế-giới, qua Âu-châu và Mỹ-châu, vào trong tuần tháng 4 này để kêu gọi và mời những vị học đã thành tài trở về nước góp phần vào việc xây dựng một nền Đại-Học còn phôi-thai, đòi hỏi rất nhiều cố gắng, hy sinh và nhẫn-nại. Kính chúc L.M. Viện-trưởng thượng-lộ bình an và thu lượm được nhiều kết quả.

H. T. L.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHỮNG CÔNG-CUỘC CẢI-THIỆN XÃ-HỘI

TẠI ANH-QUỐC

TRONG nữa thế-kỷ nay, nhiều người đã phân-vân tìm một giải-pháp thích-hợp cho vấn-đề cải-thiện xã-hội, để nâng cao mực sống của dân-chúng nhất là của giai-cấp cần-lao.

Nhiều người đã tự hỏi Chính-phủ phải có trách-nhiệm gì trong công-cuộc cải thiện ấy. Ở Anh câu trả lời cho câu hỏi ấy cách đây 50 năm khác xa với câu trả lời bây giờ. Lúc-trước, trừ một thiểu-số sáng-suốt ra thì cho đến nhiều người tự xem mình là những nhà cải tân xã-hội cũng nghĩ rằng Chính-phủ mà trực-tiếp nhúng tay vào các công-cuộc cứu-tế là một cái tai-ương cho cả nước, vì họ cho rằng lúc nhân-dân không còn biết bổn phận làm ăn của mình nữa, mọi người sẽ trông-cậy vào Chính-phủ nuôi ăn, cấp áo, không còn biết phòng xa, không còn lo đến chuyện dành dụm cho ngày mai. Họ nghĩ rằng nếu Chính-phủ tổ-chức công-cuộc cứu-tế một cách thật đầy đủ, hoàn-bị, thì đấy là một sự khuyến-khích cho dân-chúng đâm ra lười-biếng, ỷ-lại, phung-phí và dân-tộc sẽ đi đến chỗ trụy-lạc đồi-phế.

Thành thử, muốn tránh tệ-hại này, Chính-phủ phải dạy cho dân-chúng hiểu biết trách-nhiệm của họ. Mỗi người dân phải tự lo cho mình và cho gia-đình mình đủ ăn, đủ mặc; lại phải dành dụm phòng khi tật bệnh hay tang tóc. Phải làm cho họ hiểu rằng, nếu họ có cha mẹ già thì họ phải có bổn-phận cấp-dưỡng, nếu họ có con thơ thì họ phải lo áo, lo quần và lo sự giáo-dục cho chúng nó. Có vậy thì họ mới làm ăn chuyên cần, mới tập tính cần-kiệm, phòng xa. Đây là quan-niệm của một số lãnh-đạo và một số người trí-thức có ảnh-hưởng ở Anh vào hồi bấy giờ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng nay, thái-độ của Chính-phủ cũng như của đa-số dân-chúng Anh đã thay đổi rất nhiều. Sự thay đổi này cũng do một phần ở chế-độ dân-chủ. Trong chế-độ này, quyền-lợi của dân-chúng được Chính-phủ đặc-biệt chú-ý đến. Vì vậy, Chính-phủ tìm mọi cách nâng cao mực sống của dân-chúng là một sự dĩ-nhiên.

Lý-do thứ hai sự thay đổi thái-độ của Chính-phủ và dân-chúng Anh về vấn-đề cải-tổ xã-hội, là ngày nay người ta hiểu rõ hơn lúc trước nguyên-nhân của những biến-cố xã-hội : như nạn thất-nghiệp. nạn đói rách, tật-bệnh, v.v. Ngày trước có người quan-niệm rằng nghèo khó là một trọng tội, và họ trút tội này trên đầu người nghèo, cho rằng một người phải nghèo khó vì không biết lo xa, vì lười biếng hoặc vì muốn ỷ-lại vào sự giúp đỡ của kẻ khác.

Ngày nay, lẽ cố nhiên, không ai chối cải rằng đấy thường là những nguyên-nhân quan-trọng trực-tiếp của sự nghèo khó. Nhưng ngoài lỗi của cá-nhân, ngày nay người ta lại công-nhận rằng một phần cũng do hoàn-cảnh, tập-quán, giáo-dục từ thuở còn bé. Hơn nữa, có nhiều trường-hợp trong ấy người nghèo chỉ là nạn-nhân của một biến-cố rộng lớn xẩy ra ngoài sức của họ. Một thí-dụ cụ-thể là nạn thất-nghiệp ở Anh giữa hai trận Đại-chiến. Một số lớn thợ-thuyền suốt năm không tìm ra việc làm ; nạn thất-nghiệp hoành-hành nhất trong giới thợ-thuyền thiện-nghệ và chuyên-môn : như thợ mỏ than, thợ làm thuyền, thợ thép và công-nhân các nhà dệt vải. Chúng ta có thể kể trong hạng nạn-nhân của sự nghèo-khó này những người tàn-tật, những người điên, những kẻ mắc chứng bệnh thần-kinh, những quả-phụ có nhiều con dại, ông già bà lão không nơi nương-tựa, con trẻ mồ-côi, con trẻ bị bỏ hoang, v.v... Hạng người đáng thương này, không ai có thể nói rằng họ bần-cùng khốn-đốn là vì lỗi riêng của họ. Và cũng ít ai có thể làm ngơ để họ chết đói mà không tìm cách giúp đỡ.

Các cơ quan cứu-tế tư-nhân

Vì vậy mà ở Anh, cũng như ở nhiều nước khác, có nhiều người hảo-tâm đứng ra tổ-chức những công-cuộc cứu-tế để giúp đỡ kẻ bần cùng. Từ trước cho đến rất gần đây những dưỡng-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lão-đường, những cô-nhi-viện, cũng như những nhà tế-bần, đều do tư-nhân kẻ góp tiền, người giúp công, tổ-chức ra cả. Ngoài những công-cuộc có tính-cách cứu-tế trực-tiếp này, các cơ-quan tư-nhân lại còn lo nhiều tổ-chức khác về y-tế, giáo-dục, v.v. Cách đây chẳng bao lâu, những bệnh-viện, những trường học ở các cấp bậc, đều do tư-nhân sáng-lập và điều-khiển. Cho đến nay, những trường Đại-học ở Anh vẫn còn là những công-trình của tư-nhân.

Kết quả của những công-cuộc cứu-tế tư-nhân

Nhưng nếu những công-cuộc cải-thiện xã-hội chỉ trông vào lòng từ-thiện của tư-nhân mà thôi, thì kết quả cũng chẳng được bao nhiêu.

Lý-do thứ nhất là vì vấn-đề cứu-tế xã-hội là một vấn-đề rất to tát, nhưng sức tư-nhân thì có hạn. Những hội từ-thiện chỉ có thể giúp đỡ một số người rất nhỏ. Đại-đa-số kẻ nghèo khó, vẫn không được ai đếm xỉa đến.

Lý-do thứ hai là vì các hội tư-nhân không tìm ra được căn nguyên của nạn nghèo-khó trong xã-hội, và dù họ có tìm ra được đi chăng nữa, thì họ cũng không có phương-tiện để sửa-chữa. Những người hảo-tâm, nếu thấy trong làng mình có nhiều hành-khất thì họ lập ra một hội phát cơm phát áo, chứ họ không xem nguyên-nhân chính của nạn hành-khất và họ cũng không có sức để ngăn cản nạn nầy bành-trướng.

Lý-do thứ ba là những người được các hội từ-thiện giúp đỡ lúc nào cũng có cảm-tưởng rằng mình bị khinh-bỉ và xem rẻ. Những kẻ lãnh bát cháo ở viện tế-bần, những người lở tật-bệnh mà phải nằm nhà thương hạng (bố-thí) khó mà không cảm thấy rằng Bần-cùng là một điều sỉ-nhục. Kết-quả là có một số người tuy nghèo khó, tuy đáng được giúp đỡ, thì lại tránh những hội từ-thiện : trái lại, một số người khác xem sự nghèo của mình như một nghề để kiếm ăn thì lại quá sẵn sàng cầu xin sự giúp đỡ của kẻ khác.

Chính-phủ và công-cuộc cải-thiện xã-hội

Vì những lý-do nói trên, chúng ta thấy rằng những tổ-chức

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

từ-thiện tư-nhân chỉ là một giải-pháp tạm-bợ mà thôi để đối-phó với nạn nghèo-khó. Nay chúng ta hãy xem trong lúc tư-nhân cố-gắng dùng những phương-tiện trong tay mình để giúp đỡ dân nghèo, thì Chính-phủ Anh đã làm gì ?

Trước đây, Chính-phủ Anh, cũng như nhiều Chính-phủ khác hồi ấy. chỉ lo việc trị-an dân-chúng. Công-cuộc cứu-tế cũng như những công-cuộc giáo-dục. y-tế, được xem như là ngoài phận-sự trực-tiếp của một Chính-phủ. Dần dần, nhà cầm quyền mới thấy rõ mối liên-quan giữa vấn-đề chính-trị với những vấn-đề khác như cứu-tế, giáo-dục, y-tế, v.v... Và lãnh-vực được Chính-phủ Anh lưu-ý trước tiên là lãnh-vực cứu-tế.

Công-cuộc cứu-tế

Từ thế-kỷ 16, Chính-phủ Anh đã thông quá một đạo luật ấn-định việc cung-cấp cho những kẻ bần-cùng, gọi là « Luật Kẻ Nghèo ». Theo luật này, mỗi làng xã phải lập ra một quỹ để giúp đỡ kẻ nghèo-khó trong địa-hạt mình. Đạo luật này mới nghe thì hay như vậy, nhưng lúc thi-hành thì lại không có hiệu-quả mấy. Lý-do là trong một làng nghèo, có nhiều người đáng giúp đỡ, thì quỹ lại kém. Trái lại, trong một làng giàu, quỹ đầy đủ thì kẻ đáng giúp đỡ lại chẳng có bao nhiêu. Thành ra, đạo luật này đã có từ thế-kỷ thứ 16, mà vấn-đề nghèo-khó vẫn chưa được giải-quyết một cách thỏa-mãn. Từ lúc mới bắt đầu thi-hành đạo luật này, có người đã nhận thấy những khuyết-điểm của nó. Nhưng vì Chính-phủ không tìm ra cách nào hơn, nên đạo luật này vẫn tồn tại ở Anh trên ba thế-kỷ (1597-1948).

Công-cuộc giáo-dục

Lãnh-vực thứ hai Chính-phủ quan-tâm đến là lãnh-vực giáo-dục. Từ trước cho đến đầu thế-kỷ thứ 19, Chính-phủ cho rằng vấn-đề giáo-dục là một vấn-đề không dính-dáng gì đến chính-quyền. Các trường học vì vậy đều do những nhóm tư-nhân hay tu-sĩ lập ra và điều-khiển. Điểm bất-lợi của những trường tư không có sự kiểm-soát của Chính-phủ là : tuy rằng có nhiều người hảo-tâm vì lòng nhân-ái mà lập trường, nhưng cũng có kẻ lợi-dụng, xem việc giáo-dục con em là một cách làm tiền trục lợi. Hơn nữa, vì không có một cơ-quan kiểm-soát chương-trình học tập, nên

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

học-vấn mỗi nơi mỗi khác, không có quy-củ, không được thống-nhất. Vào đầu thế-kỷ thứ 19, số trẻ em nghèo muốn đi học tăng lên bội phần, nhưng phương-tiện của các cơ-quan giáo-dục tư-nhân lại quá ít ỏi, không làm thỏa-mãn được tất cả. Chính-phủ nhận thấy tình-cảnh này nhưng vẫn chưa quyết-định trực-tiếp nhúng tay vào công-cuộc giáo-dục. Vào năm 1833, Chính-phủ chỉ mới ấn-định một ngân-sách để giúp đỡ các cơ-quan giáo-dục tư-nhân một phần nào về phần tài-chính. Rồi phải đợi thêm gần 40 năm nữa, người ta mới thấy Chính-phủ Anh đi sâu vào thêm một bước nữa trong công-cuộc giáo-dục. Nghĩa là vào năm 1870, Chính-phủ thông-qua «Đạo luật Giáo-dục Forster.» (Forster Education Act), ấn-định việc thiết-lập thêm các trường tiểu-học trong các làng xã và thôn phố. Trên đây là một vài cố-gắng của Chính-phủ trong lãnh-vực giáo-dục.

Công cuộc Y-tế

Trong thế-kỷ 19, Chính-phủ Anh có thông-qua nhiều đạo luật liên-can đến vấn-đề này. Nhưng phải đợi đến thế kỷ 20, người ta mới thấy Chính-phủ Anh chính-thức công-nhận trách-nhiệm mình trong công-cuộc y-tế. Vào năm 1919, Bộ Quốc-gia Y-tế lần đầu tiên được thiết-lập tại Anh.

Trên đây tôi chỉ nêu ra vài đạo luật quan-trọng có liên-can đến vấn-đề cải-thiện xã-hội tại Anh. Nhưng dù có nêu ra tất cả các đạo luật đi nữa, cũng sẽ nhận thấy rằng Chính-phủ Anh, từ trước cho đến cách đây chừng 20 năm, không tỏ ra có một quan-niệm tổng-quát về vấn-đề cải-thiện xã-hội. Họ hình như chỉ thấy vài khía cạnh của vấn-đề mà thôi, và chỉ giải-quyết từng sự khó khăn một. Nhưng dần dần, Chính-phủ và dân-chúng Anh nhận thấy rằng các vấn-đề như nạn thất-học, nạn thất nghiệp, nạn đói rách, bệnh-tật, đều có liên-can mật-thiết với nhau. Muốn giải-quyết một vấn-đề cho có hiệu-qủa thì phải giải-quyết tất cả các vấn-đề kia cùng một lúc. Thí-dụ, muốn cho dân-chúng khỏi cơ-hàn thì phải cho họ có một giáo-dục căn-bản, phải lo cho họ có sức khỏe, v.v... Công-cuộc cải-thiện xã-hội là một công-cuộc vĩ-đại, và chỉ có chính-phủ cùng với sự cố-gắng của toàn-thể dân-chúng mới dám đương nỗi. Sự giác-ngộ xã-hội này được bành trướng ở nước Anh vào đầu thế-kỷ này và chúng ta có thể nói rằng sau trận Đại-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chiến thứ-nhất, một số lớn dân-chúng Anh đã sẵn-sàng đón chờ một phong-trào canh-tân cải-thiện xã-hội rộng lớn. Nhưng cũng phải đợi đến 20 năm nữa, phong-trào này mới có cơ-hội được thực-hiện.

Vào năm 1941, Sir William Beveridge, lúc ấy là một nhân-viên cao-cấp của Chính-phủ Anh, được Chính-phủ đề-cử để nghiên-cứu vấn-đề, *« Bảo-hiểm xã-hội »* có thể áp-dụng cho toàn-quốc. Sau một năm soạn thảo, tờ-trình của ông làm chấn-động dư-luận Anh hồi bây giờ. Và những nhà xã-hội-học Anh bấy giờ thường chia sử-ký nước Anh ra hai kỷ-nguyên: kỷ-nguyên trước Beveridge và kỷ-nguyên sau Beveridge. Chính-phủ Anh đã dựa theo tờ-trình này để thiết-lập một cơ-cấu cải-thiện xã-hội để chống lại — theo lời Beveridge — năm Kẻ Thù-nghịch là Thiếu-thốn, Bệnh-tật, Thất-học, Bần-cùng, và Thất-nghiệp (Want, Disease, Ignorance, Squalor, and Unemployment). Sự Chính-phủ dùng các phương-tiện lập-pháp và hành-chánh để chống năm nạn ấy chẳng có gì là mới mẻ. Sự mới mẻ là lần đầu tiên người ta công-nhận sự cần-thiết phải có một chương-trình hành-động rộng rãi và thống-nhất ; và cũng là lần đầu tiên họ công-nhận đây là một trách-nhiệm chung cho toàn-thể quốc-gia.

Lẽ cố-nhiên, những cố-gắng của Chính-phủ Anh còn nhiều điều sơ-xuất và trong nhiều lãnh-vực, thực-hành còn kém xa lời hứa hẹn. Dù vậy, những kết-qủa đã thâu-hoạch được có thể xem như là một cuộc cách-mạng xã-hội sâu rộng mà không tốn một viên đạn hay một giọt máu nào một cuộc cách-mạng căn-bản đã thay đổi điều-kiện sinh-hoạt của ngót 50 triệu dân Anh. Những dự-định đã thi-hành được tự năm 1942 là sự thành-tựu của những cố-gắng trong nữa thế-kỷ trước.

Và ngày nay, nước Anh đã công-nhận những nguyên-tắc cải-thiện xã-hội sau đây :

1. Chính-phủ phải cố-gắng cho nạn thất-nghiệp khỏi bành-trướng ;
2. Người dân bị thất-nghiệp sẽ được trợ cấp thất-nghiệp ;
3. Người dân bị tật nguyền sẽ được lãnh trợ-cấp tật nguyền;
4. Cô-nhi quả-phụ, ông già bà lão được trợ-cấp riêng ;
5. Trợ-cấp gia-đình cho những ai có hai con hay hơn hai con;

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

6. Các bà mẹ có thai, các đứa bé từ khi lọt lòng cho đến 5 tuổi, được lãnh sữa và một vài chất ăn bổ không mất tiền ;

7. Mọi người đau ốm được bác-sĩ chữa và được lãnh thuốc men không mất tiền ;

8. Sẽ có đủ nhà dưỡng-lão cho ông già bà lão không ai trông nom ;

9. Sẽ có đủ nhà thương đặc-biệt cho những người mù, người câm, người điên và những người chậm tiến-triển ;

10. Có đủ trường tiểu và trung-học cho tất cả trẻ con từ 5 đến 15 tuổi ; Chính-phủ có nhiệm-vụ giúp đỡ các Đại-học và các trường cao-đẳng kỹ-thuật ;

11. Chính-phủ có trách-nhiệm lo cho dân-chúng có đủ nhà ở ;

Trên đây là 11 nguyên-tắc căn-bản của chương-trình cải-thiện xã-hội ở Anh. Tuy rằng 11 nguyên-tắc này không thể bao hàm hết những cố-gắng của Chính-phủ Anh trong công-cuộc nâng cao mực sống của dân-chúng, nó cũng đủ để cho chúng ta thấy những cố-gắng ấy rộng lớn là chừng nào. Tôi xin nói thêm rằng 11 nguyên-tắc này là những nguyên-tắc căn-bản đã được toàn-thể dân-chúng công-nhận và không một Chính-phủ Anh nào, dù là Thủ-cựu hay Lao-động, có thể bãi bỏ được.

Sự áp-dụng những nguyên-tắc này trong một gia-đình Anh

Chính-phủ Anh đã dựa vào 11 nguyên-tắc nói trên để ban bổ nhiều đạo luật. Thí-dụ : vào năm 1944, Luật Giáo-dục, Luật kiến-thiết, Luật về các Kẻ Tật-nguyền (Education Act, Town and Country Planning Act, Disabled Persons Act) ; năm 1945, Luật Phụ-cấp Gia-đình (Famili, Allowances Act) ; năm 1946, Luật Bảo-hiểm xã-hội, Luật Xây nhà cửa, Luật Kiến-thiết Đô-thị, Luật Y-tế (National Insurance Act, Housing Act, New Towns Act, National Health Service Act) ; năm 1948, Luật về Con trẻ (Children Act),v.v... Chúng ta có thể cùng nhau đi sâu vào những chi-tiết của các đạo luật này, để xem các nguyên-tắc căn-bản nói trên đã được Chính-phủ đem ra thi-hành như thế nào. Nhưng những chi-tiết nầy rất là phức-tạp và chỉ những nhà chuyên-môn mới dủ kiên-nhẫn theo dõi từng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chi-tiết một. Vậy tôi xin đề nghị một cách khác cụ-thể hơn, để xem Chính-phủ Anh đã áp-dụng những nguyên-tắc ấy ra sao. Chúng ta thử lấy một gia-đình thợ-thuyền trung-bình, và theo dõi đời sống của gia-đình này.

Nhà cửa

Chúng ta thử lấy một người thợ trẻ tuổi làm thí-dụ. Tôi xin phép dùng tên Việt-nam để gắn cho anh thợ này. Chúng ta hãy gọi anh là anh Khê. Anh vừa mới cưới vợ và có ý tìm nhà cho gia-đình mới của mình. Trong hoàn-cảnh hiện-tại, tìm cho ra nhà là một chuyện rất khó nhất là đối với gia-đình anh Khê, một gia-đình hạ-lưu. Trong trận Đại-chiến vừa qua, có độ 500 ngàn ngôi nhà ở Anh bị phá-hủy.

Tuy vậy, trong khoản 10 năm, giữa 1945 và 1955, có được gần 2 triệu rưỡi nhà đã được xây-dựng. Và từ năm 1951, mục-tiêu của Chính-phủ Anh là cất 300 ngàn ngôi nhà một năm. Trong số này, một số lớn dành cho thuê, còn lại bao nhiêu để bán. Chính-phủ trung-ương lại còn giúp tiền cho chính-quyền địa-phương để họ có thể xây nhà cho dân nghèo thuê với một giá rẻ. Ngoài ra, lại có nhiều hội cho dân chúng vay tiền để mua nhà được dễ dàng. Có nhiều nơi, các hội này và chính quyền địa-phương họp nhau lại có thể cho một người muốn mua nhà mượn 95% số tiền mua. Thành thử một người thợ chỉ mới có 5% giá tiền nhà cũng có thể mua được một ngôi nhà. Còn lại bao nhiêu thì trả hằng tháng và sau độ 20 năm, thì cái nhà ấy hoàn thuộc quyền sở-hữu của họ.

Như vậy, với những điều-kiện nói trên, anh Khê có thể mua nhà hay thuê nhà cho anh và cho gia-đình anh. Trong trường-hợp thuê nhà thì tiền thuê cũng sẽ được Chính-phủ kiểm soát chặt-chẽ.

Sự giúp đỡ đàn bà có thai và con trẻ

Thuốc bổ. Sau khi lập gia-đình được ít lâu thì chị Khê có thai. Ở nhiều nơi, nhất là ở thành phố, chị Khê có thể đi đến những bệnh-viện có bác-sĩ chuyên-môn khám xét và chỉ-dẫn trong thời-gian thai-nghén. Để dưỡng thai, chị có phép mua nhiều chất ăn bổ rẻ tiền. Thí-dụ: chị có quyền mua 1/2 lít sữa mà chỉ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trả một đồng mà thôi. Nếu chị Khê quá nghèo thì các thứ này được biếu không. Còn những thứ như dầu mở cá hay các thuốc sinh-tố thì dù nghèo hay giàu đều được biếu không.

Bác-sĩ và cô đỡ. Trong thời-gian chị Khê có thai, chị được một bác-sĩ chuyên-môn chăm nom. Nếu theo ý bác-sĩ này, chỉ có thể đẻ khó, thì chị được phép đẻ ở bệnh-viện không mất tiền. Nếu nhà của chị chật hẹp, thì chị cũng được đẻ ở bệnh-viện. Nếu không, chị sẽ đẻ ở nhà. Lúc chị đẻ, chị được một bác-sĩ và một cô đỡ chăm nom. Lúc đẻ xong, cô đỡ sẽ ở lại chăm nom chị và đứa bé trong hai tuần đầu. Lẽ cố nhiên, chị Khê không cần phải trả một xu nào cho Bác-sĩ hay cô đỡ.

Phụ-cấp sinh-đẻ.

— Mỗi lần sinh đẻ, chị Khê có quyền lãnh một trợ-cấp vào lối. 2000đ
Để giúp chị may sắm cho đứa bé ;

— Nếu đẻ ở nhà, chị lại được lãnh một trợ-cấp đặc-biệt vào lối 800đ

— Ngoài hai món tiền trợ cấp này, chị Khê lại còn được lãnh một phụ-cấp hàng tuần : phụ-cấp sinh-đẻ. Mỗi tuần : 400đ... Trong 18 tuần, bắt đầu chừng 11 tuần trước ngày sinh, để giúp chị có thể nghỉ việc dưỡng sức. 400đx18 : 7200đ
10.000đ

Phụ-cấp gia-đình. Ngoài ra, nếu đây là đứa con thứ hai thì chị được lãnh thêm cho đứa bé một phụ-cấp hàng tuần, gọi là phụ-cấp gia-đình mỗi tuần là 80đ. Bắt đầu đứa con thứ ba, 100đ mỗi đứa.

Lúc sinh nở xong, chị Khê mỗi tuần có thể mang đứa trẻ đến bệnh viện để cho bác-sĩ khám, cân, khuyên về chuyện ăn uống v.v... Nếu chị Khê không muốn, hay không có thì giờ mang đứa trẻ đến bệnh-viện hàng tuần, thì ở nhiều nơi, chính-quyền địa-phương có tổ-chức những đội y-tá chia nhau đi viếng thăm từng nhà. Đứa trẻ được chăm nom như vậy từ lúc lọt lòng cho đến 5 tuổi. Trong 5 năm đầu tiên này, nó được ăn sữa, nước cam, dầu mở cá và thuốc có sinh-tố không mất tiền hay phải trả giá rất rẻ.

*
* *

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tai nạn

Sau sự vui mừng của sinh-đẻ, nay chúng ta thí-dụ gia-đình anh Khê gặp phải một chuyện chẳng may. Một hôm, trong lúc làm việc, anh Khê bị một tai nạn và gẫy mất cánh tay. Anh được chở vào nhà thương và phải nghỉ việc trong một thời-gian để điều-dưỡng.

Trong thời-gian này, anh có thể lãnh *phụ-cấp tai-nạn* (Injury Benefit) độ 680đ một tuần. Trong trường-hợp vợ không làm việc và thí-dụ anh có 5 con thì anh sẽ được lãnh cho anh : 680đ

vợ : 250đ

5 con : 260đ

1.180đ mỗi tuần.

Sau khi hồi-phục, nhưng nếu còn bị tật, anh sẽ được một hội-đồng khám và người ta sẽ xét tình-trạng tàn-tật của anh. Nếu bị tàn-tật từ 1% cho đến 19% thì anh sẽ được lãnh một số tiền bồi-thường từ 4.000đ cho đến 45.000đ.

Nếu bị từ 20% cho đến 100% thì anh không được lãnh một số tiền bồi-thường trong một bận, nhưng anh sẽ được lãnh một phụ-cấp hàng tuần, gọi là *phụ-cấp tàn-tật* (Disablement Benefit) cho đến chết. Phụ-cấp này có thể từ 150đ cho đến 700đ mỗi tuần.

Đau - ốm

Nếu anh Khê hay một người trong gia-đình bị đau, họ có thể đi đến bác-sĩ để khám, hoặc nếu đau nặng, họ có thể mời bác-sĩ đến nhà mà không mất tiền. Nếu bệnh nặng phải nằm nhà thương thì họ cũng không tốn kém gì cả. Trong lúc đau ốm, bác-sĩ sẽ cho phải đi mua thuốc. Có thể mang phải đến bất cứ một hiệu thuốc nào. Bất luận thuốc phải mua đắt hay rẻ, một phải thuốc như vậy người mua chỉ phải trả một số tiền nhất định chừng 10 đồng, mà thôi.

Nếu anh Khê đau răng thì anh có thể đến một nha-sĩ trong vùng, khám xét. Khám răng thì không mất tiền. Chữa răng hay bỏ răng giả thì chỉ phải trả một số tiền nhỏ.

Nếu mắt yếu, anh Khê có thể đến cho một bác-sĩ về mắt khám xét và điều-trị không tốn tiền. Nếu cần phải đeo gương thì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

anh Khê cũng có thể mua gương với một giá rất rẻ (độ 1/4 giá thị trường) Kính trẻ con thì được biếu không.

Những sự dễ dàng về thuốc men, bác-sĩ nha-sĩ, v.v. tôi vừa nói trên, không chỉ những người dân Anh mới có quyền hưởng, mà cho đến người ngoại-quốc ở Anh cũng vậy. Miễn là đến ghi tên tại một bác-sĩ ở gần nhà và lảnh một «tấm cát» là được. Tôi nhớ hồi tôi còn ở Anh có gặp vài sinh-viên Pháp, đến dạo nghỉ hè thì rủ nhau sang Anh du-lịch. Tiếng là đi du-lịch mà kỳ thật là sang đấy để chữa răng hay mua kính.

Phụ-cấp đau ốm. Nếu anh Khê đau, anh được lãnh tiền phụ-cấp hàng tuần cho đến lúc anh có thể đi làm việc lại. Trong trường-hợp chị Khê không đi làm việc ngoài và có con phải nuôi nấng, nghĩa là con dưới 18 tuổi, anh Khê có thể lãnh thêm phụ-cấp cho cả vợ và con nữa. Thí-dụ gia-đình anh Khê có 5 con. Trong mỗi tuần đầu, anh được lãnh phụ-cấp như sau :

Phụ-cấp	đau ốm cho anh	400 đồng
—	nuôi vợ	250 đ.
—	nuôi 5 con	250 đ.
		900 đồng mỗi tuần.

Thất nghiệp

Lúc lành mạnh rồi, anh Khê đi làm việc lại. Sau đấy một thời gian cơ-xưởng anh đóng cửa và anh bị thất nghiệp. Trong thời-gian kiếm một việc khác, anh được lảnh *phụ-cấp thất-nghiệp* hàng tuần, số tiền phụ-cấp này tương đương với phụ-cấp đau ốm. Trong trường-hợp anh phải cấp-dưỡng cha hay mẹ già, thì anh lại được lãnh thêm một phụ-cấp là 250 đồng cho một người anh phải cấp - dưỡng

*
* *

Giáo - dục

Sau khi đã xét đến vấn-đề cứu-tế chúng ta hãy nhìn đến một lãnh-vực khác, là lãnh-vực giáo-dục. Trong lãnh-vực này, tôi chỉ nói đến những điểm có liên-can đến sự sinh-hoạt xã-hội của dân-chúng Anh mà thôi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ấu - trĩ - viên. Ở nhiều nơi trong nước Anh, có ấu-trĩ-viên cho những trẻ từ 2 đến 5 tuổi. Nếu chị Khê muốn đi làm việc ngoài, có lẽ chị sẽ gởi con đến ấu-trĩ-viên từ lúc nó lên 2 hay 3 tuổi. Chị chỉ mất công sang lúc đi làm thì mang con đến gởi và chiều lúc thôi việc thì đến lãnh con về.

Ở ấu-trĩ-viên, trẻ em sẽ được những cô giáo trông nom cho ăn cơm trưa, và ngũ trưa. Ngoài ra chương-trình giáo-huấn gồm có những buổi chơi được tổ-chức với mục-đích tập cho trẻ em biết nhận xét, trọng kỷ-luật, phép xã-giao.

Trường Tiểu-học. Nhưng ấu-trĩ-viên không phải là những trường học bắt buộc. Nếu chị Khê có thì giờ nhàn-rỗi, muốn tự mình săn sóc lấy con mình thì chỉ có thể giữ con ở nhà. Nhưng đến 5 tuổi, tất cả các trẻ đều phải đi đến trường. Cha mẹ nào còn giữ con ở nhà lúc nó đã 5 tuổi thì sẽ bị phạt. Tuổi đi học bắt buộc ở Anh là từ 5 đến 15. Như vậy một người dân Anh, nếu không bị tật bệnh hay điên cuồng, thì ít nhất cũng được 10 năm giáo-dục tại trường mà không phải trả một xu học-phí.

Thường thì một trẻ em ở Anh phải học tại trường tiểu-học từ 5 đến 10 tuổi. Ở đây, không những học-sinh được miễn học-phí mà tiền sách vở vật dụng cũng khỏi tốn. Buổi trưa lại được ăn cơm tại trường và uống sữa không mất tiền. Từ cấp tiểu-học, học-sinh được khám sức khỏe thường xuyên.

Trường Trung-học. Đến 10 hay 11 tuổi, trẻ em phải đến học tại một trường trung-học. Lẽ tất nhiên, ở Anh có những trường tư và học trường tư thì phải tốn tiền. Nhưng nếu trẻ em học trường công, thì học-phí và tiền sách được miễn. Vì cấp trung-học bắt buộc nên Chính-phủ có trách-nhiệm phải lập đủ trường cho trẻ em cấp này. Buổi trưa phải ở lại trường ăn cơm trưa, chỉ phải trả một giá rất rẻ, chừng 7 đồng : những học-sinh nghèo thì được miễn trả. Nếu nhà ở xa trường (trên một cây số rưỡi) thì học-sinh được dùng xe trường để đi học, hoặc dùng xe vận tải công cộng mà không mất tiền.

Trường Trung-học có nhiều loại khác nhau. Như ở Pháp, người ta bắt đầu thấy sự cần thiết phải có nhiều loại trường Trung-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

học cho các học-sinh có thiên-bẩm khác nhau. Vì vậy mà mới đây, ngoài những trường trung-học như những trường ở nước ta mà chúng ta đã quen thuộc, nhiều trường trung-học kỹ-thuật được thành lập ở Pháp để bổ-khuyết sự thiếu sót này. Ở Anh nguyên-tắc giáo-dục cấp trung-học phải thích-hợp với sở-trường của học-sinh đã được đa-số chấp-thuận và đã được dùng làm nguyên-tắc căn-bản để tổ-chức những trường trung-học. Ở Anh, những trường trung-học do chính-phủ lập gồm có ba loại chính : loại thứ nhất gồm những trường theo một chương-trình có tính-cách cổ-điển, cũng tương tự như những trường trung-học ở nước ta, hoặc ở Pháp. Một số học-sinh những trường này sẽ tiếp tục học thêm ở cấp Đại-học. Loại thứ hai gồm những trường trung-học kỹ-thuật có mục-đích cho học-sinh một giáo-dục thường thức thêm về kỹ-nghệ, nông-nghiệp, thương-mại. Học-sinh loại trường này có ý dinh-nhập những nghề chuyên-môn ngay sau khi rời trường trung-học. Loại thứ ba gồm những trường trung-học « cận - đại » (Modern Schools), lo sự giáo-dục những trẻ em còn lại, không hợp cho hai loại trường đã kể trên : học-sinh trường này lúc thôi học sẽ kiếm những việc ít cần tài chuyên-môn trong những ngành kỹ-nghệ và thương-mại: như làm thư-ký, đón khách hàng, v. v...

Trẻ con đến tuổi đi học cấp trung-học, nghĩa là vào khoảng 10 hay 11 tuổi, sẽ được lựa chọn cẩn thận để xem nó đáng theo học loại trường nào. Sự lựa chọn sẽ dựa vào :

— một cuộc thi

— chứng chỉ giáo-viên đã dạy nó ở cấp tiểu-học

— ý kiến cha mẹ.

Có nhiều người chỉ-trích qui-tắc giáo-dục này, cho rằng học-sinh phải lựa chọn sớm quá. Trẻ con mới đến 10 hay 11 tuổi mà phải chọn, hay đúng hơn, cha mẹ và giáo-viên phải chọn cho nó, một loại trường trung-học sau này sẽ có ảnh-hưởng lớn cho nghề-nghiệp và tương-lai của nó như vậy, thật là nguy-hiểm.

Sự nguy-hiểm này chính những người ủng-hộ qui-tắc giáo-dục ấy cũng nhận thấy. Nhưng những người công-kích chỉ nghĩ đến lý-thuyết mà quên những sự-kiện của hoàn-cảnh hiện tại đã

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

làm cho quy-tắc giáo-dục này hầu như là không thể tránh khỏi. Sau khi Chính-phủ Anh ban-bố đạo-luật bắt buộc tất cả trẻ con ở Anh phải đi học từ 5 đến 15 tuổi thì số học-sinh cấp trung-học có đến hàng triệu. Trong số này, chỉ có một phần có thể nói là có « khiếu-học ». Còn lại một phần thích một đời sống hoạt động hơn, thích làm việc chân tay hơn là chuyện sách-vở. Họ cũng có khiếu riêng của họ, nhưng khiếu của họ không là khiếu đèn sách Số trẻ em này nếu Chính-phủ không ra lệnh bó buộc phải học cho đến 15 tuổi thì họ đã xếp bút nghiên từ lâu rồi Thành thử, nếu buộc họ phải học thêm thì không thể cho họ cùng học một nơi, cùng hưởng một thứ giáo-dục giống các trẻ em có khiếu học hơn họ. Vì vậy, phải có nhiều loại trường khác nhau cho các trẻ có thiên-bẩm khác nhau, và đó là một nguyên-tắc giáo-dục hợp-lý. Hơn nữa, ở Anh, người ta có phòng chuyện lựa chọn trẻ em sai lầm, bằng cách để ý theo dõi các em trong ngũng năm đầu ở cấp trung-học và nếu thấy một em nào học sai trường thì cho phép đổi trường học.

Gia-đình anh Khê và vấn-đề giáo-dục.

Chúng ta thí dụ anh chị Khê có 5 người con. Người thứ nhất, con trai, thích máy móc hơn là văn chương, lý-thuyết, nên đến 11 tuổi thì xin vào học trường trung-học kỹ-thuật. Và Đến 15 tuổi thì ra trường, vào tập sự tại một xưởng máy để học một kỹ-thuật chuyên-môn

Người con thứ hai, cũng con trai, lại có khiếu học chữ nghĩa hơn anh mình, nên đến tuổi, nó vào học một trường trung-học cổ điển. Tuy là đến 15 tuổi thì có quyền ra trường-phần nhiều học-sinh ở loại trường này học cho đến 16, 17 để thi cho đậu tú tài. Một số học-sinh có bằng tú-tài này, nếu học khá, ith được Chính-phủ trung-ương, Chính-quyền địa-phương, trường học của mình, hay Đại-học, cấp học-bổng để theo học Đại-học hay một trường cao-đẳng kỹ-thuật. Vì có nhiều cơ quan cấp học-bổng như vậy, nên theo tôi biết, độ 80% sinh-viên học, cấp Đại-học đều có học-bổng hoặc một trợ-cấp tài-chánh nào đó.

Người con thứ ba, cũng con trai; không thích chuyện học hành sách vở và cũng không tỏ ra có một sở trường gì cả. Nó là một đứa trẻ mạnh khỏa, thích chạy nhảy, hoạt động ở ngoài

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trời. Đến tuổi học cấp trung-học, người ta sẽ cho nó vào học tại một trường trung-học « *cận-đại* ». Ở đây, ngoài những giờ học luận, học toán sử-địa, v.v... lại có những giờ thực-tập, học rèn, dũa, cuốc đất, chăm nom cây cối và súc vật. Đến năm 15 tuổi, nhà trường sẽ giao-thiệp với một cơ-quan chuyên lo tìm một công-việc cho thích hợp với khả năng của đứa trẻ.

Hai người con cuối cùng của anh chị Khê là con gái. Một người có khiếu học nên vào ban trung-học cổ điển, rồi theo học Đại-học. Người cuối cùng ít có khiếu học hơn chị, vào trường trung-học « *cận-đại* » và đến 15 tuổi thì ra trường, và theo học một trường huấn luyện thư-ký.

Tang tóc.

Nhiều năm tháng đi qua. Đến đây, anh Khê mắc phải một chứng bệnh hay lây, lập-tức người ta chở anh vào một nhà thương đặc-biệt chữa bệnh này. Nhà anh được những người chuyên-môn đến tẩy-trùng. Ở nhà thương, mặc dầu sự tận-tụy của các bác-sĩ, anh Khê từ trần. Đấy là một tai-biến lớn cho gia-đình anh và trong trường-hợp này, vợ và con anh được giúp đỡ những gì ?

Trước hết, chị Khê được lãnh một số tiền trợ-cấp để lo việc tống-táng cho anh chừng 400 $. Ngoài số tiền này, chị lại được lãnh một *phụ-cấp quả-phụ* (widow's allowance) hằng tuần vào lối 550 $ Chị được lãnh phụ-cấp này trong 13 tuần (550 X 13 = 7150 $). Nếu chị có con dưới 18 tuổi thì mỗi đứa cũng được lãnh *phụ-cấp cô-nhi* hằng tuần. Nếu có 5 đứa, thì số tiền hằng tuần sẽ lãnh được vào lối 500 đ. Phụ-cấp này cũng được lãnh trong 13 tuần (500 X 13 = 6500 đ) Tổng-cộng tất-cả các số tiền được giúp đỡ trong 13 tuần đầu sau khi anh Khê mất là :

4000 đ (tống tán)
+ 7150 đ (quả-phụ)
6500 đ (cô-nhi)
17.650 đ

Chị Khê được lãnh các số tiền trên trong 13 tuần. Sau đấy, chị được lãnh một số tiền *phụ-cấp cô-nhi quả-phụ* (Widowed mother's

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

allowance) vào lối 900 đ mỗi tuần cho đến khi tất cả các con chị được 18 tuổi.

Lúc tất cả các con của chị được khôn lớn rồi, nghĩa là đã được 18 tuổi, mà nếu chị dưới 40 tuổi thì chị không còn được phụ cấp nào nữa. Nhưng nếu quá 40 tuổi thì chị được lãnh tiền *tuất-dưỡng quả-phụ* (Widow's pension) mỗi tuần là 400 đ cho đến 60 tuổi. Đến 60 tuổi, tất cả đàn bà ở Anh được lãnh hưu, mỗi tuần là 400 đ.

Sự trà-trộn các giai-cấp ở Anh

Thời gian lại qua, các con chị Khê khôn lớn và kiếm được công ăn việc làm, mỗi đứa một nghề tùy theo sở-thích và giáo-dục mình đã được hưởng-thụ. Gia-đình chị Khê tiêu-biểu một phần nào cho sự trà-trộn về nghề nghiệp và giai-cấp của xã-hội Anh bây giờ. Người con trai cả của chị trở nên một chuyên-viên máy móc thiện-nghệ. Người con trai thứ-nhì, sau khi ở Đại-Học ra, thi vào ngạch công-chức. Người con thứ ba thích-đời sống ngoài trời và cũng vì học hành ít nên làm thợ nông, chuyên lái xe trắc-tơ trong một đồn-điền. Người con thứ tư, con gái, ở Đại-Học ra, được huấn-luyện và trở nên một nữ giáo-viên tại một trường trung-học. Người con gái cuối cùng học làm thư-ký và sau đấy làm cho một hãng buôn.

Các quỹ cứu-tế

Tôi đã theo dõi những sự biến đổi của một gia-đình hạ-lưu ở Anh, trong những ngày sáng sủa cũng như những lúc đen tối của họ. Đây là một gia-đình trung-bình, không quá may mắn cũng không quá rủi ro. Vì chúng ta phải công-nhận rằng một tổ-chức xã-hội có hoàn-bị đến đâu cũng không-thể đào-thải tất cả các sự rủi ro tai nạn của cuộc sống, và ở Anh, có nhiều gia-đình cũng hạ-lưu nhưng được may mắn hơn gia-đình anh Khê nhiều và cũng có nhiều gia-đình rủi ro hơn. Và cũng vì tôi muốn đưa ra nhiều thí-dụ cụ-thể nên tôi đã lựa một gia-đình khá đông đúc, một gia-đình có 5 con.

Quý-vị đã nghe tôi nói nhiều về những quyền-lợi, những phụ-cấp, những số tiền bồi thường, tuất-dưỡng, dân chúng Anh

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

được hưởng. Có lẽ quý-vị cho nước Anh là một nước thiên-đàng, vì dân chúng ở đấy được hưởng nhiều mà không phải đóng góp gì cả. Và nhiều vị sẽ tự-hỏi Chính-phủ Anh lấy tiền đâu mà đài thọ các khoản chi-phí khổng-lồ nói trên. Tôi xin vội trả lời là dân chúng Anh được giúp-đỡ nhiều trong lúc gặp sự khó khăn hay tai-ương, nhưng họ cũng phải đóng góp rất nhiều trong lúc họ mạnh khỏe làm ăn được. Để đài-thọ các khoản chi-phí trong công-cuộc cải-thiện xã-hội, Chính-phủ Anh lập ra ba quỹ : 1) Quỹ Bảo-hiểm xã-hội, 2) Quỹ Y-tế, 3) Quỹ Tai-nạn. Mỗi tuần, tất cả dân chúng Anh có công ăn việc làm phải đóng vào mỗi quỹ nói trên. Cọng tất cả các số tiền đóng vào 3 quỹ thì mỗi người phải góp chừng 60 đ mỗi tuần. Như vậy mỗi năm sẽ là 3.120 đ Chủ phải nộp cho mỗi người làm việc cho mình một số tiền tương-đương (60đ) và chính-phủ góp giúp cho mỗi người là 20 đ. Tổng-cọng số tiền được nộp vào ba quỹ nói trên cho những người có việc làm là hơn 7 ngàn đồng một năm. Đến lúc một người gặp tật bệnh, thất nghiệp, v. v. thì được một trong ba quỹ nói trên giúp-đỡ.

Các thứ thuế.

Nhưng nếu chỉ trông vào sự đóng góp này mà thôi thì cũng chưa đủ. Một phần cũng nhờ ở thuế má nữa. Có hai thứ thuế chính là thuế gián-thu và thuế trực-thu.

Thuế gián-thu : thuế đánh vào hàng hóa. Thí-dụ — mua một viên xà-phòng hay một vé xem chớp bóng là 30 đ thì trong số này có 3 đ thuế cho Chính-phủ, nhưng 3 đ đối với một người lao-công thì khác với 3 đ đối với một ông Chủ-sự. Vì vậy mà có nhiều người chỉ-trích thứ thuế gián-thu này, cho rằng phần chính của lợi-tức Chính-phủ phải dựa vào một thứ thuế công-bình hơn, nghĩa là người giàu phải trả nhiều hơn kẻ nghèo.

Thuế trực-thu : Vì vậy mới có một thứ thuế trực-thu, gọi là *thuế lợi-tức*. Theo thể-lệ đóng góp ở Anh, người nào có lợi-tức hằng năm dưới một số nào đó thì được miễn thứ thuế này. Thí-dụ, vào năm 1950, một người lãnh dưới 27 ngàn đồng một năm thì khỏi trả thuế. Trên số tiền này một phần nào thì được

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

miễn một phần thuế. Cho nên, chỉ một số người khá giàu có mới phải trả toàn-phần thuế lợi-tức.

Nhưng ngoài thuế lợi-tức thường này lại có một thuế khác, gọi là *thuế lũy-tiến về lợi-tức* (Graduated Income-tax). Thí-dụ, Chính-phủ định rằng một người dân Anh không nên làm ra quá 400 ngàn đồng một năm. Người nào làm ra trên 400 ngàn đồng thì mỗi Anh-kim trên số ấy, Chính-phủ lấy hết 97%. Thí-dụ, một người trong một năm làm ra 500 ngàn đồng. Trong 400 ngàn đồng đầu, họ phải trả thuế lợi-tức thường. Còn trong 100 ngàn sau, Chính-phủ xin đi hết 97 ngàn, chỉ còn lại 3 ngàn cho người làm ra.

Vì vậy mà lẽ tất nhiên hạng làm ra tiền ở Anh ta thán về cách đánh thuế này lắm. Kết-quả của sự đánh thuế này là ở Anh còn lại rất ít người có thể nói là thật giàu có. Vào năm 1949, tổng cọng cả nước Anh chỉ còn 5.349 người với lợi-tức hàng năm trên 800 ngàn sau khi trả thuế xong. Những người với lợi-tức trên một triệu hai thì chỉ còn vỏn vẹn 85 người (85 người trên một dân số 50 triệu người; và nên nhớ là nước Anh vào đầu thế-kỷ này là một nước kỷ-nghệ cường-thịnh đứng đầu thế-giới).

Có lẽ bây giờ quí-vị đã thấy rõ vì sao ở Anh dân chúng được hưởng nhiều quyền-lợi vật-chất như thế. So sánh với các nước khác ở miền Tây-Âu, thì người dân Anh là người chịu thuế nặng nhất, trừ người dân Nam-tư ra.

Kết-luận

Vấn-đề tôi trình-bày hôm nay cùng quý-vị là một vấn-đề phức-tạp và rộng lớn. Tôi đã cố gắng giản-dị-hóa, không bàn đến nhiều phương-diện quan-trọng, nhưng khô khan. Hơn nữa, trong khuôn khổ của một buổi nói chuyện trong một tiếng đồng hồ, khó mà quan-sát vấn-đề cho chu tất. Trong số quý vị thính-giả có mặt hôm nay, chắc cũng có nhiều vị đã du-lịch ở Anh quốc, đã ở đấy trong một thời-gian. Chắc quý vị cũng không khỏi trách tôi đã bỏ sót không nói đến tổ-chức này hay tổ-chức kia. Thí-dụ, ít người đã qua Anh mà không khỏi khen ngợi cách tổ-chức rất hoàn-bị những thư-viện công cộng của nước này, hoặc cách tổ-chức những lớp học ban đêm với một trình-độ học-vấn rất cao. Những tổ-chức

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

này cùng nhiều tổ-chức khác nữa, tôi phải xin quý vị miễn cho vì đã hết giờ rồi.

Trước khi kết thúc buổi nói chuyện này, tôi xin nhắc lại rằng nước Anh lẽ cố nhiên, không thể tự hào là nước độc nhất ở hoàn-cầu đã nghĩ đến những công cuộc cải-thiện xã-hội. Pháp-chế ở Anh về bảo-hiểm xã-hội, một phần lớn, dựa trên pháp-chế đã được thông qua tại Đức từ dưới thời Bismarck. Và hiện nay trong nhiều nước Tây-Âu, công cuộc cải-thiện xã-hội bành-trướng rất mạnh-mẽ. Trong vài phương-diện, chúng ta có thể nói rằng Anh-quốc còn thua kém họ và còn phải học hỏi họ nhiều, (mấy nước ở miền Bắc Âu-châu, như Thụy-điển, Đan-mạch, Na-Uy). Không gì ở Âu-châu mà thôi, ở Mỹ, phong trào tân-cải (New deal) do Tổng-thống Roosevelt đề-xướng cũng bành-trướng rất nhanh chóng. Nếu chúng ta muốn lấy thí dụ một nước nhỏ, thì ngay nước Tân-Tây-Lan (New Zealand) mới đây đã hoàn-thành một cơ-cấu cải-thiện xã-hội có thể nói là hoàn-bị nhất thế-giới.

Nhưng mục-đích buổi nói chuyện hôm nay không phải là để so sánh công cuộc cải-thiện nước này với nước kia, xem ai hơn ai kém. Tôi chỉ có ý trình bày cùng quý vị những cố gắng của một chính-phủ và dân chúng trong vấn-đề quan trọng này và những kết-quả họ đã thu lượm được, hầu mong chúng ta có thể rút một vài kinh-nghiệm cho công cuộc cải-tổ và kiến-thiết tại nước nhà.

LÊ - THANH - CHÂU

T. C. Trên đây là nội-dung buổi nói chuyện của giáo-sư Lê-Thanh-Châu mà chúng tôi đã để đăng nguyên văn. Xin các bạn độc-giả hiểu cho.

L. T. S.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

VẤN-ĐỀ TRƯỜNG Y-KHOA

TRONG ĐẠI-HỌC HUẾ

TÒA Viện-Trưởng Đại-Học Huế đã ghi vào chương-trình thiết-lập trong những năm tới một trường Y-khoa ở Huế.

Một Viện Đại-Học đã được thành-lập tất nhiên phải lo liệu lần lượt có đủ tất cả các bộ môn mà mỗi Đại-học có thể có.

Nhưng bao giờ mới thực-hiện được ? Đó mới thật là vấn-đề, và đó là cả vấn-đề.

Từ dự định đến thực-hiện biết bao nhiêu khó khăn ?

Trước hết : thầy đâu ? Nhất là *Thầy giỏi đâu* ?

Nghĩ lại trước đây 15 năm, tại Trường Y-Khoa Đại-học Hà-Nội trong một thời-gian vài chục năm, hỏ dễ có mấy « *thầy giỏi* » đâu ? Và cũng đã đào-tạo được khá nhiều bác sĩ. Nói xưa khác nay khác chỉ là muốn trốn vấn-đề thôi.

Thật ra, tình-trạng của nước ta bây giờ cần phải có rất nhiều thầy thuốc ; và bác-sĩ không thể là những con « *chim hiếm có* » được.

Làm thuốc, dạy làm thuốc không thể là một « *thứ độc quyền* » nữa. Và hơn nữa, một trường học tốt nếu cần thầy giỏi, lại cần hơn ở tình-trạng hiện nay, những thầy muốn dạy, ưa dạy, thích đào-tạo những học trò hiểu biết, đem hết tâm trí để truyền học-lực của mình.

Đặt vấn đề « *Thầy* » là vấn-đề lựa chọn cá-nhân, lựa chọn khả-năng, là một vấn-đề rất phức tạp và rất « *đụng chạm* » đến tự ái của từng người. Nhưng nói đúng ra, chọn « *Thầy* » lại vấp phải vấn-đề chuyên-ngữ : Thầy dạy tiếng Pháp tương đối dễ kiếm, chứ thầy dạy Việt-ngữ thật không có ; y-khoa sao đủ danh từ mà dạy ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vấn-đề không phải là vì tiếng Việt không đủ khả-năng. Gương của các bộ môn khác đã chứng tỏ tiếng Việt có thiếu đâu? Đó là chưa kể gương các nước ngoài, nhất là Trung-Hoa chẳng hạn.

Sự khó cho ta là người hiểu y-khoa lại ít thạo tiếng Việt, mà người giỏi Hán-Việt, không lột được ý-nghĩa của danh từ y-khoa

Dầu sao đó cũng không phải là vấn-đề không giải-quyết được.

Ngoài ra, sinh-viên cần biết một vài ngoại ngữ (như gương Nhật-bản) và nếu căn-bản giáo-huấn dùng Việt-ngữ, ta có thể có những giáo-sư ngoại quốc danh tiếng giúp đỡ. Như vậy, có lẽ vấn-đề thầy không phải là khó.

Hơn nữa, trong lúc tại cấp Trung học, chuyển ngữ là Việt-ngữ, thì không lý gì ở Đại-học lại khư khư giữ ngoại ngữ làm chuyển ngữ. Hơn nữa, bậc đàn anh sẽ có lỗi lớn với đàn em, với tương-lai tổ-quốc, nếu không gắng đi cho kịp với tiến hóa chung.

Thật ra thực-hiện một trường thuốc trong khuôn khổ Viện Đại-học Huế có những trở ngại lớn lao về tổ-chức bệnh-viện, tổ-chức các phòng Thí-nghiệm (giải-phẫu, sinh-lý, vi-trùng-học, sinh-hóa-học v.v...) và phải hướng sự giảng dạy đến sự tìm tòi, khảo-cứu.

Điều-kiện ấy muốn giải-quyết lẽ cố nhiên phải có người chuyên-môn đủ khả-năng, phải có một Tòa Viện-Trưởng thông-cảm, và nhất là có *đủ tiền*.

Một vấn-đề then - chốt cần phải nêu ra nữa là vấn-đề chương-trình học y-khoa.

Bên Pháp hiện nay đang sôi nổi về vấn-đề ấy. Ở bên ta cũng đã thấy bàn rồi, nhưng không thấy chính thức công bố.

Chúng tôi thiển nghĩ, vấn-đề cải thiện chương-trình y-khoa nên được chính thức đặt ra, nhà hữu-trách phải đưa ý-kiến rành mạch, giới bác-sĩ phải tham-gia tích-cực để giải-quyết vấn-đề tối quan trọng thiếu thầy thiếu thuốc của nước nhà.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hơn nữa chúng tôi cần thấy phải có một chương-trình thích hợp cho dân-tộc ta, ở trình-độ và tình-trạng hiện nay, và chúng tôi rất mong rằng chương-trình sẽ có tính cách Việt hơn là bị chi phối bởi các áp lực ngoại lai.

*
* *

Theo thiển ý, và để đưa ra vài vấn-đề thảo-luận, không mong đem hết tất cả các chi tiết ra, tôi xin nêu ít ý-kiến : năm P.C.B. hiện nay cần phải thêm *tâm-lý-học* và *ngoại ngữ*, và ít toán-học.

Cần nhất là khi lên học y-khoa phải hiểu ngoại-ngữ (Anh hay Pháp) để nếu có giáo-sư ngoại quốc, sinh-viên hiểu được. Như vậy, nếu chuyên ngữ là Việt, sinh-viên phải gắng biết ít nhất một ngoại ngữ để học thêm với thầy và để khảo-cứu thêm ở các sách hiện giờ viết bằng ngoại ngữ.

Về thời hạn học của chương-trình thuốc, sẽ chia ra làm ba : 2 năm về khoa-học y-khoa, và bệnh-lý lâm-sàng. Có lẽ sau 2 năm này cần chú ý đến đức-hạnh của sinh-viên, cho nên kỳ thi cuối năm thứ 2 là một kỳ thi chọn lọc. Khảo lại học-vấn và đức-hạnh để cho được tiếp-tục hay không.

2 năm sau học bệnh-lý và các môn y-khoa khác. Tất cả lý-thuyết về y-khoa đều học hết trong 2 năm này. Chú ý nhất là *sự thực-hành ở bệnh-viện*.

Hai năm chót sẽ là 2 năm nội trú tại Bệnh-viện ; trong năm thứ 6, trong một thời-gian ngắn, vì nhu-cầu cho nước nhà, có thể cho tập-sự ở các bệnh-viện tỉnh.

Nên có một thời-gian học hỏi và tập sự về Y-tế thôn quê. Trong 2 năm chót không có lý-thuyết.

Sinh-viên cần phải thực tập ở Bệnh-viện ngay từ năm đầu, và mỗi năm sẽ có kỳ thi lục-cá-nguyệt, đủ điểm 2 kỳ sẽ lên lớp, nhưng cần nhất là điểm thực-tập ở Bệnh-viện, ở phòng thí-nghiệm, và về đức-hạnh.

Lẽ cố nhiên năm thứ 6 sẽ có kỳ thi y-khoa lâm sàng và sẽ có luận án.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Văn bằng y-khoa bác-sĩ phải duy-nhất và bắt buộc phải có để hành nghề thuốc tại Việt-Nam. Như vậy muốn hành nghề đông-y, sau một thời-gian chuyển tiếp, sẽ phải có văn bằng y-khoa bác-sĩ của Đại-Học Việt-Nam, như vậy Đông-y sẽ được nghiên-cứu tại y-khoa Đại-học Việt-Nam. Y-khoa chỉ là một, và Y-sĩ tốt nghiệp sẽ có quyền xử dụng Đông-y hay Tây-y, hay y-khoa hỗn hợp.

Y-sĩ học ở Đại-học ra đủ 7 năm để chữa bệnh cho đủ bảo-đảm tính mệnh bệnh-nhân một phần nào, thì các y-sĩ muốn hành nghề đông-y cũng phải có một thời-gian học, một căn-bản học vấn chuyên-môn về khoa-học để bảo-đảm công việc của mình. Đó là một lẽ công bằng.

Lẽ cố nhiên các bằng chuyên-môn sẽ được tổ-chức, và nhất là cần tổ-chức cho được một Viện Khảo-cứu Y-khoa Việt-Nam, đó là phương-tiện duy-nhất để đào-tạo giáo-sư tương lai.

Một điều cần cho Y-khoa phát-triển được dễ dàng là các bệnh-xá, các bệnh-viện thực-tập cho sinh-viên phải thuộc quyền của Y-khoa Đại-học, nghĩa là trực thuộc Bộ Quốc-gia Giáo dục (hay Viện Đại-học) ; điều-kiện ấy sẽ là một lý-do cho sự phát-triển mạnh mẽ của Y-khoa.

Để tóm lại, chúng tôi chỉ nêu ra vài vấn-đề làm căn-bản cho một sự thảo luận về sự cải-thiện chương-trình y-khoa hiện nay, và để nhấn mạnh sự cần thiết thành-lập tại Huế một Trường Y-khoa.

LÊ - KHẮC - QUYẾN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHIỆM-VỤ CỦA SINH-VIÊN
ĐỐI VỚI TƯƠNG-LAI TỔ-QUỐC

L T S. — Nhân dịp qua Huế, Giáo-sư Bửu-Hội đã có nhã-ý tiếp xúc với giới sinh-viên học-sinh nhà. Dưới đây là nội-dung buổi nói chuyện chiều 26-3-58 tại Đại Giảng-đường Viện Đại-Học Huế.

Kính thưa Linh-Mục Viện-Trưởng,
Kính thưa Ông Tỉnh-Trưởng,
Kính thưa Các Bạn,

HÔM nay được đến đây để lên tiếng giữa Giảng-đường này của Viện Đại-Học Huế, tôi thật vô cùng vinh-dự, một vinh-dự đầy cảm-khái.

Thật vậy, trên hai mươi năm nay, tôi đã được dịp may đi đây đi đó đem công việc khảo cứu của mình trình bày cùng học-giả Đông Tây. Song chẳng qua đó cũng là một công việc hằng ngày của nghề-nghiệp.

Hôm nay, về nơi Cố-Đô là quê nhà của tôi, được vị Linh-Mục Viện-Trưởng có nhã-ý tổ-chức buổi nói chuyện này, tôi bước chân lên Giảng-đường thấy trong người hân-hoan khoan-khoái khác thường, một mối cảm-khích tận tâm-hồn của người con đất nước trở về nơi cố-hương. Tôi xin thành thực cám ơn Linh-Mục Viện-Trưởng cùng quý vị Giáo-sư Viện Đại-Học Huế đã cho một kẻ quen thói phiêu-lưu đây đó cái giây phút vô cùng cảm-động này.

Chốn Cố-Đô, tuy ngày nay mới có được một Viện Đại-Học xứng đáng, song sông Hương, núi Ngự là nơi đã sản xuất biết bao

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bực tài hoa lỗi lạc, biết bao bực anh-hùng mà NGÔ TỔNG - THỐNG Vị Lảnh-Đạo Tối Cao của Chính-Thể Cọng-Hòa ngày nay là một

Tôi nói thế không phải chỉ để khoe khoang cố-thổ. Nhưng tôi tưởng chốn Hương-Bình thanh-tú nầy chẳng những là nơi chôn nhau cắt rốn của nhiều bậc anh tài mà lại cũng là nơi giao tiếp Nam Bắc, nơi gặp gỡ của các trào-lưu tư-tưởng, nơi trung tâm của nền văn-hóa nước nhà vậy.

Thiết lập một Viện Đại-Học tại một địa-điểm thích hợp như thế thật là một sáng-kiến thiết thực, đã đáp ứng mạnh mẽ nhu-cầu của giới thanh-niên hiếu học, mà ngày trước đã phải bôn-tẩu phương-xa tìm nơi học hỏi.

Tuy rằng mới thành lập, nhưng tôi thấy Viện Đại-Học Huế đã thu hoạch được nhiều kết-quả bảo đảm cho nhiều hứa hẹn sau nầy.

Nhả-ý của Linh-Mục Viện-Trưởng tổ-chức buổi nói chuyện này, theo ý tôi đã tỏ rỏ ý muốn của Linh-Mục nhấn mạnh mối giây liên-hệ giữa thế-hệ sinh-viên ngày trước và các bạn sinh-viên ngày nay.

Linh-Mục CAO - VĂN - LUẬN không những là một nhà đạo-đức, mà còn là một học-giả thâm-uyên đã ra công tham-khảo văn-hóa Đông-Tây, để dung hòa với giá-trị tinh-thần truyền thống của văn-hóa nước nhà, góp phần xây dựng một nền học-vấn thích xứng với dân-tộc-tánh của ta.

Trong các vị Giáo-sư cọng-tác với ông Viện-Trưởng mà tôi được hân hạnh gặp gỡ hôm nay, tôi mừng thấy nhiều vị đã có thành tích học-vấn, ông LÊ - THÀNH - CHÂU và Phu-nhân mà tôi đã được cùng trao đổi ý kiến, ngày còn ở hải ngoại.

Các bạn sinh-viên Viện Đại-Học Huế được cái may mắn làm môn-đệ của một vị Viện-Trưởng uẩn-súc, của một ban Giáo-sư chuyên nghiệp như thế, tôi tin chắc các bạn sẽ thừa hưởng được những tài đức ấy trong việc trau giồi kiến-thức, để sau này nối gót các bậc đàn anh mà xây dựng Tổ-quốc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Các bạn sinh-viên,

Ngày thường ở Giảng-đường trang nghiêm này, các bạn hằng nghe những lời diễn-thuyết cao siêu.

Nhưng hôm nay, câu chuyện của tôi sẽ trình bày lại không phải một đề-tài để giảng giải, mà chỉ là những lời thân ái tự cõi lòng để nhắn nhủ cùng các bạn về một quan-điểm chung cho tất cả thanh-niên nước nhà.

Hôm nay tôi xin đề cập với các bạn vấn đề : « NHIỆM-VỤ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI TƯƠNG-LAI TỔ-QUỐC ».

Tuy đó là một đầu đề đã được nhiều bậc đàn anh nghiên-cứu đến, song tôi thiết nghĩ, hôm nay nêu lại vấn đề này để chúng ta cùng nhau suy nghiệm cũng không phải là một việc làm vô ích vậy.

Trước hết, tôi muốn cùng quý bạn ngược dòng thời gian, để so sánh hoàn cảnh của hai thế hệ học sinh ngày trước và ngày nay.

Khi nói đến thế-hệ của sinh-viên ngày trước và sinh-viên ngày nay, chúng ta có thể không chút ngại-ngùng nói rằng, hai thế-hệ đó là hai thái-cực vậy.

Thật thế sinh-viên ngày xưa gặp phải những hoàn-cảnh khó-khăn phiền-phức vô cùng.

Sinh-viên ngày trước đã gặp không biết bao nhiêu là trở-ngại trên con đường học-vấn, như chính-sách thuộc địa hạn chế sự xuất dương du học là một. Vẫn biết mặc dầu tại Hanoi cũng có một Đại-Học-đường, song đó chỉ là một nền cao học, cốt để tuyển chọn công chức, chứ không phải để đào tạo anh tài xây dựng tổ quốc sau nầy.

Ngày nay, nền học vấn của các bạn chẳng những đã khỏi bị kềm chế mà còn được sự ân cần săn sóc của Chánh-phủ cũng như sự thành tâm khích lệ của các bậc đàn anh trong giới trí thức.

Ngày nay trong nền văn-hóa, chúng ta được tự-do sưu tầm

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

từ Lịch-sử Văn-chương nước nhà cho đến tất cả các tác phẩm Đông-Tây Kim-Cổ

Về điểm nầy tôi xin nhắc nhở một vấn-đề không kém phần quan trọng cho nền văn-hóa nước ta:

Riêng ở đất Cố-Đô này, và chung ở toàn cõi Việt-Nam đã nẩy nở được rất nhiều áng văn thơ tuyệt tác, nhưng ngày trước vì không được sự khuyến-khích, hoặc vì một chế-độ thuộc địa kiềm duyệt khe-khắt đã bị mai một trong quên lãng.

Nhắc đến không khỏi băn-khoăn mến-tiếc. Song may thay các bạn mà ngày hôm nay tôi được hân-hạnh gặp gỡ tại Giảng đường này, ngày mai sẽ là những bậc anh tài văn-khoa, yêu chuộng văn-hóa. Tôi mong rằng các bạn không quên những tác phẩm tuyệt diệu ấy.

Các bạn sẽ cảm thấy có bổn phận phải sưu tầm và phổ biến rộng rải những cái tinh hoa bị lảng quên ấy, cũng như các bạn sẽ đề cao các tác-giả đã có công làm giàu thêm kho-tàng văn chương nước nhà.

Trước-tác và phổ-thông văn-chương tân-cựu là một việc quan trọng, các bạn phải lưu tâm và cố-gắng, nhưng dịch thuật cũng không phải là một việc các bạn có thể sao-nhãng được.

Các bạn hẳn còn có bổn phận dịch-thuật các tác-phẩm có giá-trị ngoại quốc, để cho Quốc-dân ai ai cũng có thể thưởng thức những tư tưởng cao-siêu và mới lạ của nước người.

Được như vậy, công trình của các bạn đối với nền văn-hóa nước nhà không phải là nhỏ vậy.

Ngày trước mỗi du-học-sinh, ngoài việc trau-dồi trí-thức, còn phải tượng-trưng một phần nào tinh-thần đất nước. Không ai quên được chí-khí quật-cường và lòng ái quốc của du học-sinh ta tại Pháp. Trong hồi Pháp thuộc mỗi khi có dịp, du-học-sinh ta không ngần ngại phô bày ý chí bất-khuất của dân tộc, như quyết liệt phản đối vụ hành-hình các liệt-sĩ Yên-Báy và bao phen biểu tình chống chánh sách thực-dân. Lẽ tất nhiên mỗi lần như vậy là một tai ách cho du-học-sinh, nó làm trở ngại việc học tập nhiều lắm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tôi nhắc lại cảnh tình này để cho các bạn thấy rằng sinh viên ngày nay được nhiều điều kiện thuận tiện hơn để phát triển toàn vẹn tài năng.

Đó là nhờ ở ý chí quật cường của Dân-tộc đã gian lao tranh đấu đem lại Độc-lập Tự-do cho nước nhà.

Ngày nay, dưới sự lãnh đạo tận tâm của Ngô-Tổng-Thống, các bạn được vững-chí và có đầy đủ thì giờ để tiến-bước trên con đường học-hỏi, tôi mong mỏi rằng nhất-cử nhất-động của các bạn, sẽ xứng đáng với sự hy-sinh lớn-lao và lòng trìu-mến vô-biên của các bậc tiền-bối ngày xưa, và sự chờ đợi của quê-hương cũng như niềm hãnh-diện của Chánh-thể hiện tại.

Tôi được thông cảm về nỗi lo-âu của Linh-Mục Viện-Trưởng về sự thiếu-thốn một vài điều-kiện về vật-chất và về nhân-viên giáo-khoa, để Viện Đại-Học Huế được hoàn-bị và để các bạn sinh viên được hưởng một chương-trình học tập rộng lớn hơn, nhất là về Khoa-học và Y học.

Tôi tưởng những dụng-cụ giáo-khoa còn thiếu sẽ dần dần được bổ-túc nhờ sự săn-sóc của Chính-phủ.

Vấn-đề tuyển-mộ Giáo-sư Đại-Học, ắt là khó hơn. Riêng phần tôi, khi trở ra ngoại-quốc tôi sẽ không bỏ qua một dịp nào hô-hào, khuyên-nhủ các nhà du-học đã thành tài trở về tiếp tay quý-vị đàn anh, để kiện toàn sự phát triển của Viện Đại-Học nầy.

Các bạn sinh-viên,

Có cái vinh-dự ngồi học giữa Giảng đường này, các bạn đều là sinh-viên Đại-Học. Các bạn đã trải qua thời-kỳ học-tập của học-sinh cấp dưới, mà đang theo đổi một lối học-hỏi để trở thành bậc thầy của thanh-niên ngày mai.

Học-vấn của các bạn phải là thâm-uyên hơn, bao la hơn. Từ đây, các bạn cũng như chúng tôi sẽ phải học-hỏi luôn luôn, học-hỏi suốt đời mà không ngừng một thời khắc nào. Tôi muốn ngỏ một vài ý-kiến riêng của tôi về lối học-hỏi nầy với các bạn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Muốn thâu hoạch được nhiều kết-quả, các bạn nên lưu ý đến lề lối học-tập, bởi vì theo ý tôi, học-tập mà thiếu phương-pháp, chẳng những kém phần bổ ích mà lại còn có khi đem lại lầm lạc. Công-trình học hỏi cần phải liên-tục. Có người nghĩ rằng một khi thi đậu ở nhà trường, đi ra gánh vác công việc xã-hội là giai đoạn học tập đã chấm dứt. Tôi tưởng đó là một quan-niệm sai lầm, vì khi ta càng học-hỏi nhiều, khi kiến-thức ta càng mở mang, thì ta lại càng thấy biển học là mênh-mông và sự hiểu biết của con người đang còn ít ỏi lắm. Và khi ta càng đi sâu vào trong biển học vô-biên, ta lại càng thấy say mê tìm tòi cho có lối đi sâu thêm vào nữa.

Hơn nữa, dầu ta hiểu biết được sâu rộng đến đâu, ta cũng còn phải luôn luôn trau dồi nhân-cách của chúng ta, mà trau dồi nhân-cách cũng không phải ở ngoài phạm-vi học-vấn.

Cho nên sự hiểu biết phải được xây dựng trên một nền đạo đức vững chắc, hay là nói một cách khác, việc mở mang kiến-thức và việc trau dồi nhân-phẩm, phải đi đôi với nhau và phải bổ túc cho nhau. Học được như vậy, dầu đến già đời cũng chưa gọi là hoàn-toàn được.

Có như vậy, chúng ta mới mong có tư-cách để hướng dẫn đồng bào trên con đường tự-do hạnh-phúc, để góp một phần nào vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Độc-lập Hòa-bình đất nước.

Có như vậy chúng ta mới có thể đề cao những khả năng của nòi giống để tranh thủ một địa-vị vinh-quang cho Tổ-quốc trên trường Quốc-tế được.

Và bởi vậy, trách-nhiệm của các bạn ngày nay đối với quốc-gia xã-hội, nặng nề hơn trước, vì chúng ta không thể đổ lỗi cho một chế-độ thực-dân nào chi-phối chúng ta nữa, nền độc-lập đã thâu hồi và sự tự do học hỏi đã toàn vẹn.

Cách đây không lâu, nhân được chính phủ đề cử trong phái đoàn Việt Nam thân hữu thăm viếng chánh-thức nước Cộng-Hòa Tunisie, tôi đã được dịp nói chuyện với thanh-niên quốc gia của Đảng Néo-Destour về các vấn đề có nhiều điểm phù hợp với nhiệm vụ của thanh-niên nước nhà. Tôi đã nói :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhiệm-vụ thanh-niên của các nước Phi-Á mới được giải-phóng, có thể ví với nhiệm-vụ của một hỏa-tiễn để phóng một vệ-tinh lên đường quỹ-đạo của nó. Vệ-tinh đó là ảnh-hưởng của nước nhà trên trường quốc-tế. Muốn cho vệ-tinh nầy lên thẳng đích, thì phải dùng một hỏa-tiễn có ba tầng. Tầng thứ nhất áp dụng lòng phấn khởi tranh-thủ Độc lập của Dân-tộc, nếu thiếu sức lực nầy thì không có một việc gì thành công. Và cũng do sức nầy đưa đến tầng thứ hai của hỏa-tiễn. Tầng thứ hai nầy đảm nhiệm bởi các nhà trí-thức, khoa học và chuyên môn, khảo cứu đến các vấn đề liên quan ngay đến sự sống hằng ngày của nhân-dân, thí-dụ như vấn-đề vệ sinh, y-tế, y-dược, canh-nông, tăng-gia sản-xuất, vân vân ... Đeo đuổi khảo-cứu các vấn-đề thực tế này chúng ta không thể hoàn toàn ỷ lại ở kinh-nghiệm của nền khoa-học quốc-tế được, vì mỗi vấn-đề còn có tính cách địa-phương của nó. Thí-dụ khi nghiên-cứu về mặt y-học, chúng ta thấy rằng bệnh phung hủi đã gần như tiệt hẳn ở các nước tân-tiến, song ở nước ta dưới một khí hậu nhiệt đới, nạn ấy vẫn còn dai dẳng. Sau một cuộc thí-nghiệm gần hai mươi năm ở viện thí-nghiệm, chúng tôi đã may mắn thâu lượm được một vài kết-quả khả-quan, chế được một vài dược phẩm hiện nay trị được chứng bệnh ấy. Một thí-dụ khác nữa không kém phần quan trọng là lúc sau nầy ở Việt-Nam phát hiện một thứ bệnh đau gan vì đối với ta, trong thân-thể quá nhiều chất sắc, mà bịnh nầy bên Âu Mỹ ít người mắc phải. Hiện nay chúng tôi cũng đang tìm kiếm những phương pháp hiệu nghiệm để điều trị chứng bệnh nầy.

Nhiều vấn-đề mới đầu thấy khó khăn, nhưng để tâm nghiên-cứu cũng sẽ giải-quyết được phần nào.

Bước đầu, chúng ta chịu khó hoạt động trong khuôn khổ địa-phương như vậy, mới có thể chắc chắn rằng mỗi một nấc chúng ta tiến lên thì đời sống và hạnh phúc của Dân-tộc mới theo đó mà tiến lên được một phần nào. Hoạt-động như vậy mới dám mong Dân-tộc tin-tưởng được một phần nào ở hạng trí thức và mới có thể chuyền được tầng thứ ba của hỏa-tiễn. Tầng thứ ba ấy có thể ví với sự hoạt động của thế-hệ học sinh mai sau, đi đến giai-đoạn được hưởng đầy đủ tự-do của tinh thần để có thể dùng tất cả thì giờ tài năng mình trong công cuộc tranh-đấu bình đẳng cùng các nhà bác-học trứ danh thế-giới, để giải-quyết các vấn-đề khoa học lớn lao của nhân-loại. Như vậy sự tiến-triển trong xã-hội nước ta mới được đều hòa.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bàn đến tầng thứ ba của hỏa-tiễn văn-hóa chúng ta có thể nói rằng hiện nay, nước ta đã không thiếu nhân tài để khảo-cứu các vấn-đề khoa-học quan trọng mà quốc-tế đang chú ý đến, như nghiên-cứu về lý-thuyết nguyên-tử mà vừa đây hai nhà bác-học Trung-Hoa Yang và Lee đã chiếm được giải thưởng Nobel. Trên địa hạt này chúng ta có hai sinh-viên quê ở Cố-đô là cậu Cao-Xuân-Chuân và cậu Vĩnh-Mâu mà công trình nghiên-cứu đã có kết-quả rất được chú ý ở hải ngoại.

Một vấn-đề quan trọng nữa là vấn-đề danh-từ khoa-học và ngoại-ngữ.

Tiếng Việt ta hiện nay đã hoàn mỹ, đã được dùng làm chuyển-ngữ trong các ngành giáo khoa. Song về khoa học, tôi tưởng chúng ta còn thiếu danh-từ để giảng giải tinh vi, chúng ta cần phải chú trọng đến việc dịch thuật các tác-phẩm khoa-học quốc-tế để thâu thái những danh từ mà tiếng Việt còn thiếu. Trong khi chờ đợi kết quả của công trình ấy mà các bạn sẽ gặp một phần lớn công phu vào, tôi tưởng chúng ta nên tuyển chọn một vài ngoại ngữ, như Anh văn hoặc Pháp văn để tạm dùng trong khi chúng ta gấp rút cần phải tiến mạnh trong ngành khoa-học.

Nói tóm lại, Dân-tộc ước mong ở các bạn không những một tương-lai hạnh phúc và bác ái mà còn mong các bạn thi thố tài năng trên trường quốc-tế để đem lại vinh-quang cho Tổ quốc. Mỗi ngày mà khối kiến-thức của nhân-loại được phần đóng góp thêm của các bạn thì tiếng tăm của Đại-học-đường này càng thêm lừng lẫy và do đó nền văn-hóa của dân-tộc lại càng rực rỡ thêm trong hoàn-vũ.

Nền văn-hiến của ta đã có từ bốn ngàn năm, nay nhờ sức tài bồi của các thế-hệ tân-tiến hiện tại và tương-lai, hướng về khoa-học, sẽ hưng-vượng thêm và tiến-triển kịp với nền độc-lập của quốc-gia Việt Nam.

Các bạn sinh-viên đã đến lúc được vinh-dự ủy-nhiệm sứ-mạng cao-quý ấy, chắc chắn các bạn sẽ không lãng phí tài năng cũng như thì giờ để chuyên cần học tập, cố gắng tỏ ra xứng đáng là thanh-niên của thế hệ và để khỏi phụ lòng kỳ vọng của quốc dân.

BỬU - HỘI

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐIỂM SÁCH :

LUẬT THƯƠNG-MÃI TOÁT-YẾU

CỦA LÊ-TÀI-TRIỀN

TRONG mười mấy năm nay, ngành thương-mãi Việt-nam đã trải qua nhiều sự thay-đổi lớn-lao, vì nhiều yếu-tố :

Trước hết là chiến-tranh đã kích-thích hoặc tạo nên nhiều nghề buôn. Lúc sự sản-xuất không đủ để cung-cấp cho mọi nhu-cầu thì thế nào cũng tạo nên những món lãi cho các thương-gia. Từ gần vài chục năm nay, không khi nào tại Việt-nam có sự quân-bình giữa sản-xuất và tiêu-thụ. Những hàng-hóa thường được nhập-cảng không được mua đầy đủ vì chính những nước bán cho ta không sản-xuất thừa-thãi hay chính vì ta không có ngoại-tệ để mua.

Từ lúc chiến-tranh Việt-Pháp xảy ra, dân quê không thể ở yên với quân-đội Pháp hay với các cán-bộ, nguy-quyền của Việt-minh. Vì thế, một số người, chung ra không phải là ít, đã phải đến ở thành-thị. Đến đây, họ cũng phải kiếm một vài kế sinh-nhai. Nhu-cầu của quân-đội Pháp (có lúc đến ba mươi vạn người) khá lớn ; việc cung-cấp các thức ăn uống cho họ cũng đủ lãi rồi. Nhân đó, nhiều người chưa bao giờ hoạt-động về thương mãi cũng đâm vào, và những người đã hoạt-động lại có cơ-hội khuếch-trương hoạt-động của mình. Chung ra, thật tình chiến-tranh đã phát-triển nền thương-mãi của Việt-nam một cách đáng để ý.

Yếu-tố thứ nhì đã làm cho nền thương-mãi Việt-nam càng ngày càng phát-triển là sự hoàn thành nền độc-lập chính-trị của mình cùng chính-sách kinh-tế của Chính-phủ Cộng-hòa, nhắm mục-đích thực-hiện nền độc-lập kinh-tế của Việt-nam. Chúng ta không đủ sức để cạnh-tranh cùng các nước khác, mà chúng ta cũng không dồi-dào ngoại-tệ để có thể mua đồ dùng của ngoại-quốc mãi. Vì thế, Việt-nam phải có một chính-sách bảo-vệ mềm-dẻo. Nhưng, trong nước Việt-nam, từ mấy chục năm nay, những ngành

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

then chốt về kỹ-nghệ, thương-mãi đều nằm trong tay các ngoại-kiều nhất là Pháp-kiều và Hoa-kiều. Cái đó ai cũng nhận thấy. Tình-trạng nầy kéo dài không những bất lợi cho người Việt-nam mà còn nguy-hiểm cho nền độc-lập, cho sự tồn-tại ngay cả của quốc-gia, vì nếu có biến-cố gì quan-trọng xảy ra, các ngoại-kiều sẽ nghĩ đến những món lãi lớn hơn là đến quyền-lợi của Việt-nam. Cũng vì thế, Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa đã có Dụ số 53 ngày 6 tháng 9 năm 1956 cấm các ngoại-kiều, thuộc quốc-tịch nào cũng vậy, Trung-Hoa, Pháp, Hoa-kỳ... không được làm mười một nghề mà các báo-chí đã nói đến nhiều rồi. Ai thay thế những ngoại-kiều ấy ? Lẽ dĩ-nhiên, người Việt-nam.

Chúng ta cũng phải công nhận rằng chúng ta ít biết luật-pháp thương-mãi ; mà theo nguyên-tắc, không ai có thể xem như không biết pháp-luật (Nemo censitur ignorare legem), thì việc không biết luật-lệ thương mãi đối với nhà buôn là một việc rất nguy-hiểm, và lẽ dĩ nhiên bất lợi.

Cũng vì vậy, chúng tôi đã đón quyển « *Luật Thương-mãi toát-yếu* » của Ông Lê-tài-Triển một cách đầy cảm-tình.

Chính tác-giả cũng đã trình-bày hầu hết các ý mà chúng tôi đã trình-bày trên. Tác-giả cũng đề-cập đến vấn-đề các sinh-viên Trường Đại-học Luật-khoa. Trong các ngành Đại-học, không có ngành nào dễ tổ-chức, cần tổ-chức như ngành Luật-học. Nước nào cũng thế cả. Giáo-sư hiện nay tương-đối nhiều, mà việc giảng dạy không cần những điều kiện gì phiền-phức, nên tại Việt-nam, cũng đã có Trường Đại-học Luật-khoa từ lúc Pháp thuộc, nay lại có vài ba trường và số sinh-viên không phải là ít. Các sinh-viên ngày xưa thường học luật của Pháp và sách bằng Pháp-ngữ về Luật-học có thể nói là rất dồi-dào, vì dẫu sao, Pháp là một trong những nước nổi tiếng nhất về luật-học Sinh-viên ngày nay phải học luật Việt-nam. Vẫn rằng các giáo-sư cũng dạy những nguyên-tắc quốc-tế song song với chế-độ pháp-lý Việt-nam ; dẫu rằng những quyền luật của Việt-nam cũng dựa trên những quyền luật của Pháp ; nhưng thế nào đi nữa, luật ta cũng có những đặc tính của nó, nên học sinh Việt-nam phải học luật Việt-nam. Để thêm kiến-thức, học-sinh phải đọc thêm sách Pháp hay Anh-Mỹ. Rất tiếc là sinh-viên ngày nay không giỏi về Pháp-ngữ lắm để có thể có ý muốn nghiên-cứu thêm về luật-học nhờ các sách in bằng Pháp-ngữ. Vì thế, cần có một số

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sách in bằng Việt-ngữ. Về loại sách nầy, chúng tôi cũng thấy sự cố-gắng của các học-giả trong Nhóm Phổ-thông Hà-nội trước đây và Nhóm Giáo-sư Đại-học Luật-khoa Sai-gòn bây giờ ; song số sách dùng được vẫn rất còn ít. Cũng vì vậy, chúng tôi thấy rằng quyển sách của ông Lê-tài-Triển có ích rất nhiều không những cho sinh-viên mà còn cho những ai cần sống ở trong lĩnh-vực thương-mãi.

Chúng ta sẽ thấy giá-trị quyển sách hơn nữa nếu chúng ta thấy những sự khó-khăn của tác-giả đã gặp trong lúc soạn cuốn ấy. Những nỗi khó-khăn ấy có thể chia ra nhiều loại :

Thứ nhất là thiếu *tài-liệu*. Tài-liệu mà chúng tôi muốn nói đây là những bộ luật thương-mãi. Tại Việt-nam, chỉ có Trung Việt là có Bộ luật thương-mãi. Bộ luật nầy ít điều-khoản mà những ý chính lại nằm trong quyển Luật thương-mãi của Pháp. Vì thế, tác-giả phải dựa trên hai quyển luật mà trình-bày các ý : Luật của Pháp và Luật áp-dụng ở Trung-Việt.

Thứ hai là vấn-đề *danh-từ*. Hiện nay, Việt-nam chưa có một Hàn-lâm-viện để định-nghĩa các danh-từ nên mỗi người tự tìm lấy những danh-từ cần-thiết. Vẫn rằng cũng có những quyển của các ông Vũ-văn-Mẫu, Đào-văn-Tập, Nguyễn-văn-Trạc, Phan-văn-Thiết, và trong phạm-vi thương-mãi, người ta cũng đã phải dùng những danh-từ vì nhu-cầu ; tuy thế, vấn-đề danh-từ vẫn là một vấn-đề khó khăn ; tác-giả có thể tìm ra chữ mà ngại rằng độc-giả không hiểu mình được. Nhưng cũng chính vì lúc chưa có Hàn-lâm-viện mà việc dùng danh-từ bất-nhất, nên chúng tôi nghĩ rằng, trong lúc giao-thời, tác-giả nên thêm những chữ Pháp sau những danh-từ có phần chuyên-môn để những ai muốn học luật thương-mãi mà đã biết ít chữ Pháp có thể đọc quyển sách một cách dễ-dàng hơn. Tác-giả cũng đã dùng phương-pháp ấy, chỉ có hơi ít thôi.

Thứ ba là sự *bỡ-ngỡ* của sinh-viên và dân-chúng về luật thương-mãi. Các thương-gia mới sống với không-khí luật thương-mãi trong mười năm hơn thôi và sinh viên chỉ mới làm quen với nó tại trường mà luật thương-mãi tương-đối thuộc về môn khó học. Tác-giả có lẽ cũng đắn-đo trong việc trình-bày các ý, vì cũng ngại rằng nếu nói ít thì độc-giả khó

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hiểu mà nói nhiều, họ lại khó nhớ. Chúng tôi nhận thấy rằng đây chỉ là một toát-yếu ; thế nhưng các vấn-đề trong quyển sách đã được trình-bày khá rõ ràng, khúc-chiết. Đây chỉ là tập 1 mà thôi ; còn tập khác đề-cập đến vấn-đề rất quan-trọng là những công-ty thương-mãi. Trong tập 1 nầy (dày gần 150 trang), có tất cả bảy chương, chia ra như sau :

Chương I : Định-nghĩa danh-từ nhà buôn.

Chương II : Những hành - vi thương-mại.

Chương III : Những điều-kiện và nhiệm-vụ của nhà buôn.

Chương IV : Cửa hàng thương-mại.

Chương V : Những thương-phiếu.

Chương VI : Việc xét xử những vụ tranh - tụng có tính - cách thương - mại.

Chương VII : Những khế-ước thương-mại.

Chúng ta nhận thấy rằng trong bảy chương, tác-giả cũng đã nói đến những vấn-đề quan - trọng trong lĩnh-vực thương-mãi. Các vấn-đề ấy, tác-giả đã chịu khó trình-bày làm thế nào cho độc-giả có thể hiểu ngay ý muốn của tác-giả. Đó là một điều đáng khen nhất là đây chỉ là một toát-yếu mà thôi.

Tóm lại, chúng tôi nhận thấy rằng sự cố gắng của ông Lê-tài-Triển là một sự cố gắng đã đem đến những kết-quả khả-quan.

ĐINH - VIỆT - THỦY

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ

XIN GIỚI-THIỆU CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ :

LUẬT-KHOA KINH-TẾ

CỦA TRƯỜNG LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN

17, Đường Duy-Tân Sài-Gòn — Xuất bản một năm 4 Số.

Trong số 3, năm thứ hai (1957) có những bài khảo-luận của : **Vũ-văn-Mẫu** : Các hệ-thống pháp-luật trên thế giới. **Nguyễn-Độ** : Sự cần-thiết và phương-pháp cải tiến các kỹ-thuật hình sự tại Vietnam. **Lê đình-Châu** : Tài chính công cổ-điển và tài chính công hiện-tại. **Tôn-thất-Thiệu** : Bàn thêm về vấn đề phát-triển kinh-tế các nước hậu tiến.

ACTA MEDICA VIETNAMICA

TẠP CHÍ Y-HỌC CỦA Y-DƯỢC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SÀI-GÒN

28. Trần-quý-Cáp Sàigon — Xuất bản 3 tháng một kỳ.

(bằng Việt, Anh, Pháp văn)

Tạp chí này nối tiếp tạp chí : L'Extrême — Orient — Médial đã bị gián đoạn ít lâu vì thời cuộc. Số đầu đã xuất bản vào tháng 10-1957, gồm nhiều bài khảo-cứu của các Ô. **Trần-Vỹ, Phạm-biểu-Tâm, Trần-đình-Đệ, Nguyễn-đình-Cát** v.v... Trong bài phi-lộ có đoạn viết : « Tiếng Việt cố đặt những nền móng để tiến đến địa-vị tiếng căn bản dùng sau này cho tất cả các sáng tác về Y-học và các Khoa-học về sinh-học ».

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

Do Nha Văn-hóa thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục — xuất bản

266, Đường Công-lý — Sài-gòn

CỔ-HỌC QUÝ-SAN

CỦA HỘI VIỆT-NAM CỔ-HỌC

Với mục-đích « chấn-hưng Khổng-giáo và phát-triển văn-hóa cổ-truyền của VIỆT-NAM »

Số 1 Khâm-thiên, — Đường Hàn-Thuyên — Thành-nội Huế

Trong số 3 năm 1957, có những mục Luân-lý, Triết-lý, Lịch-sử, Văn-uyển và tạp trở gồm những bài như **Luận-ngữ giảng-giải, Đạo xử thế, Trung dung dịch-giải, Thuyết nhân-vị v. v.**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC

XUẤT-BẢN HAI THÁNG MỘT KỲ

Tòa-soạn và Trị-sự : số 36, đường Lê-Lợi — HUẾ

Giá báo mỗi số 15$00

Giá thường

	Ở Đô-thị Huế	Ở các tỉnh Trung và Nam Phần
6 tháng	45$00	50$00
1 năm	90$00	100$00

Công sở : giá gấp đôi

Ngoại quốc : thêm cước phí

Giá ủng-hộ :

500$00 trở lên

HỘP THƯ TÒA - SOẠN

Bạn TRẦN - VĂN - TOÀN (Mayence, Đức). — Đã nhận được bài « Trở lại vấn-đề Tự-do và Hợp-lý », sẽ đăng trong số sau.

Giáo-sư THANH - LÃNG (Trường Tân-Thanh, Blao). — Mong thư và bài của Giáo-sư.

Bạn NGUYỄN - QUỐC - BẢO, Sài-gòn. — Bạn phàn nàn về lối trình bày số trước. Xin bạn hiểu cho kỹ-thuật ấn-loát hiện tại ở địa-phương dĩ-nhiên không thể sánh với Sài-gòn được.

Nhắn chung các bạn gửi Chuyện ngắn và Thơ. — Rất tiếc không thể đăng được vì Đại-Học không phải là Tạp chí Văn-nghệ. Thành thực cảm tạ thiện-chí của các bạn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ

Tạp chí Nghiên-cứu ĐẠI-HỌC HUẾ đã nhận được những số tiền gởi về ủng-hộ hoặc bưu-phiếu mua dài hạn của Quý-vị độc-giả sau đây, Tạp-chí ĐẠI-HỌC xin trân-trọng có lời cảm-tạ :

Ông Nguyễn-văn-Khoa Kiến-giang Nam-Việt	50$00
— Nguyễn-bích-Liên kỷ-sư Rạch-giá	50$00
— Bùi-văn-Nhứt, kỷ-sư Rạch-giá	50$00
L.M. Nguyễn-xuân-Văn Qui-nhơn	90$00
Ông Hiệu-trưởng trường Nguyễn-Du Huế	100$00
— Hiệu-trưởng trường Bình-Linh Huế	45$00
— Võ-văn-Hải 112, Phan-đình-Phùng Saigon	100$00
— Nguyễn-phương-Thiệp Dân-biểu Quốc-Hội Saigon	100$00
— Bùi-sơn-Duân 174/2 Yên-đổ Saigon	90$00
— Bùi-văn-Dậu Hiệu-trưởng trường Kỷ-thuật Huế	50$00
— Đinh-thế-Sỹ Dân-biểu Quốc-hội Saigon	100$00
— Phan-quang-Đông 76 Huyền-Trân công-chúa Huế	100$00
— Nguyễn-xuân-Sung Tỉnh-đường Quảng-ngãi	100$00
— Nguyễn-khoa-Hoàng Biện-lý Tòa Sơ-thẩm Huế	100$00
— Phan-văn-Cơ kỷ-sư Huế	100$00
— Đoàn-Nhượng Dân-biểu Quốc-hội Saigon	100$00
— Ngô-Ganh, Chánh-sự-vụ Đài phát-thanh Huế	100$00
Cô Ngọc-Vân 22 Đoàn-như-Hãi Saigon	50$00
Bộ Kinh-Tế 59 Gia-Long Saigon	500$00
Ông Trần-văn-Toán Tỉnh-trưởng Bình-Long Nam-Việt	100$00
— Đặng-văn-Lục 41 Phan-chu-Trinh Đà-nẵng	100$00
— Trần-văn-Dĩnh Lãnh-sự Việt-Nam tại Miến-Điện	500$00
— Thống-Đốc Ngân-hàng Quốc-gia Việt-Nam Saigon	5.700$00
Các vị Giáo-sư trường Trung-học Phan-chu-Trinh Đà-nẵng	800$00
Ông Lưu-Khôn Giáo-sư trường Phan-thanh-Giản Cần-thơ	100$00
Ông Vương-hảo-Thuận Hiệu-Trưởng Trà-Vinh	180$00

(*còn nữa*)

TẠP-CHÍ NGHIÊN CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC

TRONG SỐ TRƯỚC CÓ NHỮNG BÀI :

NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*Đặt lại vấn đề truyện Kiều*
TRẦN-VĂN-TOÀN	*Lý-tính và Tự-do*
LÊ-THANH-CHÂU	*Thi-sĩ cận-đại Anh*
HOÀI-YẾN	*André Gide, đứa con phung phá*
HẢI-LÝ	*Địa-vị con người*
LÊ-KHẮC-QUYẾN và DƯƠNG-ĐĂNG-BĂNG	*Các Loại máu*
BỬU-KẾ	*Lược khảo về Thư-viện*
TẠP CHÍ ĐẠI-HỌC	*Giới thiệu Viện Đại-học Huế*
NHẤT-LÊ	*Giải thưởng Nobel*
HOÀNG-THÁI-LINH	*Văn-minh Đông phương và Tây phương*

TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC TRONG NHỮNG SỐ TỚI :

LÊ-TÀI-TRIỂN	*Nạn-nhân và Tố-quyền của Nạn-nhân trong một tai nạn có bảo-hiểm*
NGUYỄN-TOẠI	*Ly-dị trong Luật xưa*
BỬU-KẾ	*Hai chữ Trí-kỷ trong Văn-chương Trung Hoa và Việt-Nam*
TRẦN-VĂN-ĐÌNH	*Những tác-phẩm có giá-trị trong Văn-chương Thái-Lan*
NHẤT-THANH	*Một vài nhận xét về Phê-bình Văn-chương Ngoại-Quốc*
LÊ-KHẮC-QUYẾN	*Vài nhận xét về bệnh Câu-trùng ở Huế*
TRẦN-VĂN-TOÀN	*Trở lại vấn đề Tự-do và vấn đề Hợp-lý*
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*Vấn đề Giai-cấp lãnh đạo theo lập trường Mác-Xít và theo nhóm « Quan-điểm »*
PHẠM-MINH-THĂNG	*Thiết-lập một Lý-thuyết về nhà nước*

IN TẠI NHÀ IN THÁNH-TÂM HUẾ

GIÁ 15$00

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục